

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

SỐ 5-2018 (128)
NĂM THỨ 24

**TÌNH THẦN GIA PHONG
CỦA PHẬT GIÁO TRÚC LÂM
THỜI TRẦN**

**NHỮNG NHÀ SƯ
TRỤ TRÌ CHÙA THẦY VỚI
VĂN CHƯƠNG, HỌC THUẬT**

**ĐẠO ĐỨC THEO
QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO**



AVG

TRUYỀN HÌNH AN VIÊN

Nguồn lợi ích của đồng bào
Niềm tự hào của người Việt



AnViên HD

 **Kênh An Viên** - Kênh Văn hóa Phương Đông, được xem là kênh đặc sắc trong số các kênh phát trên hệ thống **Truyền hình An Viên**, có nội dung mang âm hưởng văn hóa Phương Đông, truyền thống dân tộc với cách thể hiện dung dị, dễ hiểu và đa dạng nội dung.

 **Kênh An Viên** gồm các chương trình mà AVG liên kết với các đài phát thanh - truyền hình sản xuất và nhiều chương trình đặc sắc mua bản quyền từ nước ngoài nhằm mang thêm hương vị phong phú cho kênh.

 **Kênh An Viên** là kênh duy nhất trên hệ thống kênh của **Truyền hình An Viên** không có quảng cáo và sử dụng công nghệ truyền hình độ nét cao (High definition - HD).



TỔNG ĐẠI HỖ TRỢ:
 **1900 1900**
www.truvenhinhanvien.vn



Hội đồng cố vấn
 Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
 Giáo sư VŨ KHIẾU
 Giáo sư HÀ VĂN TẤN
 Giáo sư PHẠM MINH HẠC
 Cư sĩ TRẦN KHÁNH DŨ
 Ông BÙI HỮU DƯỢC

Tổng Biên tập
 Hòa thượng THÍCH GIA QUANG

Phó Tổng Biên tập
 Hòa thượng THÍCH THANH NHIỄU
 Đại đức THÍCH ĐỨC THIÊN
 Cư sĩ PHẠM NHẬT VŨ

Trưởng Ban Biên tập
 GIỚI MINH

Biên tập
 THÍCH ĐÀM HÌNH
 BẢO CHÂN

Trình bày
 LÊ MẠNH THẮNG

Phụ trách hình ảnh
 PHÙNG ANH TUẤN

Toà soạn và trị sự
 CHÙA QUẦN SỬ
 Số 73 phố Quán Sứ, Hà Nội
 Điện thoại: 04. 39423887
 Email: phathocvietnam@gmail.com
 Tài khoản: 102010000032825 - Sở Giao dịch
 Ngân hàng Công thương Việt Nam

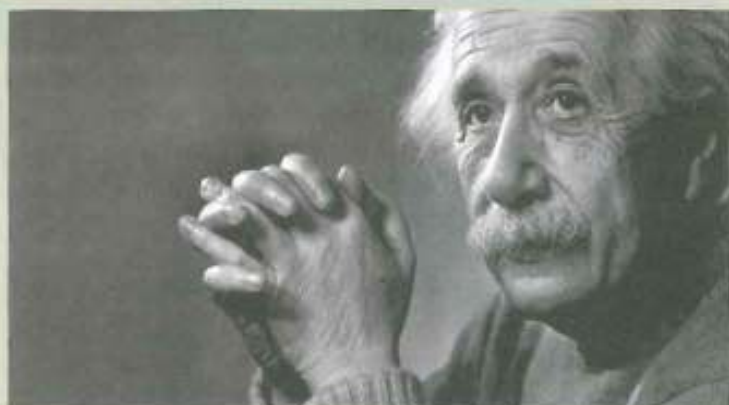
Đại diện phía Nam
 CHÙA VĨNH NGHIÊM
 Số 339, Nam Kỳ khởi nghĩa, P.7, Q.3, TP. HCM
 Đại đức THÍCH THANH PHONG
 Điện thoại: 08. 38 483 153
 Email: vinhnghiemvn@yahoo.com

Giấy phép xuất bản
 Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại
 Công ty Cổ phần In nhanh Hoàng Minh
 Giá: 30.000đ



TRONG SỔ NÀY



GIÁO LÝ

Đạo đức theo quan điểm của Phật giáo.....	3
Vai trò và ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của đồng bào các dân tộc ở vùng núi phía Bắc nước ta.....	6
Tinh thần gia phong của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần.....	10
Điều tâm chuyển nghiệp ác hướng tâm thiện trong giây phút lâm chung từ Kinh tạng Pali.....	14

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

Năm Pháp khiến Chánh pháp không diệt ở thời mạt Pháp.....	17
Hoa Sen gắn với biểu tượng Phật giáo (Tìm hiểu qua cuốn Từ điển Nho - Phật - Đạo).....	22
Lá Bồ đề.....	25
Khất thực một phép tu truyền thống của đạo Phật.....	27
Phật giáo miền Bắc thời kỳ 1954 - 1981.....	29

TRAO ĐỔI

Luận ban tư duy của Albert Einstein nhìn theo góc độ quan điểm của Phật giáo.....	34
Trao đổi về "Hiện pháp lạc trú".....	38
Thế nào là tín đồ Phật giáo Việt Nam.....	41
Ai tiếp tay cho Duy Tuệ xúc phạm Phật giáo?.....	44

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Thiền viện Trúc Lâm Tây thiên.....	47
Những nhà sư trụ trì chùa Thầy với văn chương, học thuật.....	51
Nhà sư Như Tùng và bài văn Phổ khuyến xây dựng Chùa Cao ở Sài Sơn.....	57
Tư tưởng Phật giáo qua nghệ thuật gốm sứ.....	59

SUY NGẪM

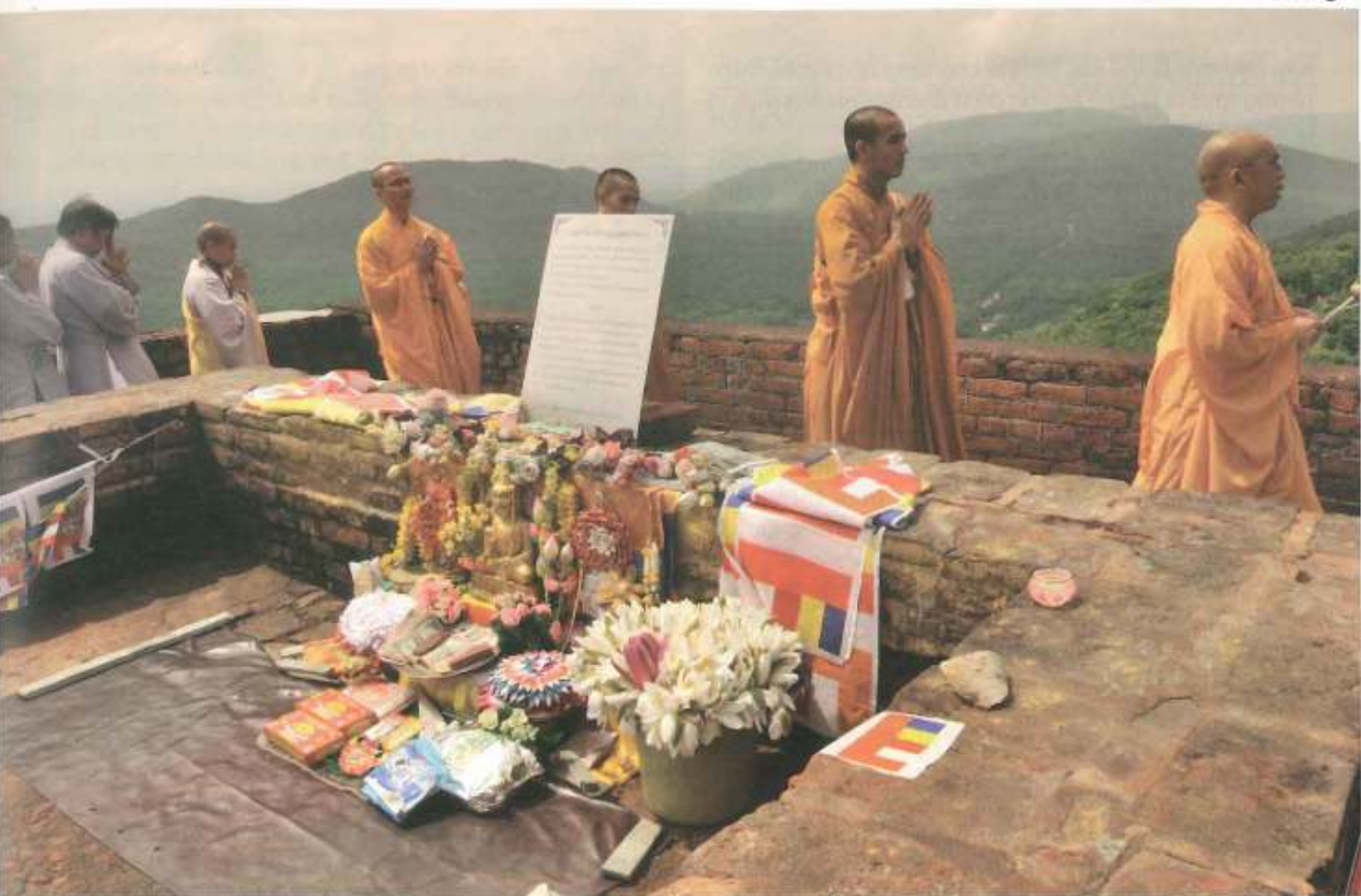
Người bạn ấy, vị bụt tương lai.....	61
-------------------------------------	----

BÀI GIỚI THIỆU

Đạo tràng và sự phát triển của đạo Phật.....	63
Hành trình về đất Phật.....	64
Đại đức Thích Thanh Cường tấm lòng tử bi nơi của Phật.....	65
Cỏ Bảy Nở, Tâm bồ đề dâng Phật.....	66
Chùa Linh Ứng - Nam Định Nơi nương tựa của những mảnh đời.....	68
Chốn đi về của những mảnh đời.....	69

SƯU TẦM TRỌN BỘ

THƯ KẾT NỐI.....	71
PHẬT GIÁO TRONG NƯỚC.....	72
PHẬT GIÁO THẾ GIỚI.....	74
PHƯƠNG DANH CÙNG DẰNG.....	76



ĐẠO ĐỨC

theo quan điểm của Phật giáo

● Minh Hạnh

I. ĐẠO ĐỨC

Đạo đức theo nghĩa thông thường, cơ bản là những phẩm chất tốt đẹp của con người thể hiện qua nếp sống, lối ứng xử, tư duy, hành động. Mỗi xã hội, mỗi tầng lớp xã hội, mỗi hệ tư tưởng, tôn giáo, triết học có những quan điểm về đạo đức khác nhau. Tuy nhiên, để xây dựng và phát triển tốt các mối tương quan xã hội, người ta luôn hướng đến quan niệm đạo đức chung được xem là những gì phù hợp với sự tiến bộ, phát triển, phù hợp với lợi ích cộng đồng xã hội. Tính nhân bản, nhân văn và lợi ích cho số đông luôn là tiêu chí hướng đến để thiết lập những nền tảng đạo đức.

II. ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO

1. Đạo đức gắn liền với quan niệm thiện - ác hay Nghiệp:

Trong Phật giáo, đạo đức gắn liền với quan niệm thiện-

ác hay Nghiệp (*Karma, Kamma*). Nghiệp là hành vi, lối sống của con người. Nói chính xác theo Phật giáo thì Nghiệp là hành động có tác ý (*Volitional action*). Bất cứ suy nghĩ, lời nói, hành động nào có chủ tâm, cố ý đều gọi là Nghiệp. Về bản chất có Nghiệp thiện và Nghiệp ác, cũng gọi là Bạch nghiệp (*ngiệp tốt*), Hắc nghiệp (*ngiệp xấu*).

Người có đạo đức, phẩm chất tốt là người có tư duy, hành động, lời nói thiện lành, tác ý nghiệp (*tư duy - suy nghĩ*), thân nghiệp (hành động), khẩu nghiệp (*lời nói*) tốt đẹp. Tuy nhiên, như thế nào là thiện lành, như thế nào là tốt đẹp?

Nếu không có quan niệm rõ về thiện - ác, tốt - xấu thì đạo đức chỉ là tiếng nói suông. Đây là vấn đề quan trọng nhưng ít người ý thức được. Người ta cứ cho là phải sống thiện, sống có lương tâm (*thiện tâm*), đạo đức, nhưng thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là đạo đức thì không xác định được. Hoặc có người quan niệm đạo đức là thế

này, đạo đức là thế kia, đôi khi cho rằng đó là điều thiện nhưng thực ra là điều ác, cho đó là đạo đức nhưng thực ra là vô đạo đức.

a. Đạo đức hay Thiện là hành vi, việc làm không đưa đến tự hại (*hại mình*), không đưa đến hại người khác, không đưa đến hại cả hai (*mình và người*) trong hiện tại và tương lai. Việc thiện tốt nhất là việc chẳng những không có hại mà còn có ích cho bản thân và cho người khác.

Một trong những bài kinh nổi tiếng mà Đức Phật dạy là kinh Ambalatthikārāhulovāda Sutta (Kinh Giáo giới La hẩu la ở rừng Am ba la, thuộc Trung Bộ kinh II). Trong bài kinh này Đức Phật có dạy rõ về tiêu chuẩn của đạo đức hay điều thiện.

Đức Phật dạy: “Này La hẩu la, trước khi hành động điều gì, con phải quán xét, suy gẫm tận tường. Trước khi nói điều gì con phải quán xét và suy gẫm tận tường. Trước khi suy tính và quyết định điều gì, con phải quán xét và suy gẫm tận tường. Này La hẩu la, bất cứ điều gì con muốn làm bằng thân, phải quán xét, suy gẫm, nếu biết rõ: “Thân nghiệp này ta muốn làm, thân nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai (mình và người), thì thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến phiền não khổ đau”. Một thân nghiệp như vậy, này La hẩu la, con nhất định chớ có làm. Này La hẩu la, nếu sau khi quán xét, suy gẫm, con thấy rõ: “Thân nghiệp này ta muốn làm, thân nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, thì thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc”. Một thân nghiệp như vậy là thiện, này La hẩu la, con nên làm. Này La hẩu la, trong khi đang làm điều gì bằng thân, con phải quán xét, suy gẫm tận tường, nếu con biết rõ: “Thân nghiệp này ta đang làm, thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, thì thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ”. Này La hẩu la, thân nghiệp như vậy là bất thiện, con hãy từ bỏ thân nghiệp ấy. Nhưng nếu trong khi quán xét, suy gẫm, con biết như sau: “Thân nghiệp này ta đang làm, không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, thì thân nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc”. Thân nghiệp như vậy, này La hẩu la, con cần phải tiếp tục làm.

Này La hẩu la, sau khi con làm xong một thân nghiệp, con cũng cần phải quán xét, suy gẫm về thân nghiệp ấy như sau: “Thân nghiệp này ta đã làm, thân nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người khác, đưa đến hại cả hai, thì thân nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”. Một thân nghiệp như vậy, này La hẩu la, con cần phải thưa lên thầy mình, cần phải trình bày trước thầy mình, các bậc đạo sư, hay trước các vị đồng phạm hạnh, các bậc thiện tri thức. Sau khi đã phát lồ sám hối, con phải chừa bỏ, không nên tái phạm. Này La hẩu la, như thế ấy con phải cố gắng luyện tập, trau dồi, luôn luôn quán xét, suy gẫm tận tường để giữ cho mọi hành động bằng thân, khẩu, ý được trong sạch”.

Đức Phật dạy La hẩu la trước khi làm việc gì, trong khi

làm việc gì và sau khi làm việc gì, trong ba thời gian tạo tác đó đều cần phải tư duy quán xét để tránh những lầm lỗi, bất thiện nghiệp tạo ra từ thân, khẩu, ý. Đối với những lỗi lầm đã tạo cần phải phát lồ ăn năn sám hối và nguyện không tái phạm.

Một số quan niệm về thiện - ác trong các kinh luận Phật giáo:

- Nếu được lợi mình, lợi người; lợi hiện tại và vị lai đều do tâm thiện làm gốc, nếu bị tổn mình (*có hại cho mình*), tổn người (*có hại cho người khác*), tổn hiện tại và vị lai (*có hại trong hiện tại và tương lai*) đều do tâm bất thiện làm gốc (Thành thật luận, phẩm Giải).

Nếu việc làm khéo léo, hay chiêu cảm quả ưa thích, tính an ổn, gọi là thiện. Nếu việc làm không khéo léo, hay chuốc lấy quả không thích, tính không an ổn, gọi là bất thiện... Lại nữa, nếu việc làm hay chiêu cảm quả khả ái, quả được vui, gọi đó là thiện. Nếu hay chiêu cảm quả bất ái, quả bị khổ, gọi là bất thiện.

Lại, nếu việc làm hay dẫn mầm trong các cõi khả ái và mầm giải thoát, gọi là thiện. Nếu việc làm hay dẫn mầm trong các cõi phi ái, mầm bị phiền não trói buộc, gọi là bất thiện.

Lại, nếu việc làm hay khiến sinh cõi lành, gọi là thiện. Nếu việc làm hay khiến sinh cõi ác, gọi là bất thiện.

Tóm lại, hành động, việc làm chiêu cảm quả an ổn, ưa thích, đời này và đời sau, gọi là thiện. Việc làm chiêu cảm quả đáng chán, đau khổ, đời này và đời sau, gọi là ác (Tỳ bà sa luận, quyển 51, tạng Đại chánh tân tu, tập 27, trang 263 - Đoạn văn trên do HT. Thích Thanh Từ dịch và giải thích).

- Việc làm có lợi ích đời này, đời sau gọi là thiện. Việc làm tuy hiện tại có lợi mà đời vị lai không có lợi, chưa phải là thiện. Việc làm tổn hại đời này, đời sau, gọi là ác (Thành duy thức luận, quyển 5, tạng Đại chánh tân tu, tập 31, trang 26).

- Nghiệp thiện là hành vi theo luân lý học hay đạo đức học ở thế gian, về Phật pháp gọi là thuận hạnh học. Nghiệp thiện đứng về không gian là lợi mình, lợi người; về thời gian thì hiện tại, vị lai đều lợi. Nếu không xét đến lợi người và nhìn xa về vị lai, chỉ căn cứ lợi ích cho mình ở hiện tại trước mắt, ấy là nghiệp ác.

Nghiệp thiện lấy lợi ích đại chúng làm tiền đề, nên kết quả tự tha đều lợi (*mình và người đều có lợi*). Nghiệp ác lấy tổn hại đại chúng làm tiền đề, nên kết quả tự tha đều hại (*có hại cho mình và người khác*) (Thái Hư Đại sư, Truyền luận kinh Thập thiện nghiệp đạo).

b. Đạo đức Phật giáo là Thập thiện:

Kinh Thập thiện nghiệp đạo nêu ra 10 điều thiện, cũng gọi là Thập thiện pháp, được xem là căn bản của tất cả những điều thiện trên thế gian, là nguồn gốc của an vui hạnh phúc trong hiện tại và tương lai.

Thập thiện nghiệp (10 nghiệp lành) hay 10 điều thiện, đó là không sát sinh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ, không lường thiệt, không ý ngữ, không ác khẩu, không tham dục, không sân khuê và không si mê, tà kiến.



Ảnh: Minh Tâm

Sát sinh là giết hại sinh mạng, cắt đứt mạng sống của chúng sinh khác, tự mình giết hoặc sai bảo, nhờ vả hay thuê mướn người khác giết thay mình, hoặc tùy hỷ (*vui theo*) khi thấy người khác giết.

Trộm cắp là chiếm vật thuộc sở hữu của người khác, lấy của của người khác khi chưa có sự đồng ý của họ (*trộm, cướp, lừa đảo, chiếm đoạt*).

Tà hạnh, đối với người tại gia là không tà dâm, ngoài vợ chồng chính thức ra không quan hệ bất chính với người nam, người nữ khác; đối với người xuất gia là không dâm dục, sống độc thân giữ phạm hạnh thanh tịnh.

Vọng ngữ là nói lời dối trá, sai sự thật. Lưỡng thiệt là nói lời dối chiều, nói đồn xóc hai đầu, nói lời ly gián, nói hai lưỡi, nói lời xúi giục tạo sự bất hòa, hiềm khích, gây thù oán, mâu thuẫn, xung đột.

Ác khẩu là nói lời độc ác làm tổn thương người khác, gieo đau khổ cho người khác như mắng nhiếc, chửi bới, trù rủa v.v..

Ỗ ngữ là nói lời hoa mỹ, trau chuốt để lấy lòng người nhưng không phản ánh đúng sự thật, đúng tâm ý của mình. Ỗ ngữ là lời ngon, tiếng ngọt được nói nhằm mục đích lừa đảo mưu đoạt lợi, để dụ dỗ, lôi cuốn, mê hoặc, khiến cho người khác mất cảnh giác, mất lý trí, rơi vào tội lỗi, làm chuyện hại mình, hại người hoặc hại cả hai.

Tham dục là tham muốn, đắm say dục lạc thế gian. Tham dục là tham muốn, say mê hưởng thụ năm món dục lạc: tài, sắc, danh, thực, thụ, hay nói rộng hơn là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Sân khuê hay sân nhuê là nóng giận. Đối với cảnh vừa lòng thích ý thì sinh tâm tham muốn, mong cầu (*tham dục*); đối với cảnh trái ý nghịch lòng thì sinh tâm nóng nảy, tức giận (*sân khuê*).

Si mê, tà kiến là mê tín dị đoan, chấp thường hằng (*thường kiến*) và đoạn diệt (*đoạn kiến*), chấp nhơn chấp ngã, chấp hữu chấp vô v.v.. Nói chung tà kiến là thấy biết sai lầm, lệch lạc, không đúng sự thật, chân lý, thấy biết ngu mê khiến con người đảo điên tâm trí.

Đức Phật dạy chúng sinh muốn được lợi ích lớn từ các

thiện nghiệp thì, chẳng những vĩnh viễn không giết hại chúng sinh mà còn phóng sinh, cứu giúp, ban tặng, bảo hộ sự sống cho muôn loài; chẳng những vĩnh viễn không trộm cắp mà còn bố thí, sẻ chia, giúp đỡ; chẳng những vĩnh viễn không tham, không sân mà còn thực hành từ bi, hỷ xả, thường cứu khổ ban vui, đem tài thí, pháp thí, vô úy thí giúp chúng sinh có được an vui, hạnh phúc; chẳng những không nói lời vọng ngữ, lưỡng thiệt mà còn nói lời chân thật, nói lời hòa hiệp, vô tranh khiến cho mọi người đoàn kết, thuận hòa; chẳng những không nói ác khẩu mà còn nói lời từ ái, nhu hòa khiến cho người khác cảm thấy an vui v.v.. Đó chính là căn bản của điều thiện, căn bản của đạo đức.

Đức Phật dạy lợi ích của việc thực hành Mười nghiệp thiện là đời sống hiện tại an vui hạnh phúc, làm được việc lợi mình, lợi người, tương lai sau khi thân hoại mạng chung được sinh về các cảnh giới an lành như cõi trời, cõi người và được nhiều phước báo tốt đẹp.

c. Đạo đức là Tam tụ tịnh giới:

Khi thực hành ba tụ tịnh giới sau đây cũng giống như thực hành Thập thiện nghiệp, bởi ba tụ tịnh giới bao hàm cả Thập thiện nghiệp.

1. Nhiếp luật nghi giới: hành trì các giới pháp, luật nghi, từ bỏ mọi điều ác, bất thiện. Cụ thể là Tam quy, Ngũ giới dành cho người tại gia, Thập giới (10 giới) dành cho hàng xuất gia Sa di, Sa di ni, Cụ túc giới dành cho người xuất gia (*250 giới dành cho tỷ kheo và 348 giới dành cho tỷ kheo ni*), ngoài ra còn có oai nghi, tế hạnh.

2. Nhiếp thiện pháp giới: siêng năng, tinh tấn tu tập thiện pháp và làm các việc lành. Thiện pháp là các pháp hành, hay nói cụ thể là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần, Bát Thánh đạo phần (*Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*), Lục độ vạn hạnh v.v..

3. Nhiếp ích hữu tình giới: làm việc lợi ích cho đời, mang lại an lạc hạnh phúc cho chúng sinh.

d. Đạo đức là Bát Chánh đạo:

Bát Chánh đạo hay Bát Thánh đạo được xem là con đường chân chánh, thiện lành đưa đến an lạc, hạnh phúc trong hiện tại và tương lai. Bát Chánh đạo gồm có: Chánh kiến (*thấy biết chân chánh*), chánh tư duy (*suy nghĩ chân chánh*), chánh ngữ (*lời nói chân chánh*), chánh nghiệp (*hành vi chân chánh*), chánh mạng (*nghề nghiệp chân chánh*), chánh tinh tấn (*cố gắng, siêng năng chân chính*), chánh niệm (*nhớ nghĩ chân chánh*) và chánh định (*sự chú ý, tập trung cao độ vào những điều chân chánh đưa đến an lạc, hạnh phúc*).

Những điều nói trên được xem là nền tảng đạo đức của Phật giáo, nó định hướng cho mọi tư duy, hành động trong đời sống cá nhân, gia đình và xã hội. Nền tảng này được thiết lập trên cơ sở thực tế nhận thấy rõ bản chất và quy luật của đời sống bằng trí tuệ giác ngộ của Đức Phật.

Khi nỗ lực kiến tạo đời sống hiện tại và tương lai đồng thời góp phần xây dựng xã hội trên nền tảng đạo đức đó, chính là hướng đến những giá trị an lạc, hạnh phúc chân thật và bền vững.



1. Vai trò và ảnh hưởng của Phật giáo góp phần phát triển kinh tế xã hội ở vùng núi phía Bắc

Vùng núi phía Bắc nước ta bao gồm 15 tỉnh (Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình); nhìn chung đời sống kinh tế xã hội và mức sống của người dân ở các tỉnh vùng núi phía Bắc đang còn thấp hơn mức bình quân chung. Tỷ lệ hộ nghèo cũng cao nhất so với các khu vực khác trong cả nước, bên cạnh đó các điều kiện về kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng giao thông, trường học, bệnh viện cũng còn thua và thấp hơn so với các vùng, miền khác.

Chính vì vậy, có thể nói khi Phật giáo được quan tâm truyền bá và xây dựng tổ chức cơ sở ở các tỉnh phía Bắc thì ở góc độ tác động xã hội và quản lý Nhà nước cần phải có những đánh giá toàn diện, khách quan về những tác động ảnh hưởng của Phật giáo lên các mặt của đời sống xã hội, dân cư, văn hóa tâm linh và cả an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các tỉnh vùng núi phía Bắc.

Trong 33 năm qua, kể từ khi thành lập đến nay và đặc biệt là những năm gần đây, Giáo hội Phật giáo

VAI TRÒ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA XÃ HỘI CỦA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC Ở VÙNG NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA

● Hòa thượng Thích Gia Quang

Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Việt Nam đã chú trọng công tác xây dựng các tổ chức Phật giáo mà đại diện là các Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, để từ đó xây dựng các cơ sở thờ tự trực thuộc Giáo hội. Theo đó, nhiều chùa chiền được khôi phục, xây mới; một số nghi lễ Phật giáo được thực hiện như lễ cầu an, cầu siêu, các khóa tu thiền, giảng pháp được tổ chức. Bước đầu đã có một số nơi xây dựng được các đạo tràng với sự hướng dẫn tu tập của Chư tôn đức Giáo phẩm Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Tuy chưa có thống kê chính thức về con số tín đồ trên địa bàn các tỉnh nêu trên, nhưng có thể thấy rõ khi Phật giáo có mặt thì đời sống kinh tế và xã hội đã có những tác động và ảnh hưởng nhất định đối với Phật tử, những người yêu mến và tin theo đạo Phật cũng như đối với quần chúng nói chung.

Trước hết là ảnh hưởng của giáo lý và triết lý đạo Phật với nhận thức chung của đồng bào - Phật tử; một trong những mặt ảnh hưởng trực tiếp nhất là việc xây dựng và chăm lo cho đời sống kinh tế gia đình. Khi đồng bào hiểu đạo Phật thì sẽ hạn chế việc chi phí cho các nghi lễ tốn kém như cúng giỗ rườm rà, giết trâu mổ bò để cúng giàng, cúng thần linh, ma quỷ... biết cách tiết kiệm, chăm lo xây dựng đời sống kinh tế để ổn định sản xuất, biết cách khắc phục và vượt qua các khó khăn trước mắt, để tiếp tục ổn định sản xuất và phát triển kinh tế lâu dài, bền vững.

Giáo lý đạo Phật, cụ thể áp dụng lời Phật dạy trong việc chi tiêu cá nhân, xây dựng đời sống kinh tế gia đình như: Khi có tiền thì mỗi gia đình, cá nhân phải biết cách chi tiêu đời sống hàng ngày, một phần tiết kiệm để phòng bất trắc hoặc tình huống khẩn cấp xảy ra (*tích cốc phòng cơ*) và hai phần để kinh doanh và đầu tư sinh lời.

Trong quá trình sinh hoạt tại các đạo tràng, đi lễ chùa

Phật giáo tuy không tác động trực tiếp vào việc hoạch định đường hướng phát triển kinh tế xã hội của mỗi địa phương. Song khi có sự tác động của Phật giáo thì vai trò của Phật Giáo sẽ có những ảnh hưởng tích cực tới đời sống kinh tế xã hội tại những vùng đó: Tác động làm thay đổi nhận thức về tư duy xây dựng kinh tế; vì mục đích của Phật giáo là xây dựng đời sống an lạc và giải thoát, nhưng muốn an lạc thì đời sống kinh tế phải vững mạnh, phát triển kinh tế bền vững và hài hòa.... Do vậy, giúp bà con còn có tục du canh, du cư, hay phá rừng, phá nương rẫy sẽ có ý thức về việc làm đó có ảnh hưởng đến chính đời sống của bà con; từ đó từ bỏ các tập tục gây dựng kinh tế mà làm phương hại đến môi trường, sinh thái... Tác động đến tiết kiệm chi phí, giảm bớt các kinh phí đầu tư cho các tục lệ, hủ tục rườm rà, tốn kém; qua đó gây dựng nguồn vốn để đầu tư cho sản xuất, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tập trung phát triển kinh tế. Một trong những sự thay đổi dễ nhận biết nhất; đó là trước đây thì các hủ tục như ma chay dài ngày, cưới hỏi nhiều thủ tục, nghi lễ và các hủ tục tốn kém đã dần được thay thế bởi các nghi lễ Phật giáo trang trọng, đơn giản.

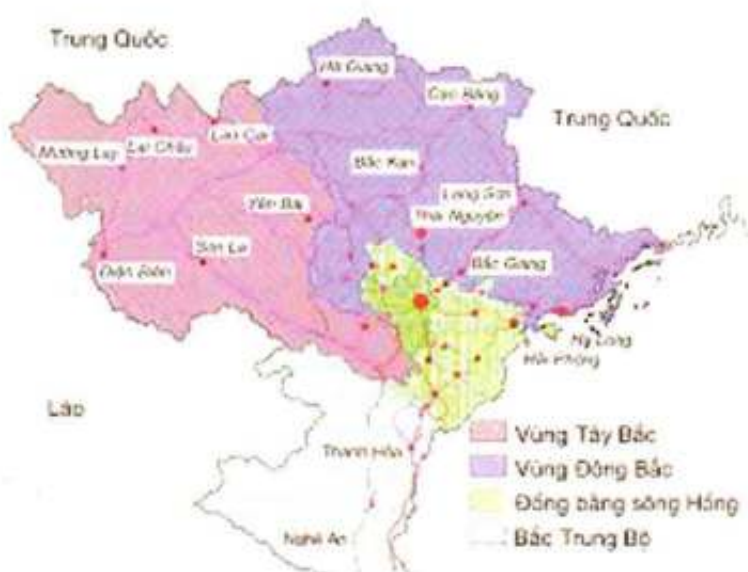
Khi cùng nhau tham gia sinh hoạt hội - đoàn Phật giáo, bà con đoàn kết giúp đỡ nhau, tương trợ nhau và cùng nhau học hỏi mô hình sản xuất mới, phù hợp với đời sống kinh tế và nhịp sống thời đại; ở nhiều nơi bà con có các chương trình như tương trợ vốn, hùn vốn giúp nhau trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, và buôn bán nông sản....

Ngoài ra, khi hiểu đạo Phật, bà con cũng hiểu được truyền thống của đạo Phật và lịch sử dân tộc đó là "*Phật giáo đồng hành cùng dân tộc*" nên bà con có tinh thần xây dựng, cùng với chính quyền các cấp thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội địa phương.

2. Vai trò và ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống văn hóa tinh thần và tâm linh của đồng bào các dân tộc vùng núi phía Bắc

Trong lịch sử truyền đạo, Phật giáo là tôn giáo của hòa bình, luôn luôn uyển chuyển theo hoàn cảnh và căn cơ của cư dân từng quốc gia, vùng miền để thích ứng và phát triển. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thì Phật giáo đã có mặt ở vùng núi phía Bắc là khá sớm nên Phật giáo đã có một số cơ sở nền tảng vững chắc như thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Quảng Ninh, Phật giáo thời nhà Mạc ở Cao Bằng và đặc biệt là sự di cư của các Phật tử dọc theo đường biên giới Việt - Trung hay giao thương chính trị qua cửa khẩu Ái Nam Quan - Lạng Sơn và Hà khẩu Lào Cai... Do vậy, khi đến với đồng bào các tỉnh miền núi phía Bắc, Phật giáo một mặt thích nghi với văn hóa và truyền thống văn hóa, đời sống tinh thần và tâm linh của bà con từng khu vực, từng tộc người; mặt khác Phật giáo có vai trò làm chuyển hóa đời sống tinh thần, tâm linh của đồng bào địa phương các tỉnh miền núi phía Bắc.

Tuy là tổ chức tôn giáo đang được phục hưng, nhưng khác với các tôn giáo khác, Phật giáo không phải là tôn



đã sớm hình thành những nhóm, câu lạc bộ giúp nhau, tương trợ nhau trong đời sống, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo...



giáo xa lạ với bà con; vì dù sao ngược dòng lịch sử trước đây Phật giáo đã có những ảnh hưởng nhất định trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc; một số di tích lịch sử Phật giáo vừa phát hiện được đã minh chứng điều đó, ngoài ra trong các phong tục tập quán của bà con các địa phương có một số cũng chịu ảnh hưởng của triết lý và nhân sinh quan Phật giáo.

Do vậy, tuy là đang phục hưng, song Phật giáo được bà con tiếp nhận một cách thích ứng, Phật giáo không gây ra các xáo trộn hay xung đột với niềm tin và tín ngưỡng truyền thống của bà con các dân tộc trên địa bàn, điều này đã được chứng minh trong thực tế.

Có thể nói ở góc độ tôn giáo, địa bàn nơi các tỉnh miền núi, vùng sâu - vùng xa có nhiều tôn giáo quan tâm truyền bá song Phật giáo là tôn giáo có sự thích nghi và giảm thiểu các tác động tiêu cực nhất.

Sự xuất hiện của Phật giáo đã góp phần đáng kể, đặc biệt trong những vai trò đáng chú ý sau đây trên các mặt văn hóa xã hội và đời sống tâm linh, đời sống tinh thần, tín ngưỡng, tôn giáo:

Vai trò định hướng tâm linh và tôn giáo cho niềm tin của bà con và đồng bào các dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Hiện nay, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có mặt nhiều tôn giáo chính thức được Nhà nước công nhận, ngoài ra còn có những tà đạo lợi dụng sự cả tin của đồng bào để truyền đạo trái phép, bà con lại tin theo một số hủ tục mê tín, dị đoan...nên khi Phật giáo xuất hiện đã đóng vai trò định hướng tâm linh rất quan trọng trong đời sống tôn giáo - tâm linh của bà con các dân tộc trên địa bàn.

Khẳng định vai trò và vị thế của Phật giáo, của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với bà con các dân tộc trên địa bàn. Vai trò tiên phong gương mẫu của tôn giáo vì hòa bình, truyền thống đồng hành cùng dân tộc...

Vai trò tác động vào nhận thức, giúp bà con tránh các hủ tục, mê tín dị đoan... Và đặc biệt vai trò của Phật giáo đã tác động vào tư tưởng, nhận thức của bà con qua các nghi lễ tôn giáo, như ăn chay, phóng sinh, bố thí, tục cúng Rằm, đi lễ chùa, qua các nghi thức như ma chay,

cưới hỏi...sẽ có tác động và xoay chuyển các tập tục truyền thống như tục đốt vàng mã, xin xăm - bói quẻ, tục cúng bái đa thần linh giáo, cúng ma, cúng giàng...

3. Vai trò và ảnh hưởng của Phật giáo góp phần giảm thiểu các hành vi hủ tục mê tín, dị đoan trong đời sống xã hội của đồng bào các dân tộc vùng núi phía Bắc

Phải thừa nhận rằng, đồng bào ở các tỉnh miền núi phía Bắc có đời sống dân trí thấp, có nhiều vùng, nhiều nơi vẫn còn các hủ tục mê tín dị đoan, nó là một phần trong đời sống tinh thần và tâm linh của bà con các dân tộc.

Có nên gạt bỏ loại hình tín ngưỡng truyền thống này ra khỏi đời sống của bà con không?

Và chính Phật giáo trong quá trình phát triển cũng có những dung nạp nhất định để thích nghi, do đó ở một số chùa, một số nơi vẫn còn các hình thức tín ngưỡng tâm linh khác hiện diện trong các cơ sở thờ tự của Phật giáo. Câu hỏi đặt ra có nên gạt bỏ, loại bỏ nó ra khỏi đời sống tín ngưỡng Phật Giáo không?

Điều đó vẫn là một vấn đề rất tế nhị, đòi hỏi thời gian; song ngoài những điều nhỏ cần thời gian để khẳng định thì Phật giáo đã có vai trò và khẳng định là một tôn giáo của hòa bình, khoa học và luôn chú trọng giáo dục chính pháp cho bà con, khuyến khích bà con tránh xa các hủ tục mê tín, dị đoan, các nghi lễ rườm rà, tốn kém.

Nhằm phát huy tốt hơn nữa vai trò của phong tục, tập quán trong đời sống xã hội của các dân tộc thiểu số hiện nay Nhà nước cần chỉ đạo sâu sắc, tập hợp các phong tục, tập quán được xem là quan trọng, có giá trị đang tồn tại trong khắp các làng, xã, vùng, miền. Trên cơ sở đó chọn lọc để giữ gìn, phát huy những phong tục, tập quán tốt đẹp, có tính nhân văn cao, loại trừ những phong tục, tập quán có hại, đồng thời tác động để hình thành những phong tục, tập quán mới phù hợp với đời sống, bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ mới, đạo Phật cũng không nằm ngoài chương trình đó, mà từng bước Phật giáo "xâm nhập" vào đời sống tâm linh của đồng bào, trước tiên là phải "cùng sinh hoạt" sau đó dần dần đưa giáo lý đạo Phật phân tích cho bà con hiểu làm như thế này là tốn kém, là lạc hậu, là mất vệ sinh môi trường...

Cùng tham gia các sinh hoạt cộng đồng, các lễ hội văn hóa của bà con, dần thay đổi nếp sống, nếp suy nghĩ, hành động, cách đối nhân xử thế,

Đối với những phong tục, tập quán có giá trị truyền thống, mang tính nhân văn sâu sắc đã trở thành thuần phong mỹ tục, có tác dụng tích cực đối với cộng đồng xã hội nên động viên và phát huy vai trò của chúng trong đời sống xã hội, vận dụng chúng để hình thành nếp sống, suy nghĩ, hành vi pháp luật của mỗi người.

Đối với những phong tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời, đã trở thành hủ tục thì tích cực vận động, tuyên truyền trong các buổi thuyết giảng để nhân dân nhận thức được và tự giác loại bỏ,

Tổ chức các buổi thuyết giảng ý nghĩa về ngũ Giới cho người tại gia, từ đó dần hình thành nếp sống đạo cho bà

con nơi đây, dù sẽ gặp rất nhiều khó khăn, bởi đạo Phật hiện nay mới được chú trọng lên vùng núi phía Bắc, nếp sống của bà con nơi đây đã có từ xa xưa, nên việc thay đổi sẽ phải là một quá trình.

Hiện có các phong tục tập quán tích cực như lễ cúng cầu mưa, hay cúng mùa màng bội thu nên được nhân rộng và có Chư tăng, ni tham gia vào việc làm lễ, hướng dẫn bà con những thứ cần cho buổi lễ, mà bỏ bớt các phần rườm rà tốn kém, không cần thiết.

Các thủ tục ma chay của một số bộ phận dân tộc thiểu số thường diễn ra nhiều ngày, gây lãng phí, tốn kém, mất vệ sinh môi trường, qua đó có những bài giảng về tục lệ chôn cất người mất, về sự "được mất" của người chết cũng như người sống để hạn chế và tiến tới "đạo tuyệt" với các hủ tục mê tín, dị đoan.

Hướng đồng bào tin theo chính pháp của đạo Phật; khẳng định vai trò và vị thế của đạo Phật trong việc giảm thiểu các hành vi hủ tục mê tín dị đoan trong đời sống tinh thần và đời sống tâm linh của đồng bào địa phương.

4. Vai trò và ảnh hưởng của Phật giáo góp phần giữ gìn an ninh trật tự và bảo vệ biên cương ở vùng núi phía Bắc

Ở các tỉnh miền núi phía Bắc có đường biên giới giáp với 3 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc, ở phía Bắc, phía Tây giáp Lào... Trên địa bàn các tỉnh có vùng biên giới giáp ranh với hai nước, trải dài trên địa hình rừng núi hiểm trở, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, kinh tế chậm phát triển.

Theo thống kê năm 2013, trên địa bàn có khoảng gần 20.000.000 người, thuộc 31 dân tộc sinh sống, trong đó có khoảng 6.000.000 người dân tộc thiểu số (Tày, Nùng, Dao, Thái, Mường, Mông...), các dân tộc sống đan xen với nhau, có truyền thống văn hóa đa dạng, đặc sắc; nơi đây là một trong những địa bàn chiến lược, xung yếu trấn giữ, bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Chính vì vậy, các thế lực chống phá Việt Nam thường lợi dụng vấn đề tôn giáo và dân tộc kích động sự chống phá, gây rối loạn vùng biên cương, phân dậu của Tổ quốc. Điển hình nhất là phong trào đòi ly khai, tự trị, tập hợp lực lượng nhằm lập "Vương quốc Mông"; hoạt động tôn giáo trái pháp luật; tình hình di cư tự do, tranh chấp, khiếu kiện, mâu thuẫn trong vùng dân tộc thiểu số, tội phạm hình sự có lúc, có nơi diễn biến rất phức tạp, đặc biệt là trong vài năm trở lại đây.

Phật giáo là tôn giáo đã có mặt ở Việt Nam 2000 năm nay, và đã có thời kỳ phát triển tại các tỉnh miền núi phía Bắc, tuy nhiên theo quy luật thịnh - suy hiện nay so với các vùng miền khác Phật giáo tại các tỉnh miền núi phía Bắc còn chưa có sự phát triển và đóng vai trò vị trí tương xứng với vị thế một tôn giáo - tôn giáo của dân tộc, đồng hành cùng dân tộc.

Nhận thấy được điều này, trong những năm gần đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã nhanh chóng xây dựng các tổ chức cơ sở đại diện của Giáo hội. Trong vòng 10 năm qua đã thành lập được nhiều Ban trị sự Giáo hội Phật

giáo Việt Nam cấp tỉnh, nhiều tổ chức cấp huyện cũng được thành lập và nhiều chùa chiền, cơ sở thờ tự được khôi phục và xây dựng mới.

Sự hiện diện của Phật giáo có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội; giữ gìn vùng biên cương và phân dậu của Tổ quốc được bình yên, giữ gìn sự gắn bó đoàn kết của đồng bào các dân tộc trong ngôi nhà chung là Tổ quốc Việt Nam.

Tại sao Phật giáo lại đóng vai trò đó; vì: Thứ nhất, công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội là trách nhiệm của các cơ quan hữu quan Nhà nước, mở rộng ra là trách nhiệm của mọi công dân không phân biệt sắc tộc, tôn giáo. Tuy nhiên, Phật giáo là tôn giáo có truyền thống đồng hành cùng dân tộc, nên như một lẽ tự nhiên, Phật giáo có mặt ở đâu thì vùng đó được yên bình, người dân thêm ấm no, phát huy tinh thần yêu nước thêm phần mạnh mẽ, vì đạo Phật là tôn giáo đề cao tinh thần công dân, tinh thần phụng sự quốc gia dân tộc.

Thứ hai, hiện nay ở một số địa bàn giáp ranh, vùng biên đã có một số cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam - đó là các ngôi chùa; thật đúng tinh thần:

Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông

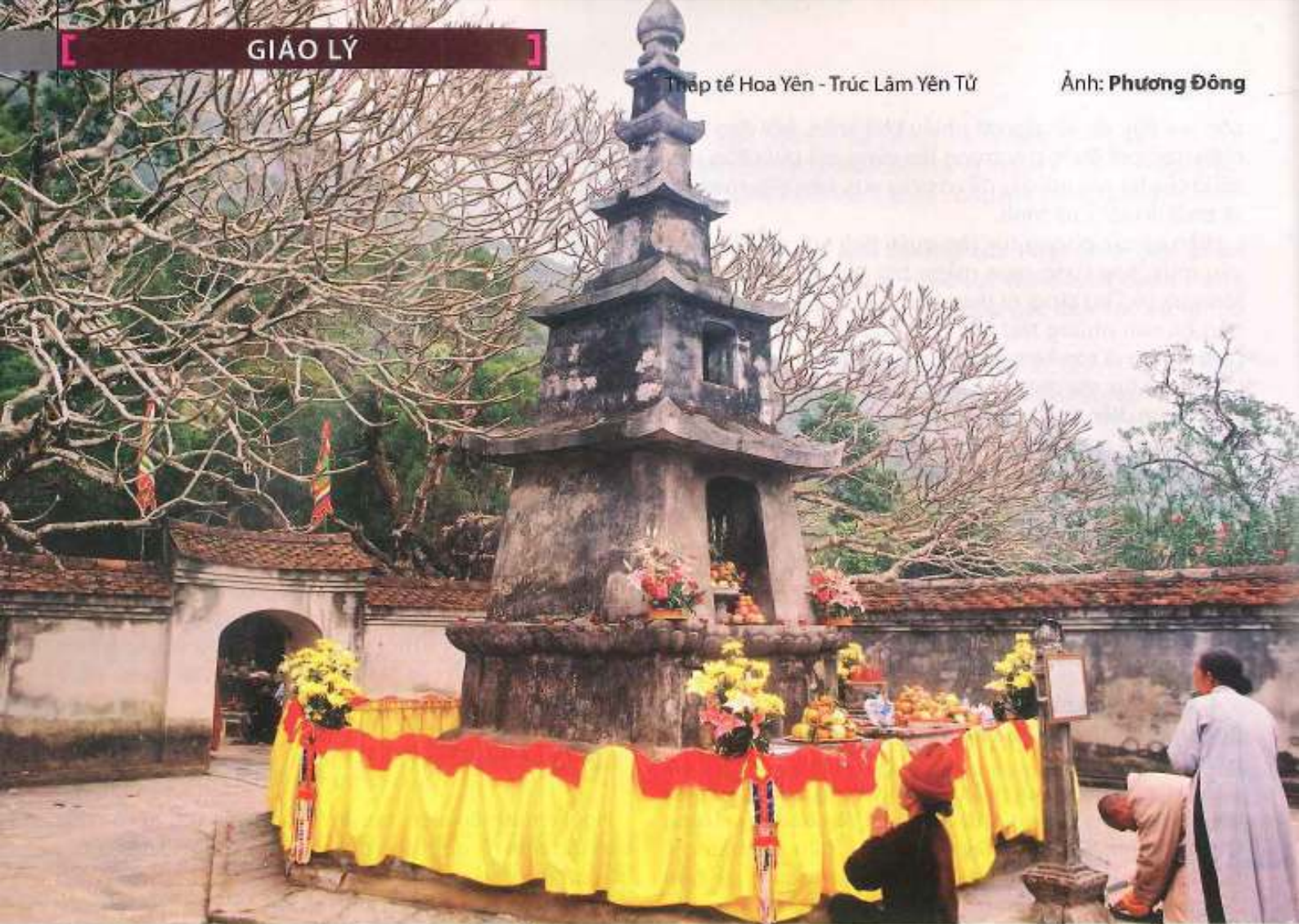
(Huyền Không)

Ngôi chùa hiện diện, tâm linh và truyền thống văn hóa dân tộc cảm rỗi, giúp cho đời sống tâm linh, văn hóa của bà con được yên bình, mọi người yên tâm sản xuất, lao động xây dựng đời sống kinh tế. Đó cũng là vai trò quan trọng của Phật giáo trong việc giữ gìn vùng biên cương của tổ quốc.

Thứ ba, Phật giáo là tôn giáo của hòa bình, nên khi bà con thấm nhuần giáo lý đạo Phật, thấm nhuần tính hòa hiếu của triết lý Phật giáo thì ở đó có sự đoàn kết trong cộng đồng, tạo thành bức tường thành vững chắc trong việc giữ gìn vùng biên cương. Truyền thống Phật giáo dân tộc đề cao sự dẫn thân, nhập thế và đồng hành cùng dân tộc, khi Tổ quốc cần, từ chức sắc tu hành đến đồng bào phật tử đều có những cách đóng góp vào quá trình bảo vệ giang sơn, biên cương của tổ quốc không để cho bất kỳ thế lực ngoại bang nào xâm lấn bờ cõi.

Thứ tư, khác với các tôn giáo khác, Phật giáo dễ thích nghi với mọi nền văn hóa, không gây ra các xung đột, không cổ vũ các hành động cực đoan, chia rẽ hoặc mang màu sắc sắc tộc, nên khi Phật giáo hiện diện ở vùng biên giới, Phật giáo vừa đóng vai trò tôn giáo dân tộc làm kim chỉ nam trong đời sống tôn giáo và tín ngưỡng tâm linh nói chung, mang tính định hướng cho bà con các dân tộc; vừa đóng vai trò xây dựng thế giới quan gắn bó với lợi ích quốc gia - dân tộc phù hợp với các chủ trương chính sách của Nhà nước nên được bà con tin yêu, gắn bó.

Chính vì vậy, đòi hỏi Phật giáo phải có sự phát triển mạnh mẽ hơn trọng thực tế để đáp ứng được trách nhiệm trước quốc gia dân tộc, góp phần giữ gìn an ninh trật tự vùng biên giới các tỉnh miền núi phía Bắc, cùng với các tôn giáo khác và bà con các dân tộc xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh./.



TINH THẦN GIA PHONG CỦA PHẬT GIÁO TRÚC LÂM THỜI TRẦN

● Ths Mai Thị Thơm

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

"*Gia phong*" là một thuật ngữ tương đối đặc biệt và phổ biến sâu rộng từ thời Ngũ đại thập quốc qua Tống, Nguyên, Minh của Thiền tông Phật giáo Trung Hoa cũng như các nước có ảnh hưởng Phật giáo Thiền Trung Hoa. Nó đặc biệt vì sự xuất hiện của nó cho biết một giai đoạn lịch sử cụ thể trong hành trình phát triển của Thiền tông. Ở Việt Nam, thuật ngữ này dường như chỉ xuất hiện ở thời Trần và được tìm thấy trong các tác phẩm thuộc dạng đối thoại Thiền, cụ thể là trong phần Niêm tụng kệ của Trần Thái Tông, phần Đối cơ của Tuệ Trung Thượng Sĩ, phần Bài giảng tại chùa Sùng Nghiêm của Trần Nhân Tông.

Vấn đề đặt ra là vì sao thuật ngữ này chỉ xuất hiện ở thời Trần trong khi Thiền phái Việt ít nhất đã chịu ảnh hưởng

Thiền Trung Hoa từ đầu thế kỷ IX, cụ thể là sự truyền bá của Thiền sư Vô Ngôn Thông vào năm 820 cũng như sự hình thành và phát triển rục rờ của Thiền phái Kiến Sơ cho đến hết thời Lý. Thứ hai, nội hàm của thuật ngữ gia phong trong Phật giáo Trúc Lâm thời Trần là gì. Và cuối cùng là gia phong của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần có còn được tiếp nối trong tự thân Phật giáo Trúc Lâm nói riêng và Phật giáo Việt nói chung kể từ sau thời Trần?

Bài viết xin ghi nhận vài điều xung quanh những câu hỏi trên.

II. NGUỒN GỐC VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Theo ghi nhận trong Cảnh Đức truyền đăng lục, thuật ngữ Gia phong bắt đầu từ thời Thiền sư Hồng Nhân (828

- 901) đệ tử nổi pháp của Thiền sư Linh Hựu tông Quy Ngưỡng thuộc đời thứ tư của Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng - đệ tử đắc pháp của Lục tổ Huệ Năng. Theo tác phẩm này thì Một lần nọ, Trưởng lão Phật Nhật đến thăm, Thiền sư Hồng Nhân liền hỏi: Phục thừa Trưởng lão riêng giáo hóa một phương. Lấy gì tiến cử kẻ du lâm đỉnh núi? Phật Nhật đáp: Trăng sáng treo từng không, băng sương không tự lạnh. Hỏi: Đó phải chăng là Gia phong của Trưởng lão? Đáp: Chót vót muôn lớp ải, trong đó ngậm trăng báu... Đoạn đối thoại này cho thấy, thuật ngữ Gia phong có từ thời Văn Đường, tông Quy Ngưỡng đề cập đến trước và ý nghĩa cơ bản là phong giáo của từng Thiền sư, từng Tổ sư. Dẫu vậy, cùng với sự phát triển của Thiền tông, đặc biệt là sự xuất hiện của 5 phái Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Tào Động, Pháp Nhãn thì thuật ngữ Gia phong còn hàm tàng một nét nghĩa nữa là phong giáo của chi phái, hệ phái, thậm chí là tông phái. Vì vậy, cũng trong Cảnh Đức truyền đăng lục, bên cạnh thuật ngữ Gia phong, ta lại thấy có các thuật ngữ Gia khúc, Tông phong.

Ví dụ Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiếu (886 - 973) thượng đường, nói với đại chúng *"Con mắt trí tuệ của người tham học khi lâm cơ thì phải đại dụng hiện tiền... Có người hỏi: Sư xưng Gia khúc của ai? Sư nói: Siêu nhiên khác hẳn thời Phật Uy Âm..."*, hoặc như *"Có vị tăng hỏi Thiền sư Quy Tĩnh Hưng Dương rằng: Sư xưng Gia khúc của ai. Tông phong nổi pháp nhà nào?..."*. Có lẽ, chính vì sự tu tập và đạt ngộ của mỗi Thiền sư nói riêng, của Thiền tông nói chung vô cùng phóng khoáng, không gò bó trong một khuôn pháp cố định, một giáo điển đặc thù như các tông phái Thiền Thái, Hoa Nghiêm, Duy Thức... của Phật giáo đương thời nên sự khác biệt được thể hiện vô cùng rõ rệt. Từ đó trong quá trình truyền bá, tiếp dẫn học trò, các Thiền sư đỉnh ngộ đã vô tình tạo nên một phong cách riêng biệt. Và với uy tín đặc biệt đó của mỗi Thiền sư cũng như sự thịnh hành, đông đúc của đồ chúng đã dẫn đến sự ra đời và hoằng truyền của các chi phái Thiền, đặc biệt là 5 chi phái trên. Điều này tuy đã tạo nên một sự phát triển mạnh mẽ của Thiền tông phương Nam, nhưng cũng đã nhen nhóm sự phân biệt giữa các chi phái ấy trong Thiền tông. Một điều đáng quan tâm nữa là sự loạn lạc, chia rẽ của xã hội từ thời Văn Đường trở đi, sự hình thành mười quốc gia nhỏ ở thời Ngũ đại thập quốc, dẫn đến sự ủng hộ riêng biệt của mỗi vị quốc chủ đối với một Thiền sư, một Tông phái nằm trên vùng lãnh thổ quản trị riêng... cũng là một trong những yếu tố góp phần hình thành nên phong trào phân biệt Gia phong, Gia khúc, Tông phong của Thiền tông đương thời.

Sự lớn mạnh của phong trào phân biệt Gia phong, Gia khúc, Tông phong này không dừng lại ở việc hỏi đáp trong đối thoại Thiền như ghi nhận trong đăng sử trên, mà còn dẫn đến sự ra đời của hàng loạt tác phẩm chuyên biệt như Tông môn Thập quy luận của Pháp Nhãn Văn Ích, Ngũ gia tông phái (đã thất lạc) của Đạt Quan Đàm Dĩnh, Nhân Thiên nhãn mục (1188) của Hối Nham Trí Chiêu, Ngũ gia chính tông tán (1254) của Hy Tẩu Thiệu

Đàm, Ngũ gia ngữ lục (1630) của Ngũ Phong Viên Tín và Quách Ngưng Chi... mà theo ghi nhận của Ibuki Atsushi trong Lịch sử Thiền tông Trung Quốc thì vừa *"Trình bày về nguồn gốc cũng như đặc tính các phái như Lâm Tế tứ liệu giản, Vân Môn tam cú, Động Sơn ngũ vị... Nhờ chúng người ta có thể hiểu rõ ràng hơn những phạm trù tư tưởng đặc biệt của từng hệ phái và theo đó hình thành được một phương pháp độc đáo để giảng dạy về giáo nghĩa của Thiền"*, vừa được cố định hóa thành gia phong của mỗi nhà như Lâm Tế thống khoái, Quy Ngưỡng nghiêm cần, Vân Môn cao sáng cổ kính, Tào Động chỉ li nghiêm nhặt, Pháp Nhãn rõ ràng trong sáng. Có thể nói, tên chỉ, tên gọi đặc biệt và tư liệu chuyên biệt đã thể hiện trọn vẹn tính quan trọng của sự hình thành Ngũ gia trong Thiền tông Trung Hoa.

Việt Nam thời Trần, về phương diện Phật giáo, 3 phái Thiền: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường dường như đã kết thúc một giai đoạn phát triển mạnh mẽ của mình, và đã hóa thân vào trong một phái Thiền mới mà Thiền sư Hiện Quang trụ núi Yên Tử là nhân vật đại diện cho sự tóm tắt và chuyển hóa đó. Thế rồi cuộc hội ngộ giữa vua Trần Thái Tông với Thiền sư Phù Vân - đệ tử nổi pháp của Thiền sư Hiện Quang núi Yên Tử, cuộc hội ngộ giữa vua Trần Thái Tông với Thiền sư Thiền Phong mà theo Lược dẫn Thiền phái đồ được ghi trong Thượng sĩ ngữ lục là thuộc phái Lâm Tế Trung Quốc, việc các vua Trần nhường ngôi cho Thái tử khi đứa cháu trai đầu tiên ra đời và giành nhiều thời gian hơn cho việc học Phật, ngộ Thiền, đặc biệt nhất là việc xuất gia học Phật, ngộ Phật của vua Trần Nhân Tông trên núi Yên Tử... tất cả đều là những điều kiện quan trọng cho sự ra đời của một phái thiền thống nhất Phật giáo - Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Về phương diện xã hội, sự thay ngôi đổi vị từ nhà Lý sang nhà Trần, việc coi quốc gia xã tắc là của gia tộc họ Trần với những pháp chế riêng biệt như gọi vua là Quan gia, người họ Trần cưới nhau... cũng là những yếu tố quan trọng góp phần cho sự ra đời tinh thần Gia Phong trong Phật giáo Trúc Lâm thời Trần.

III. TINH THẦN GIA PHONG CỦA PHẬT GIÁO TRÚC LÂM THỜI TRẦN

Có thể nói, chính sự phóng khoáng, độc sáng... của Thiền học cũng như của dân tộc Việt, gia tộc nhà Trần, tinh thần gia phong của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần đương nhiên cũng được biểu hiện với những nét đặc thù bên cạnh sự ảnh hưởng, kế thừa tinh thần gia phong của Phật giáo Thiền Trung Hoa.

1. Biểu hiện qua hình thức đối thoại Thiền

Đối thoại Thiền là một hình thức hỏi đáp thiền học đặc biệt của Thiền tông Phật giáo. Thông qua cuộc đối đáp này, người Thầy có thể cởi bỏ được những vướng mắc, nghi tình trong lòng đệ tử, khơi phát được Phật tính bản nhiên, cũng như xác nhận được tiến trình tu học, đạt ngộ của họ... Nội dung của những cuộc đối đáp Thiền vô cùng phong phú đa dạng, có thể là Phật tính, là Pháp thân, là ý chỉ của tổ sư Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung



Hoa, là lẽ sống chết... Gia phong, Gia khúc, Tông phong cũng là một trong những nội dung đối đáp giữa thầy trò.

Lần dở từng trang sử Thiền thời Lý - *Thiền uyển tập anh*, hình thức đối thoại thiền này hiện hữu khắp nơi, nhưng có thể nói, không một cuộc đối thoại nào đề cập đến Gia phong, Gia khúc hay Tông phong. Có lẽ xã hội thời Lý, Phật giáo thời Lý không có những điều kiện trên như Phật giáo thời Trần, xã hội thời Trần. Thế nhưng, những cuộc đối đáp Thiền của Phật giáo thời Trần đã xuất hiện tinh thần gia phong này như chúng tôi đã đề cập ở phần đầu bài viết. Bắt đầu là phần Niêm tụng kệ của Trần Thái Tông: Nêu: Thế Tôn vừa lọt lòng mẹ, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, nói: Trên trời dưới đất ta là hơn cả. Niêm: Một làn mây trắng vắt ngang động, đã mấy đàn chim lạc tổ về. Tụng: Đạt Đa xưa giảng Tịnh vương cung, muốn độ quần sinh lộ thánh tung, bảy bước dạo quanh trời đất chỉ, đã bao Phật tử mất Gia phong; Nêu: Văn Thủ Bồ tát, thấy người con gái ngồi bên cạnh Phật nhập định. Văn Thủ đuổi ra không được, Phật sai Võng Minh đuổi được. Niêm: Con nhà oan trái, làm hồng Gia phong; Nêu: Sư hỏi Lâm Tế: Thế nào là vô vị chân nhân. Lâm Tế nói: Cục phân khô. Niêm: Bắn sê mất châu, ném chuột bắn đồ. Tụng: Vô vị chân nhân một cục phân, Gia phong Phật tử khiến đem chôn... Phần Đối cơ của Tuệ Trung Thượng Sĩ thì: Hỏi: Thế nào là Gia phong của Thượng sĩ? Đáp: Nhân ném trái rừng kêu vượn tiếp, lưỡi câu cá suối khiến hạt tranh. Phần Bài giảng tại chùa

Sùng Nghiêm của Trần Nhân Tông: Hỏi: Thế nào là Gia phong của Phật quá khứ? Đáp: Vườn rừng vắng vẻ không người quản, mặt trăng đào hồng tự nở hoa. Hỏi: Thế nào là Gia phong của Phật hiện tại? Đáp: Bạch thủy gia phong mê yến sớm, đào thắm vườn tiên say gió xuân. Hỏi: Thế nào là Gia phong của Phật vị lai? Đáp: Bãi biển chờ triều, trời đợi nguyệt, thôn chài nghe sáo khách mong nhà. Hỏi: Thế nào là Gia phong của Hòa thượng? Đáp: Áo rách ôm mây mai húp cháo, bình xưa rót nguyệt tối chưng trà. Có thể nói, Gia phong trong những đối đáp Thiền này không chỉ thuộc bản thể, cụ thể là Phật tính, là bản lai diện mục của mỗi chúng sinh mà vua Trần Thái Tông chỉ dạy, mà còn thuộc phương diện diệu dụng, cụ thể là nếp nhà, phong giáo của chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai như vua Trần Nhân Tông đáp lời, hoặc là nếp nhà, phong giáo của các Tổ sư mà Tuệ Trung Thượng Sĩ và Hòa thượng Trần Nhân Tông là đại diện. Đây là một sáng tạo đặc biệt của Phật giáo Thiền Trúc Lâm Yên Tử thời Trần - một Thiền phái dường như được thiết lập và hoàng truyền bởi những vị thuộc hoàng thân quốc thích nhà Trần.

2. Biểu hiện qua hoạt động của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

Như chúng ta đều biết, bên cạnh việc xác lập một cách chính danh cho sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Phật hoàng Trần Nhân Tông cũng thiết lập không ít phép

tắc, luật lệ mang tính gia phong, tông phong nhằm tạo điều kiện cho mọi hoạt động đậm chất tôn giáo và dân tộc của bản phái trong đương thời cũng như sự tiếp nối, kế thừa ở hậu thế.

Việc truyền thừa pháp vị. Theo ghi nhận trong Thanh Mai Viên Thông tháp bi thì sau khi Thiền sư Pháp Loa đặt ngộ Thiền chỉ vào năm Hưng Long thứ XXII (1304), “Ngày mừng một tháng giêng năm Hưng Long thứ XVI (1308), sư (Thiền sư Pháp Loa) nhận mệnh đến Cam Lộ đường chùa Siêu Loại làm lễ trụ trì và kế thừa pháp vị. Sau khi đại nhạc tấu lên, danh hương đốt lên, Điều Ngự dẫn sư đến tổ đường lay chư tổ. Buổi cháo sáng kết thúc, đại nhạc lại tấu, pháp cổ được đánh, đại chúng vân tập ở pháp đường. Xa giá vua Anh Tông đến chùa, ngôi chủ khách đã được đặt. Với tư cách là đại đàn việt của Phật pháp, vua Anh Tông được ngồi vào vị trí khách chính, quan lại đứng hai bên. Điều Ngự lên tòa thuyết pháp. Giảng xong, người bước xuống, dẫn sư lên pháp tòa. Điều Ngự chấp tay chào hỏi, sư đáp lễ, nhận y pháp đắp lên người, Điều Ngự ngồi vào ghế khúc lục nghe sư giảng pháp. Điều Ngự mệnh sư kế nhiệm trụ trì sơn môn Yên Tử, chùa Siêu Loại, nối dòng Trúc Lâm đời thứ hai. Lại trao cho sư trăm hòm kinh sử ngoại thư và hai mươi hòm Đại tạng tiểu thừa được viết bằng máu, để sư làm rộng cái học trong ngoài”. Việc trao truyền pháp vị này khá đặc biệt. Vì bên cạnh việc trao ca sa và pháp kệ là kế thừa truyền thống Thiền tông, việc trao truyền cả kinh sử ngoại thư, đại tạng kinh tiểu thừa lại vừa thể hiện sự dung hợp giáo điển Đại thừa, Tiểu thừa, không phân biệt, không kỳ thị đối với cái học nội điển mà Thiền tông Trung Hoa hay các tông phái Phật giáo khác của Trung Hoa thường mắc phải, vừa bày tỏ sự dung nhiếp cả cái học thế tục vốn có trong truyền thống Phật giáo Ấn Độ và truyền thống Phật giáo Việt của Phật giáo Trúc Lâm. Ngoài ra, việc vua Anh Tông cùng quần thần tham dự buổi truyền pháp vị này cũng xác lập tính chính danh và duy nhất của Thiền phái Trúc Lâm từ phương diện xã hội. Cả hai đường như đều nhằm để xây dựng một gia phong riêng biệt cho Phật giáo Trúc Lâm mà trước đó Phật giáo Thiền thời Lý chưa có, rộng ra là Phật giáo Thiền các nước.

Việc cấp độ điệp cho tăng sĩ. Cũng theo ghi nhận của văn bia trên, sau khi tổ sư Pháp Loa nối thịnh dòng pháp, vua Anh Tông lệnh cho Trung thư thị lang Vương Công Trứ cấp cho sư độ điệp, nhằm độ Thường tùy tăng mà không theo luật thông thường rằng “Trường tuyển người làm Phật vốn cần chọn tinh, nơi tìm người làm Phật không cần tìm bên ngoài. Người làm tăng đã nối thịnh đại pháp, há lại câu nệ quy củ thông thường”. Ngoài ra, vào năm Hưng Long thứ XVIII, tức hai năm sau đó, vua Anh Tông cũng lệnh cho sư thiết lập việc ba năm độ Thường tùy tăng một lần. Việc này vừa giúp xác lập đồ chúng đặc biệt cho thiền phái Trúc Lâm, đồng thời cũng xác lập tính chính danh của tu sĩ thuộc phương diện xã hội. Đây cũng là một trong những biểu hiện cụ thể của tinh thần gia phong trong Phật giáo Trúc Lâm thời Trần dưới sự kết hợp của nhà nước và giáo hội.

Ngoài ra, một vài hoạt động như truyền giới Tỳ kheo

cùng lúc với giới Bồ tát, truyền giới bồ tát tại gia và xuất gia dưới dạng tâm giới và tướng giới, hoặc truyền giới bồ tát kết hợp với lễ quán đỉnh... thịnh hành ở thời Trần kể từ sơ tổ Trúc Lâm trở đi cũng là một trong những biểu hiện sống động và giá trị cho tinh thần gia phong của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần. Bởi những hoạt động này đến nay vẫn còn kế thừa và phát huy.

IV. SỰ TIẾP NỐI TINH THẦN GIA PHONG CỦA PHẬT GIÁO TRÚC LÂM - LÂM TẾ

Một trong những biểu hiện cụ thể cho sự kế thừa, tiếp nối tinh thần gia phong của Phật giáo Trúc Lâm - Lâm Tế chính là việc soạn lục, tổng hợp lại hệ thống truyền thừa của Phật giáo Việt cho đến thời Tam tổ Trúc Lâm kể cả Giáo tông hay Thiền tông. Việc làm này không chỉ bổ sung những chỗ thiếu sót hoặc chưa thực hiện ở thời Tam tổ, mà còn tiếp tục phát huy tinh thần của các thiền phái thời Lý. Nghĩa là coi trọng lịch sử Phật giáo dân tộc. Thiền sư Kim Sơn (1300 - 1370) đã sáng tác 3 tác phẩm: *Thiền uyển tập anh*, *Thánh đăng lục*, *Cổ châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*. Thiền sư Chân Nguyên Tuệ Đăng (1647 - 1726), Tỉnh Quảng Điều Điều (1694 - 1768), Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803), An Thiền (1790 - 1860) đã cho ra đời những tác phẩm như: *Thiền tông bản hạnh*, *Tam tổ thực lục*, *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, *Đại Nam thiền uyển truyền đăng tập lục*... nhằm khẳng định lịch sử truyền thừa người Việt bên cạnh những tác phẩm mang tính thực hành như *Kiến tính thành Phật lục* (Chân Nguyên), *Phật tâm luận* (Như Trừng Lâm Giác 1690 - 1729), *Tham thiền văn* (Toàn Nhật 1757 - 1834)...

Song, một điều đáng ghi nhận ở đây là ngoài việc soạn lục lại lịch hành trạng của các tổ sư theo lối cũ có thêm bớt theo nhìn nhận của từng cá nhân, các tác giả đã chú ý đến việc diễn Nôm những tác phẩm của thiền điển và giáo điển đáp ứng nhu cầu tu học thực hành trong thời kỳ giáo dục khoa cử như Giải Pháp Hoa kinh, Giải Kinh cang kinh nghĩa lý, Giải tâm kinh đại điển, Giải tâm kinh ngũ chỉ, Thiền sư An Thiền mà chúng tôi nhắc trên cũng có Kim cang giải nghĩa, Di đà kinh giải nghĩa, Pháp Hoa giải nghĩa, Bát nhã giải, Tôn sư phát sách đăng đàn thọ giới của Chân Nguyên, Sa di thập giới quốc âm, Ngũ giới quốc âm của Như Trừng, Oai nghi quốc ngữ của Như Thị (1680 - 1740), Quy ước thiền đường của Như Sơn (1670 - 1730), Thiền tịch phú, Ngộ đạo nhân duyên của thiền sư Chân Nguyên, Thiếu thất phú của Bạch Liên, Tham thiền văn, Thiền cơ yếu ngữ văn của thiền sư Toàn Nhật... Những tác phẩm diễn Nôm giáo điển thiền điển lớn đã thịnh hành.

Có thể nói, tinh thần gia phong của Phật giáo Thiền Trúc Lâm thời Trần tuy có thể chịu ảnh hưởng từ Thiền Trung Hoa nhưng cũng do bối cảnh lịch sử thời Trần làm nên. Hơn thế nữa, những biểu hiện cụ thể của tinh thần gia phong ấy thật độc đáo, tạo nên một nét riêng cho Phật giáo Trúc Lâm thời Trần và cũng được kế thừa, phát huy trong hệ thống Phật giáo Trúc Lâm - Lâm Tế sau thời Trần nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.



Tượng Phật chùa Tân viên sơn - Ba Vì - Hà Nội.
Ảnh: Phùng Hoàng Anh

Cận tử nghiệp là nghiệp lúc sắp chết hay những sức mạnh tâm lý của con người trước lúc tắt thở. Nghiệp này cực kỳ hệ trọng trong việc hướng dẫn nghiệp thức đi tái sinh. Những tư tưởng cuối cùng của người chết sẽ tạo nên một cận tử nghiệp (thiện hoặc bất thiện)

ĐIỀU TÂM CHUYỂN NGHIỆP ÁC

HƯỚNG TÂM THIỆN TRONG GIẤY PHÚT LÂM CHUNG TỪ KINH TẠNG PALI

● Huyền Thanh dịch

Nghiệp của người sắp mất được gọi là cận tử nghiệp, là nghiệp lực quan trọng quyết định cảnh giới mà người sắp mất sẽ thọ báo. Trong một lần thuyết giảng tại trường Trung Học McGarvin Westminster, CA 92683, Tỳ kheo Thích Tâm Thiện khái niệm như sau:

Cận tử nghiệp là nghiệp lúc sắp chết hay những sức mạnh tâm lý của con người trước lúc tắt thở. Nghiệp này cực kỳ hệ trọng trong việc hướng dẫn nghiệp thức đi tái sinh. Những tư tưởng cuối cùng của người chết sẽ tạo nên một cận tử nghiệp (thiện hoặc bất thiện).

Một người có thể suốt đời làm ác, nhưng trước lúc tắt

thờ, nỗ lực sinh khởi về thiện pháp, về những điều thiện trong đời, và nhờ ý lực đó có thể tái sinh vào cõi tốt đẹp (tương tự như vậy đối với các trường hợp ngược lại). Từ hiểu biết về kinh nghiệm cận tử, chúng ta cần huấn tập các thiện nghiệp trong đời sống của mình để tạo thành một sức mạnh (ý lực) đoạn trừ các ác nghiệp ngay trong đời sống hàng ngày và cả đến giờ phút lâm chung. [1]

Một số bằng chứng thuyết phục về việc chuyển nghiệp thức ác (đọa địa ngục) thành nghiệp thiện (sinh thiên) được tìm thấy trong Kinh tạng Pali như hai trong nhiều trường hợp sau đây được trích từ Tiểu Bộ- Tập 2: Thiên Cung Sự

1. Bà lão Chiên Đà La

Trong lúc đức Thế Tôn đang trú ngụ tại Rājagaha (Vương xá), Ngài nhập định Đại bi mà chư Phật thường trú, sau đó xuất định và quán sát thế gian. Ngài thấy ngay trong thành phố ấy tại khu vực của dân chúng Candāla (Chiên đà la, hạng người vô loại khốn cùng không ai tiếp xúc) có một bà lão sắp mạng chung và một ác nghiệp đưa đến địa ngục đã xuất hiện cho bà. Với tâm Đại bi, muốn làm cho bà tạo một nghiệp lành đưa đến cõi trời, Ngài suy nghĩ: “Ta sẽ an trú kể đấy vào thiên giới”, Ngài liền cùng đại chúng Tỷ kheo vào Rājagaha khát thực.

Vào lúc ấy, bà lão Chiên đà la chống gậy ra khỏi thành, thấy đức Thế Tôn đến gần, và khi bà đối diện Ngài, bà dừng lại. Đức Thế Tôn cũng dừng lại và đứng ngay trước mặt bà như thể cản bà tiến lên.

Sau đó, Tôn giả Mahā-Moggallāna (Mục Kiền Liên), biết tâm bậc Đạo sư và cũng biết thọ mạng bà lão sắp hết, bèn thúc giục bà đánh lễ đức Thế Tôn:

Lễ chân đức Phật Go-ta-ma,
Vi xót thương cho số phận bà,
Giác giả tối cao, danh tiếng rộng,
Đứng ngay trước mặt, hồi Chiên-đà.

Hãy hướng tâm đầy đủ thiện duyên
Về Ngài La-hán, bậc an nhiên,
Mau mau đánh lễ, hai tay chấp,
Vi mạng sống kia chẳng được bền!

Khi bà lắng nghe lời tôn giả, lòng đầy xúc động, bà phát khởi tâm tín hướng về bậc Đạo sư, liền đánh lễ Ngài với năm phần thân thể sát đất, và do hân hoan trước đức Phật, bà nhất tâm đứng yên lặng, đầu cúi xuống. Đức Thế Tôn bảo: Thế này là đủ để bà ấy lên thiên giới.

Xong Ngài vào thành với đại chúng Tỷ kheo. Ngay lập tức sau đó, một con bò cái chạy trốn cùng với bê con, lao về phía bà già, lấy cặp sừng húc bà chết tại chỗ [2].

2. Lâu đài của người cho cơm cháy

Bấy giờ, đức Thế Tôn trú tại thành Rājagaha (Vương Xá), ở chỗ nuôi sóc trong Trúc Lâm. Cũng vào thời ấy, những người trong một gia đình kia tại Vương Xá bị bệnh dịch tả. Mọi người trong nhà ấy đều chết trừ một nữ nhân. Kinh hoàng vì nỗi sợ chết, nàng bỏ nhà cùng tất cả tiền

bạc thóc lúa bên trong ấy chạy trốn qua một chỗ nứt của vách tường.

Vi không ai giúp đỡ, nàng đến nhà một gia đình khác, xin ở nhờ phía sau. Người trong nhà ấy thương hại nàng đem cho nàng cháo gạo, cơm chín và cơm cháy cùng các thứ còn sót lại trong nồi niêu. Nhờ lòng rộng lượng của họ, nàng có thể sống tại đó.

Vào thời ấy Tôn giả Mahā-Kassapa (Đại Ca diếp) đã nhập Diệt Định suốt bảy ngày và đã xuất định, trong lúc Tôn giả suy nghĩ: “Hôm nay ta sẽ làm ơn cho ai bằng cách nhận thức ăn? Ta sẽ giải thoát sáu bi cho ai?”, Tôn giả thấy nữ nhân kia gần mạng chung và một ác nghiệp đưa đến địa ngục đã xuất hiện cho nàng.

Tôn giả suy nghĩ: “Khi ta đến gần, nữ nhân này sẽ cho ta cơm cháy mà nàng nhận được cho phần mình, và do chính hành động ấy nàng sẽ được tái sinh vào Hóa Lạc thiên giới. Khi ta đã giải thoát cho nàng khỏi tái sinh vào địa ngục như vậy, chắc chắn ta sẽ tạo hạnh phúc thiên giới cho nàng”.

Sau khi đã đáp y vào buổi sáng sớm, Tôn giả cầm y bát và đi về phía nơi nàng cư trú.

Bấy giờ, Sakka Thiên chủ (Đế Thích) giả dạng cúng dường Tôn giả thực phẩm thiên giới đầy đủ mọi hương vị thơm ngon cùng nhiều loại cháo, canh và cà-ri. Vị Trưởng lão nhận ra ngài, bèn chối từ và bảo: “Này Kosiya, tại sao ngài đã thành tựu các công đức thiện sự lại làm như vậy? Xin đừng làm hồng dipy may của những kẻ bất hạnh khốn khổ”. Rồi Tôn giả đi đến đứng trước nữ nhân kia. Nàng ước muốn cúng dường Tôn giả một vật gì đó, liền suy nghĩ: “Ở đây không có gì xứng đáng để cúng dường vị Trưởng lão đại oai nghi này cả”, và nàng nói: Xin ngài hãy tiến lên một chút nữa.

Vị Trưởng lão chỉ bước lùi lại một bước và không nhận thứ gì do các người khác cúng dường. Nàng thấy rõ ràng Tôn giả muốn giúp nàng, bèn cúng dường Tôn giả miếng cơm cháy của mình, Tôn giả vừa ăn ngay tại chỗ vừa bảo: Trong tiền kiếp thứ ba trước đây, cô đã là mẹ của ta.

Xong Tôn giả ra đi.

Nàng từ trần ngay đêm ấy và được tái sinh vào hội chúng Hóa Lạc thiên [3].

Rõ ràng qua những bài Kinh trên cho thấy đức Phật và Thánh đệ tử là những ruộng phước tối thắng, bất khả thuyết, có thể chuyển nghiệp ác đọa địa ngục của người sắp mất thành nghiệp thiện sinh lên thiên giới.

Tương tự như vậy, hộ niệm cho người sắp mất là hướng dẫn, hỗ trợ “an trú người sắp mất vào thiện nghiệp”, tức là chân thành khuyên người sắp mất buông xuống hết thảy, tín tâm chuyên niệm A DI ĐÀ PHẬT (thiện nghiệp) và nguyện thiết tha sinh về cõi An lạc. Do đó việc hộ niệm cho người lâm chung vô cùng cần thiết vì giúp người sắp mất tránh ác nghiệp vào giây phút cận kề cái chết đọa vào ba đường ác và đặc biệt giúp họ “an trú” vào thánh hiệu A DI ĐÀ PHẬT để được thoát sanh về Cực lạc thế giới.

Điều đáng chú ý nhất: việc hộ niệm cho người sắp mất đúng là y giáo phụng hành, tương ứng với Đại Nguyện thứ XVIII của đức Phật A DI ĐÀ: “Lúc tôi thành Phật thập

Tranh: **Thiện Ngộ**

phương chúng sinh chỉ tâm tin mộ muốn sinh về cõi nước tôi nhắc đến 10 niệm, nếu không được sinh, (trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng chánh pháp), thời tôi không ở ngôi Chánh giác”.

Trong khi đó theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh, đức Phật bảo A Nan và Vi Đế Hi: “Người Hạ Phẩm Hạ Sinh ấy. Hoặc có chúng sinh tạo nghiệp bất thiện ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu ấy, lúc lâm chung, gặp thiện trí thức dùng nhiều lời an ủi, vì nói diệu pháp dạy bảo niệm Phật. Người ấy bị khổ bức không rảnh niệm được. Thiện hữu bảo rằng nếu người chẳng phải niệm Phật kia được, thì người xưng danh hiệu Phật A Di Đà, như vậy chỉ tâm khiến tiếng xưng danh chẳng dứt đủ mười niệm. Nên xưng như vậy: Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử. Lúc mạng chung, thấy kim liên hoa đường như mặt nhựt trụ trước người ấy. Như khoảng một niệm, liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp hoa sen ấy mới nở. Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát dùng âm thanh đại bi vì người ấy diễn nói thiết tướng các pháp, nói pháp trừ diệt tội. Người ấy nghe pháp rồi, rất vui mừng liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là người Hạ Phẩm Hạ Sinh vậy” [4].

Đức Thích Tôn cũng như Chư Phật thập phương rất thương xót những chúng sanh tạo ác nghiệp vì họ sẽ bị đọa vào tam ác đạo và trôi dạt trong biển khổ sinh tử luân hồi và không biết khi nào mới có lại thân người. Như trong Kinh Bản Duyên Vãng Sanh Tịnh Thổ của Bồ Tát Quán Thế Âm, Đức Thích Ca, khi ấy là Phạm Sĩ Trưởng Na trong lúc đau thương ôm đống xương trắng của con

mình (nay là Quán Thế Âm Bồ Tát) bị người vợ kế hại chết, khóc lóc và phát nguyện: “Nguyện tôi độ thoát các chúng sinh ác mau thành Phật Đạo. Hoặc biến làm Đại Địa, hoặc nước, lửa, gió. Hoặc biến làm cỏ, cây, rừng rậm vì chúng sinh làm nơi nương tựa, dừng nghỉ. Hoặc biến làm năm loại lúa đậu tăng ích cho người khác, Hoặc nếu Trời, nếu Người, nếu Thần, tất cả loại hình quý tiện... không có cõi nào chẳng hiện thân”. Như vậy phát năm trăm lời Nguyện, lại nguyện “Tôi thường trụ ở Thế Giới Sa Bà, nói Pháp giáo hoá” [5].

Mục đích chính của việc hộ niệm là chấn thành và tích cực giúp cho người sắp lâm chung có đầy đủ ba món tư lương là TÍN, NGUYỆN, HẠNH để rồi họ được vãng sanh an lành về miền Cực Lạc. Tuy nhiên bên cạnh đó, người sắp mất (người bệnh hoặc người già) cũng rất được khuyến khích làm lành tránh dữ nhằm tranh thủ những thiện nghiệp trước lúc ra đi. Những ngày ngắn ngủi còn lại trên thế gian, người sắp mất có những ý niệm làm những việc thiện là điều rất tốt, trợ duyên cho việc vãng sanh Cực Lạc.

Khổng Tử dạy: “Sáng nghe được đạo, chiều chết cũng an lòng”, cũng như lời Phật dạy tránh dữ làm lành vậy. Họ được khuyến làm những việc thiện như là bố thí, giúp đỡ những người nghèo, những người cô thế, xây cầu, phóng sanh, cúng dường Tam Bảo vv... Rõ ràng đây là những việc làm lợi ích cho con người, cho xã hội, cho Tam Bảo và cho cả người ra đi và cả người ở lại. Vì thế những việc làm thiện ích này đáng được trân trọng và khuyến khích phát huy hơn nữa trong đời sống ngũ trục loạn động, ác thế này.

Như vậy hộ niệm cho người sắp mất là việc làm vô cùng cần thiết và lợi lạc, y như lời Phật dạy, hợp với Bản Nguyện bi trí viên mãn của A DI ĐÀ PHẬT và của Thập phương Chư Phật. Chính vì thế việc hộ niệm đáng được trân trọng, tán thán và khuyến khích nhân rộng hơn nữa. Tuy nhiên, cần phải cẩn thận để tránh những trường hợp không như ý xảy ra. Việc này là bốn phận chung của Chư Tôn Đức Tăng Ni và các Phật tử tại gia, nên cùng nhau phối hợp chặt chẽ và hài hòa. Vạn sự khởi đầu nan nhưng bằng sự hiểu biết và quyết tâm mạnh mẽ, việc hộ niệm có thể trở thành một tập tục hữu ích và nhất là trợ duyên tích cực cho người sắp lâm chung được vãng sanh về Thế Giới An Lạc.

NGUỒN THAM KHẢO

[1] Cận Tử Nghiệp – Ty Kheo Thích Tâm Thiện. thuyết giảng tại Hội Trường Trường Trung Học McGarvin Westminster, CA 92683 [On line] available from <http://www.bachdiep.com/phat-phap-phat-phap/267-cantunghiep.html>

[2] Tiểu Bộ - Khuddhaka Nikaya - Tập II - Thiên Cung Sự - Phẩm II - Cittalatā - Chuyện Thứ Tư: Lâu Đài của Nàng Chiên-Đà-La - Tạng Pali- Giáo Sư Trần Phương Lan dịch.

[3] Tiểu Bộ - Khuddhaka Nikaya - Tập II - Thiên Cung Sự - Phẩm II - Cittalatā - Chuyện Thứ Ba: Lâu Đài của Người Cho Cơm Cháy - Tạng Pali- Giáo Sư Trần Phương Lan dịch.

[4] Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch

[5] Kinh Bản Duyên Vãng Sinh Tịnh Thổ của Bồ Tát Quán Thế Âm. Vạn Tân Toàn Tục Tạng Kinh_Tập 01_No.12.



NĂM PHÁP KHIẾN CHÁNH PHÁP KHÔNG DIỆT Ở THỜI MẠT PHÁP

● Chân Hiền Tâm

Kinh Pháp hoa, phẩm Thường Bất Khinh nói: “Sau lúc Chánh pháp đã diệt, trong đời Tượng pháp, những Tỷ - kheo tăng thượng mạn có thể lực lớn...” Mạt pháp là thời kỳ thứ ba sau Chánh pháp và Tượng pháp. Thời hạn của ba kỳ, có thuyết cho là sau khi Phật diệt độ, Chánh pháp trụ thế 500 năm, Tượng pháp được 1.000 năm và Mạt pháp trải qua 10.000 năm. Có thuyết lại cho Chánh pháp và Tượng pháp đều trụ thế 1.000 năm, còn Mạt pháp thì 10.000 năm. Nhưng cũng

có thuyết cho là Chánh pháp trụ thế 1.000 năm, nhưng Tượng pháp thì trải dài đến 10.000 năm như thời Mạt pháp.

Vì sao lại phân ra ba thời? Là y cứ vào việc đầy đủ hay không đầy đủ giáo, hạnh và chứng mà nói. Giáo là giáo pháp đã được nghe. Hạnh, là chỉ cho việc tu hành. Chứng, là chỉ cho việc chứng quả. Chánh pháp là thời mà người học Phật có đủ cả ba việc đó. Nghe pháp rồi ứng dụng tu hành. Tu hành rồi liền chứng quả. Còn thời Mạt pháp,

người nghe pháp và hiểu pháp thì nhiều mà ứng dụng pháp tu hành thì hiếm, nên phạm giới thì nhiều và chứng quả thì ít.

THEO PHÁP UYỂN CHÂU LÂM, THỜI MẠT PHÁP CÓ 5 THỨ LOẠN⁽¹⁾:

1. Bạch y xưng làm bậc mô phạm, còn Tỳ-kheo vô thức theo đó mà học: Nói về điều kiện cũng như chuyên môn, chư Tăng Ni là những vị trực tiếp thọ nhận giáo pháp của Như Lai, là người có ưu thế hơn về định lực, trí tuệ cũng như kinh nghiệm đối với Chánh pháp. Đáng lẽ chư vị mới là người truyền pháp, nhưng thời Mạt pháp lại có tình trạng đảo lộn. Vì sự đảo lộn đó mà gọi là loạn. Không phải bạch y đứng ra giảng pháp mà Chánh pháp hay Tượng pháp trở thành mạt. Biểu hiện và tác nhân là hai thứ khác nhau. Đó là nói về nội giáo.

Về ngoại giáo, không thể không lấy bạch y làm thầy. Ngoại giáo, tuy cần cho việc lợi tha, nhưng tu sĩ dành thời gian cho ngoại giáo cũng có nghĩa là thời gian nghiên cứu kinh luận và công phu bị thu hẹp, việc chứng quả khó xảy ra. Đó là lý do nói mạt.

2. Bạch y ngồi tòa trên, Tỳ-kheo ở dưới: "Ngồi tòa trên" và "ở dưới" nói đây mang nghĩa "Bạch y tự xưng ta hiểu Đại thừa phải ở cương vị trên, còn Tỳ-kheo hành pháp nhỏ đương nhiên ở vị thấp"⁽²⁾, nên nói mạt. Hoặc trong Phật sự, do uy lực và tài vật mà bạch y ở thế thượng, Tỳ-kheo ở thế kém. Sự đảo lộn đó cho thấy pháp của Như Lai ứng dụng vào đời sống thường nhật kém, nên nói mạt.

3. Tỳ-kheo thuyết pháp thì chẳng hành, chẳng nghe. Bạch y thuyết pháp thì lại thuận hành: Trong việc giảng pháp và nghe pháp, đòi hỏi "Sở thuyết" phải có duyên với "Năng thuyết", và pháp được thuyết phải đáp ứng được căn cơ và tính dục của người nghe. Bạch y thuyết chịu nghe chịu hành, vì pháp được thuyết phù hợp với tâm người nghe. Tức phản ứng cơ tốt. Nhưng pháp Phật không chỉ có kẻ cơ mà còn phải kẻ lý. Nếu không lìa lý mà thuyết thì coi như hàng Phật tử xuất gia dụng pháp không tốt như hàng tại gia, nên nói mạt. Nếu lìa lý mà thuyết thì rơi vào cái loạn thứ⁽⁴⁾ sau.

4. Ma thuyết thì cho là chân đạo, Chánh pháp của Phật thì cho là chẳng chân: Vì pháp ma thuyết đáp ứng được tâm trạng và tính dục của người nghe. Nhưng kẻ cơ thì có mà kẻ lý thì không. Nên nói mạt. Chúng sanh thích danh vọng tiền tài, nhưng không muốn nhọc lòng tu hành, làm phước, cũng không nắm được lý nhân quả chi phối tới ba đời, không biết sung túc hiện tại là do cái nhân bố thí từ trước v.v., nên khi ma nói "Không cần. Để ta cho cái phước là được" liền theo. Tuy lời nói sai với lý nhân quả, nhưng vì đáp ứng được tính dục của chúng sanh, nên chúng sanh cho là chân.

Muốn vắng sanh Cực lạc, nhưng niệm Phật thấy nhọc, nhớ trước quên sau. Ma thuyết: "Không cần tự niệm. Chỉ cần nghe cái "chip" niệm, vắng sanh càng mau, vì niệm mà

vô niệm". Lời nói tuy trái lý, nhưng vì đáp ứng đúng tâm trạng của chúng sanh, nên được cho là chân.

Thích làm Tổ thành Phật, nhưng chánh kiến tu hành không có, không muốn từ bỏ tham dục cũng như ngưng dứt dòng vọng niệm, thành khi ma thuyết: "Pháp thân sẵn đủ trong mỗi người. Chẳng cần trừ vọng. Trừ, là pháp đối trị, chưa lìa nhị biên phân biệt, không thể thành Phật. Không nghe Tổ nói "Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân"⁽³⁾. Tham, sân, si cũng chẳng cần diệt. Vì "Tánh của tâm nó si là Phật tánh"⁽⁴⁾, liền cho là phải. Lời ma nói tuy không sai với kinh luận, nhưng duyên khởi là thực lý chi phối thế giới này. Duyên nào có pháp đó. Pháp Phật lập ra là tùy duyên mà lập. Dùng không đúng duyên thì dễ hồ thành độc dược.

Xưa, ngài A Nan dụng pháp cho chúng sanh không đúng duyên, người phải tu số tức lại dạy quán bất tịnh, người phải dạy quán bất tịnh lại dạy số tức, nên không có kết quả. Vua Trần Nhân Tông hỏi Tuệ Trung Thượng Sĩ: "Chỉ như gìn giữ giới hạnh trong sạch không chút xao lãng thì thế nào?". Thượng Sĩ trả lời: "Giữ giới cùng nhẫn nhục/Chiêu tội chẳng chiêu phước/Muốn biết không tội phước/Chẳng giữ giới nhẫn nhục". Nói rồi căn dặn: "Đừng nói cho người không ra gì biết"⁽⁵⁾. Người không ra gì, là người mà việc trì giới và nhẫn nhục chưa thể thực hành, chưa được miên mật như Tổ Trúc Lâm. Trong khi pháp Thượng Sĩ nói chỉ dành cho hàng mà giới không còn phạm và nhẫn đã thuần thực.

Muốn được chỗ "không tội phước", là chỗ lìa mọi chấp thủ, mọi nhị biên phân biệt, ⁽⁶⁾ thì "chẳng giữ giới cùng nhẫn nhục". Vì giới và nhẫn tuy cần thiết cho việc tu hành, không thể không giữ, nhưng không nên chấp vào đó. Chấp, tức là trụ. Trụ, thì không thể chứng nhập tánh vô trụ. Vì thế, pháp đó chỉ dành cho hàng căn cơ mà việc giữ giới và nhẫn nhục đã thuần thực, không phải cho hàng tham dục còn đầy dẫy, nên nói: "Đừng nói cho người không ra gì biết". Thành có bệnh thì phải dùng pháp đối trị, không thể dùng pháp dành cho người hết bệnh (hàng vô học)⁽⁷⁾, bệnh càng thêm nặng. Không khác người bệnh mà đi uống nhân sâm, bệnh không lành mà còn tử vong.

5. Tỳ-kheo chẳng trì giới luật, lưu dưỡng vợ con cùng tục không khác: Chỉ cần vướng vào các loại tham dục bình thường như ăn uống, ngủ nghỉ v.v... pháp Phật diễn nói đã thấy khó tiếp thu, huống là ái dục? Thân tâm không thể thanh tịnh, đạo Vô thượng nhất định không thành. Hàng tại gia tu đạo xuất thế còn phải tránh xa các dục, huống là Tỳ-kheo mà việc lìa ái dục đã trở thành giới luật? Đó là lý do nói pháp mạt. Đó là 5 hiện tượng thường xảy ra vào thời Mạt pháp.

CŨNG CÓ 5 PHÁP KHIẾN CHÁNH PHÁP KHÔNG DIỆT Ở THỜI MẠT PHÁP. DỤNG ĐƯỢC 5 PHÁP NÀY THÌ CÓ THỂ DUY TRÌ CHÁNH PHÁP VÀO THỜI MẠT PHÁP, ÍT NHẤT LÀ CHO BẢN THÂN MÌNH.

1. Chỉ y Chánh giáo tiến tu, xa lìa các thuyết tà lệch của Tiểu thừa và ngoại đạo: Chánh giáo, là loại giáo phù



hợp với thực lý chi phối thế gian này. Thực lý chi phối thế gian này là Duyên khởi, được triển khai thành nhân duyên và nhân

Các pháp ở thế gian đều theo duyên mà khởi. Vì thế tùy duyên mà pháp có giá trị. Không pháp nào mang tính phổ quát. Pháp Phật cũng vậy, được lập ra là tùy căn cơ của chúng sanh. Vì thế, Chánh giáo là loại giáo phải vừa mang tính kế cơ, vừa mang tính kế lý. Kế cơ, là ứng đúng căn cơ và tánh dục của chúng sanh mà thuyết. Kế lý, là dù theo duyên mà thuyết, cũng không được lìa tinh thần mà kinh luận đã nói. Cho nên, dù là giáo của Phật, nhưng khi ứng dụng vào duyên, nếu không đáp ứng đủ hai điều đó thì Chánh pháp cũng thành tà pháp. Đó là do không đủ trí tuệ trong việc dụng pháp mà chánh thành tà. Ứng với cái duyên chúng sanh chỉ thích hạnh phúc ở thế gian thì thuyết phần giáo liên quan đến Nhân Thiên thừa. Pháp dù biến hóa thế nào, cũng không được lìa Ngũ giới, Hiếu hạnh, Thập thiện hạnh... mà nhân quả là lý chi phối tất cả. Ứng với cái duyên chúng sanh thích quả vị A-la-hán, thì thuyết phần giáo có liên quan đến Tứ đế, khổ, không, vô thường, vô ngã v.v... Biến hóa thế nào, cũng không được lìa việc trừ "tập" diệt "khổ", mà liễu thoát sanh tử là đích đến.

Ứng với cái duyên chúng sanh thích quả vị Bích Chi Phật, thì thuyết phần giáo có liên quan đến Thập nhị duyên sanh, khổ, không, vô thường, vô ngã... Biến hóa thế nào, cũng không được lìa việc phá trừ ba chi thọ, ái, thủ, mà đích đến là liễu thoát sanh tử, được quả vị Bích Chi Phật.

Ứng với cái duyên chúng sanh thích vắng sanh Cực lạc

của Phật Di Đà, thì thuyết phần giáo có liên quan đến thế giới Di Đà và việc trì niệm danh hiệu Phật, quán tưởng hình tượng Phật v.v... Biến hóa thế nào, cũng không được lìa ba thứ Tín, Nguyện và Hạnh. Tín, là tin có cõi Phật Di Đà, tin niệm Phật được nhất tâm bất loạn nhất định sẽ về cõi đó. Nguyện, là nguyện vãng sanh Tây phương Cực lạc. Hạnh, là phải tự mình niệm Phật, tùy lực tùy căn của mình mà niệm. Nếu không có Tín thì không đủ niềm tin để niệm Phật. Không có Nguyện, thì không có gì có thể thành tựu, dù chỉ là việc bố thí bình thường⁶. Không có Hạnh thì không do đâu hàng phục được dòng vọng tưởng tương tục, tâm khó tương ưng với cảnh giới Di Đà. Nếu nói mấy niệm mà mình có thể vãng sanh Cực lạc, đó là ma nói không phải Phật nói.

Ứng với cái duyên chúng sanh thích Phật quả, thì thuyết phần giáo có liên quan đến những việc như Phật tánh, tự lợi, lợi tha, phát bồ-đề tâm và thanh tịnh thân tâm bằng con đường

Trung đạo. Kinh Pháp Hoa nói: "Vi các Bồ-tát, nhân Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà nói Lục độ ba-la-mật, rốt ráo trí tuệ Phật". Biến hóa thế nào, cũng không được lìa việc trừ bỏ vọng tưởng (là nhận ra được thực tánh của vọng tưởng), như Đại sư Tông Mật đã nói trong cuốn Nguồn thiện: "Dứt vọng tưởng là chánh tu. Làm các điều lành là trợ tu".

Pháp Phật cần dụng cho đúng duyên. Dụng pháp mà không đúng duyên, ứng cơ mà không kế lý, kế lý mà thiếu kế cơ thì thuyết Chánh pháp thành tà pháp.

Nói: "Xa lìa các thuyết tà lệch của Tiểu thừa và ngoại đạo", thì "tà" là ứng với "ngoại đạo". "Lệch" là ứng với "Tiểu thừa".

Tiểu thừa là muốn nói đến các thừa nhỏ, chỉ cho Tiểu thừa và Trung thừa⁹. Sao gọi là thừa nhỏ? Vì lý chưa tận nên nói nhỏ, chưa dạy người được Niết-bàn vô sở trụ nên nói nhỏ.

Ngoại đạo mà nói "tà", là chỉ cho những loại giáo xa lìa nhân quả, lìa nhân lộn duyên, nếu chúng sanh theo đó mà tu thì rơi vào các đường khổ, nên nói "xa lìa...".

Nhị thừa mà nói "lệch", là khi người tu dừng trụ ở các quả vị La-hán và Bích Chi Phật, lấy đó làm Niết-bàn rốt ráo, tức lấy hóa thành làm bảo sở, lấy giải thoát cho riêng mình làm cứu cánh, bỏ mất tâm bồ-đề sẵn đủ trong mỗi người. Không phải phần giáo pháp cũng như pháp tu của Nhị thừa là sai trái. Vì dù là tu Đại thừa, cũng không ra ngoài việc trừ Tập, chứng Đạo. Chỉ là sâu hay cạn. Nhị thừa phá các Tập thuộc phiền não chương. Đại thừa phá sâu vào phần Tập thuộc sở tri chương. Nhị thừa, lìa nhị biên phân biệt thô. Đại thừa, phải lìa nhị biên phân biệt tế. Về pháp tu, pháp của Nhị thừa hay Đại thừa đều dạy người tu bất động với tám gió¹⁰ căn không dính với trần v.v... Nói chung giáo của Nhị thừa và Đại thừa khác nhau ở phần tinh thần là chính. Nhị thừa được quả vị giải thoát. Đại thừa lấy quả bồ-đề làm Niết-bàn rốt ráo, trong đó bao gồm cả quả giải thoát. Nghĩa là, quả vị chứng ngộ không phải một, nhưng pháp tu thì không khác.

Tùy bệnh tùy cơ mà dù tu Đại thừa, có khi vẫn phải học phần giáo của Nhị thừa, áp dụng pháp tu của Nhị thừa. Trong kinh Lăng-già tâm ân, Đại sư Hàm Thị nói: "Bồ-tát trụ tướng trí tuệ mà vẫn dùng thiền tịch của Nhị thừa để trừ sạch pháp chấp vi tế. Đây là chẳng bỏ phương tiện mà chẳng chấp là thật pháp"¹¹.

Nói "Tiểu thừa", còn mang nghĩa chấp pháp. Chấp pháp, là cho pháp mình tu là chân lý, đúng mọi lúc mọi nơi mà không thấy mặt duyên khởi không tánh của vạn pháp, thành đối với những pháp còn lại đều thật tâm bài bác¹². Vì thế, dù học pháp Đại thừa mà tâm chấp pháp quá nặng, chỉ thấy Đại thừa mới là pháp Phật nói, bài bác Nhị thừa, thì Đại thừa cũng thành Tiểu thừa.

Tóm lại, thứ mà người tu phải xa lìa là những cái lệch của Nhị thừa và cái tà của ngoại đạo, không phải là chính ngoại đạo hay Nhị thừa. Bởi những gì trong giáo pháp của chư vị, nếu là thiện pháp, thì chúng cũng chính là thiện pháp trong giáo pháp Đại thừa. Và đã học pháp

Đại thừa thì phải nhớ đến tinh thần vô chấp của nó. Học và hành tất cả các thiện pháp mà không dừng trụ lưu giữ. Đó chính là pháp của Đại thừa.

Đã không trụ chấp thì ngay với pháp Đại thừa, cũng không nên chấp. Không cho Đại thừa mới là Chánh pháp nên học, còn Nhị thừa thì không dụng đến. Nói "xa lìa" là xa lìa những cái lệch và tà, không phải xa lìa những cái không lệch không tà mà trị đúng bệnh của mình.

Bởi trong Đại thừa có Nhị thừa. Trong Nhị thừa có Đại thừa. Đại thừa không lìa Nhị thừa. Nhị thừa không lìa Đại thừa. Vì chúng là pháp duyên khởi. Vấn đề là phải dụng pháp cho đúng duyên. Có bệnh thì uống thuốc. Hết bệnh thì thuốc không dùng. Tránh tình trạng bệnh lành vẫn chấp thuốc, dụng pháp này lại bác pháp kia.

Pháp Phật không lỗi, không có gì để bài bác nếu chúng

ta ứng dụng nó đúng duyên. Pháp trở thành lỗi là do sự cố chấp và dụng pháp không đúng duyên. Là do người không phải do pháp. Muốn hộ pháp được trường tồn ở thế gian này thì cần có cái nhìn duyên khởi đối với các pháp. Biết pháp ứng cơ mà hiện thì cũng sẽ tùy cơ mà được lợi ích. Không sinh tranh cãi, không khiến Chánh pháp bị hủy diệt chỉ vì cái thấy hạn cuộc của mình.

2. Thường hành nhẫn nhục, không sinh sân nhuế, công đức vang xa khiến người quy ngưỡng: Dù là tu Đại thừa hay Nhị thừa thì việc chính cũng là trừ bỏ tham, sân, si. Nghĩa là không để tham, sân, si làm chủ, dẫn dắt mình ra vào trong Lục đạo. Nói cách khác, là không để tham, sân, si thành tập nghiệp của mình. Tu Đại thừa, là để nhận ra thực tướng của tham, sân, si. Muốn nhận ra được thực tướng của chúng thì trước cần làm cho chúng mất lực, hiện nguyên hình là vọng. Vì thế trong quá trình tu hành, người tu Nhị thừa hay Đại thừa đều phải hành nhẫn nhục, không để tham, sân, si tăng trưởng.

Trong việc lợi ích chúng sinh, nếu để tham và sân làm chủ thì việc lợi ích không thể thực hiện. Chúng sanh cang cường, không nhẫn nhục khó mà thành tựu hạnh lợi tha. Vì thế cần phải hành nhẫn nhục và không sinh sân nhuế.

"Công đức vang xa, khiến người quy ngưỡng" là cái quả tất yếu của việc trừ bỏ tham, sân, si và hành nhẫn nhục. Việc trừ bỏ đó cũng là duyên khiến chúng sanh kính ngưỡng mà quy về học pháp.

3. Đối với các vị có đức lớn ngồi ở tòa trên thì cung kính thuận sự, siêng cầu pháp yếu: Kinh Pháp hoa, phẩm Thường Bất Khinh nói: "Sau lúc Chánh pháp đã diệt, trong đời Tượng pháp, những Tỷ-kheo tăng thượng mạn có thể lực lớn..." Để sửa trị pháp tăng thượng mạn đó mà xuất hiện hình tượng Tỷ-kheo Thường Bất Khinh. Tỷ-kheo Thường Bất Khinh, chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ làm một hạnh lễ lạy. Bất cứ khi nào thấy Tứ chúng, thầy đều đến lễ lạy mà nói: "Tôi chẳng dám khinh các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật". Trải qua nhiều năm, dù bị mắng nhiếc hủy phạm cũng chỉ một tâm đó. Khi sắp mất, trên hư không bỗng vang ra hai mươi nghìn muôn ức bài kệ Pháp hoa, thầy đều nghe hết. Nghe rồi đều có thể thọ trì. Liền được lực căn thanh tịnh v.v... Thì biết, tâm cung kính đối với tất cả chúng sanh cũng là một pháp tu. Vì nó là duyên giúp phá trừ ngã tướng. Người tu Chánh pháp cần y đó mà tu để tránh những điều sai lệch không đáng có.

Thắng Man phu nhân, tuy là cư sĩ nhưng bà là một Đại Bồ-tát thuyết pháp Đại thừa. Một trong 10 đại nguyện của bà là: "Con từ hôm nay cho đến khi chúng quả Bồ-đề, đối với các bậc Sư trưởng chẳng khởi tâm kiêu mạn" thì biết việc tôn kính Sư trưởng cần thiết cho việc tu hành.

Hai hình tượng, một thuộc Tăng bảo, một thuộc cư sĩ đều cho thấy, hạnh tôn kính người khác luôn cần thiết đối với một người tu, dù đó là xuất gia hay tại gia.

Trong luận Tối thượng thừa của ngài Hoàng Bá, có người hỏi: "Thế nào là tâm ngã sở?" Hoàng Bá trả lời: "Là có chút tâm cho ta hơn người. Tự nghĩ ta hay như thế. Tâm ngã sở

đó là bệnh trong Niết-bàn". Đây nói "bệnh trong Niết-bàn" thì biết bệnh này khá phổ biến trong giới tu hành, nhất là với những người từng thủ chứng được chút gì. Phu nhân biết mình có công đức và trí tuệ hơn người, bà cũng biết nếu không khéo, cái thấy hơn người đó sẽ làm phát sinh lòng kiêu mạn, là một loại phiền não chướng, bệnh trong Niết-bàn, thành "Chẳng khởi tâm kiêu mạn" trở thành một trong 10 đại nguyên của bà. Nguyên, vì lòng tha thiết đối với con đường Phật đạo. Nguyên, cũng là để chặn đứng một thói xấu. Vì lời nguyện ngoài tác dụng biểu hiện sự phát tâm của mình, bản thân nó cũng tạo ra những duyên giúp hành giả thực hành được điều đã nguyện.

Đây không chỉ nói cung kính mà còn thuận sự và siêng cầu pháp yếu. Là đối với việc nhận pháp tu hành thì siêng tham vấn những chỗ chưa biết, để trí tuệ được phát triển, việc tu hành luôn tăng tiến. Với Phật sự, cũng khéo nghe làm không chống trái.

4 Đối với diệu pháp đã nghe, sinh sâu sự yêu thích, hoan hỷ phụng hành: Nói đến diệu pháp, thì thường ai cũng nghĩ đến loại giáo pháp liễu nghĩa. Với hàng Nhị thừa chấp pháp thì cho pháp mình mới là Diệu pháp.

Với cái nhìn duyên khởi không tánh, loại giáo pháp nào ứng đúng với căn cơ và tính dục của chúng sanh mà không lìa lý, gọi là Diệu pháp. Gọi Diệu, vì với pháp đó chúng sinh có thể thông hiểu và ưa thích. Hiểu, mới có thể theo đó mà hành. Thích, mới có thể thực hành đến nơi đến chốn. Vì thế dù là pháp tối thượng mà chúng sanh không hiểu, cũng không thể theo đó thực hành thì pháp đó, trong cái duyên của chúng sanh đó, chẳng còn là diệu pháp. Cho nên nói đến thực tướng của pháp thì không bàn diệu hay không diệu, chỉ khi ứng duyên mới nói diệu hay không diệu. Vì thế, nói diệu hay không diệu là tùy pháp, tùy duyên. Pháp nào vừa khế cơ vừa khế lý thì pháp đó là diệu. Đây nói sinh sâu sự yêu thích, nghĩa là không phải chỉ thích mà còn thích sâu. Muốn thích sâu thì hiểu phải đi đôi với hành. Nghĩa là phải có thực hành ít nhiều phần giáo pháp mà mình đã học thì niềm tin mới được củng cố sâu đậm, nên nói hoan hỷ thực hành, là vui vẻ mà thực hành, thấy lợi ích cho mình và người mà thực hành.

5 Với pháp Đại thừa, phương tiện diễn thuyết khiến người sơ tâm học tập, có chỗ y tựa tiến tu vào đạo: Đây chỉ nói Đại thừa mà không nói đến Nhị thừa hay Nhân Thiên thừa, vì tính bao quát của nó. Ở mặt lý, Đại thừa dẫn người đến phần lý tốt cùng. Không chỉ dừng ở mặt hiện tượng duyên khởi mà còn hiển bày bản chất của duyên khởi. Ở mặt sự, Bồ-tát đạo gồm đủ các hạnh từ Nhân Thiên thừa cho đến Lục độ ba-la-mật của Đại thừa. Hành giả tu hành có thể tùy phần tùy lực của mình mà hành các hạnh. Ngoài ra phần giáo Tánh không duyên khởi được hiển bày qua các kinh luận Đại thừa, còn có thể giải quyết được sự bế tắc của triết học và khoa học¹³ đáp ứng được nhu cầu tri thức của thời đại, nên đây chỉ nói đến Đại thừa. Nói Đại thừa, nhưng là nói đủ các thừa.

Phương tiện diễn thuyết, là ứng cơ mà thuyết để người

sơ cơ có thể theo đó học tập. Vì ứng cơ, nên lý thì không hai mà pháp thì vô số. Nhưng muôn hình vạn trạng bao nhiêu, cũng không được lìa phần lý mà Phật đã nói.

Học Đại thừa, chỗ đến là quả vị Phật. "Nguyện đem công đức này/ Hồi hướng khắp tất cả/Đệ tử và chúng sanh/ Đều trọn thành Phật đạo". Nhưng để đạt được quả vị đó, không phải ai cũng hành Lục ba-la-mật. Có người tham thiền, có người niệm Phật, có người tụng kinh, có người làm công quả ở các chùa, có người tham gia làm việc ở các bệnh viện hoặc nơi khốn khó v.v... Rất nhiều hạnh để làm. Tùy phần tùy lực mà làm. Làm thứ gì cũng được, miễn là thiện hạnh. Hành rồi đừng quên lời hồi hướng "Nguyện đem công đức này/... Trọn thành Phật đạo" thì những sự mình làm dù nhỏ nhất, cũng không ngoài lý mà Phật đã dạy.

Lời nguyện đó có thể giúp mình tùy duyên mà bất biến. Đi Đông, đi Tây, lên núi, xuống biển... rồi cũng quy về một đích. Chỉ là hạnh có khác thì thời gian đạt quả có khác. Như Thích Ca và Di Lặc, thời gian tu hành có khác, rốt cuộc đều thành Phật đạo.

Đó là 5 pháp mà Phật tử xuất gia hay tại gia đều nên y cứ thực hành, tùy căn tùy lực của mình mà hành ít hay nhiều, cạn hay sâu. Trong đó vừa có phần tự lợi, vừa có phần lợi tha. Duyên khởi, nên tùy phần tùy lực mà lúc thì ứng dụng phần tự lợi nhiều, lúc thì ứng dụng phần lợi tha nhiều, hoặc vừa tự lợi vừa lợi tha xen kẽ. Đó là những phương thức giúp Chánh pháp trường tồn ở thế gian. Cũng là cách hộ trì Chánh pháp không để mất trong thời Mạt pháp.

(1) Tam Tạng pháp số.

(2) Tam Tạng pháp số.

(3) Chứng đạo ca, Đại sư Huyền Giác.

(4) Kinh Duy Ma.

(5) Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục giảng giải, HT.Thích Thanh Từ.

(6) Như Trung luận nói Bát bất, như trong Lăng-già, Phật dùng 4 từ vô, bất, phi, ly đặt trước các việc muốn hỏi, để chỉ thẳng thực tướng của các pháp. "Không tội phước", là muốn nói đến thực tướng của tội và phước.

(7) Đại sư Huyền Giác nói: "Vô vi nhàn đạo nhân. Chẳng trừ vọng tưởng chẳng cầu chân". Chẳng trừ vọng chẳng cầu chân là của hàng vô vi tuyệt học, không phải là pháp dành cho hàng còn đầy dẫy tham sân si.

(8) Tăng nhất A-hàm quyển 3, phẩm Thiên tử Mã Huyết hồi về Bát Chánh.

(9) Các khái niệm được dùng ở đây là y theo sự phân chia của chư Tổ sư như ngài Hiền Thủ v.v... mà nói, không phải là ý của người viết.

(10) Kinh Tăng nhất A-hàm quyển 3, phẩm Kết cấm.

(11) Kinh Lăng-già tâm ân, HT.Thích Thanh Từ dịch.

(12) Đây nói "thật tâm". Vì vẫn có chư thiện tri thức dùng nó như một loại phương tiện, giúp chúng sanh dụng pháp được đúng cơ của mình. Vì thế cần tránh việc nhìn tướng mà phán xét.

(13) Điển hình là kinh Bát-nhã, luận Trung quán v.v... Đạo Vật lý, tác giả Capra, Tiến sĩ Nguyễn Tường Bách dịch, nói được phần nào về mối liên hệ giữa các bài kinh đó với nền vật lý hiện đại.



HOA SEN

GẮN VỚI BIỂU TƯỢNG PHẬT GIÁO (TÌM HIỂU QUA CUỐN TỪ ĐIỂN NHO - PHẬT - ĐẠO)

● **Lý Viết Trường**

K57, Lịch sử, ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn

Hoa sen là loài hoa mang trong mình biểu trưng của Phật giáo, chứa đựng những phẩm chất tốt đẹp nhất của Phật giáo. Ngày nay, Hoa sen gắn liền với hình tượng đức Phật và đạo Phật, tồn tại và bất diệt.

I. HOA SEN GẮN VỚI BIỂU TƯỢNG CỦA PHẬT GIÁO

Hoa sen trong Phật giáo được gọi với cái tên Liên hoa, hoa sen tượng trưng cho cõi Cực lạc tịnh thổ. Biểu tượng hoa sen được dùng trong tên gọi của Phật giáo gồm:

1. Dùng tên gọi hoa sen để chỉ hình dáng, cử chỉ của Phật giáo

Liên Hoa Ấn: Hình ảnh ngón tay cái và ngón tay đeo nhẫn giữ lấy nhau, các ngón khác duỗi thẳng.

Liên Hoa Bộ Tam Muội Da Ấn: Hình ảnh hai lòng bàn tay úp khum vào nhau, hai ngón tay cái, hai ngón giữa, hai ngón tay đeo nhẫn xò ra hơi co vào, thành hình hoa sen. Nên còn gọi là Bát diệp ấn. Ấn này là hình trạng tâm sen khi nở. Mở tức là tu thân hiển đức, mở từ tâm sen. Nên gọi là ấn tượng hoa sen nở.

Liên Hoa Hợp Chương: Hình ảnh chắp tay Phật giáo. Duỗi thẳng 10 ngón tay ở cả hai tay phải trái và cả 10 ngón tay và lòng bàn tay chắp lại. Ví với lý trí bất nhị. Phật

giáo vì tay trái tính, lấy đó làm Lý, tay phải làm mọi việc, lấy đó làm Trí.

Liên Hoa Hợp Chương Ấn: Hình ảnh duỗi thẳng 10 ngón tay rồi chắp lại. Phàm lúc bắt đầu hành pháp đều phải kết ấn này. Còn gọi là Bản tam muội đa ấn. Là ấn kết khi còn nằm trong bào thai, khi ra khỏi bào thai thì người ta rời hai tay ra và nắm lại. Khi chắp tay lại mà thành Liên hoa hợp chương của hành giả là Nhất pháp giới, mở ra là thành Hoan hỉ liên hoa ấn là Đa pháp giới.

Liên Hoa Quyển: Nắm tay kiểu hoa sen. Ấn tướng Phật giáo. Hai tay nắm lại đan vào nhau, ngón tay cái duỗi thẳng.

Liên Hoa Tọa: Có hai nghĩa như sau:

- Một loại bệ tòa tượng Phật. Loại tòa này có các hình thức tám cánh (*hoa sen*) và nghìn cánh (*hoa sen*).

- Cách ngồi khi công của nhà Phật. Tức kiểu ngồi cát tường của cách ngồi Kết già phu tọa.

2. Dùng tên gọi hoa sen để chỉ kinh sách, truyện kí, ca khúc Phật giáo

Liên Hoa Bộ Tâm Quy: Kinh sách Phật giáo. Tên gọi tắt của Kim cương đỉnh liên hoa bộ Tâm niệm tụng nghi quỹ.

Liên Hoa Diện Kinh: Kinh sách Phật giáo. Đây là quyển sách do Na Liên Đế Lê Đa Xá thời Tùy dịch, gồm 2 quyển. Nội dung của kinh, Phật sắp nhập niết bàn, sai A Nam xem xét kim thân, bảo Xá Lợi Nhất về những việc Phật. Lại hiển hiện ác sự sẽ xảy ra sinh tổng tương lai để cho các ngài đó sinh lòng chán ghét xa lìa. Rồi Phật trước tới gốc bồ đề, các vị chư tiên buồn bã thờ dài, Phật bèn dự báo cho họ biết về Phá Phật vương (*Liên Hoa Diện*) sẽ đập vỡ bát Phật.

Liên Đăng Hội Yếu: Truyện ký Phật giáo. Là truyện ký được Ngô Minh thời Nam Tống soạn, gồm 30 quyển. Đem 3 sách Tam Đăng thời Bắc Tống là Cảnh đức truyền đăng lục, Thiên Thánh quảng đăng lục, Kiến Trung tinh quốc tục đăng lục gộp lại làm một, lại bổ sung số truyện ký tăng nhân của hơn 80 năm sau đó.

Liên Hoa Lạc: Là một loại ca khúc Phật giáo. Tức Lạc tử, Liên hoa nhạc, Liên hoa náo. Đầu tiên dùng để tuyên truyền tư tưởng nhân quả báo ứng của Phật giáo, góp phần dẫn dắt mọi người làm việc thiện. Sau bị những người ăn mầy lợi dụng, ca hát khi đi ăn xin. Hình thức nghệ thuật này không câu nệ ở một cách thức biểu diễn nhất định nào mà họ vừa đi vừa nói vừa hát, vừa gõ phách. Loại hình nhạc này thịnh hành nhất vào thời Tống. Sau đó đến thời Thanh dần dần phát triển thành loại hình biểu diễn của các diễn viên chuyên nghiệp, nội dung nhằm phản ánh và chế giễu những hạn chế và mặt trái của Phật giáo.

Liên Hoa Vương: Truyền thuyết Phật giáo. Chuyện kể về quốc vương Liên Hoa cai trị thiên hạ, ông từ bị và sẵn sàng hi sinh thân mình cứu giúp chúng sinh. Sau đó ngài được vãng sinh vài cõi trời Đao Lợi.

Liên Hoa Thiên Tử: Câu chuyện Phật giáo. Là nguyên nhân đời trước khiến sản sinh ra ngàn Phật thời Hiền kiến.

3. Dùng hoa sen để chỉ tên gọi các vật dụng, danh vật của Phật giáo

Liên Hoa Đạc: Cái đạc (*mổ*) lấy hoa sen làm cán cầm.

Liên Đài: Tức bệ đài hoa sen, tòa sen. Chỉ bệ ngồi của Phật, Bồ Tát và người niệm Phật. Đây là hình ảnh rất phổ biến trong Phật giáo.

Ảnh: Lê Thắng



Liên Hoa Lậu: Đồng hồ hoa sen. Một loại đồ dùng tính thời gian. Người sáng tạo ra là Tuệ Yếu, đồng hồ được tính bằng cách dựng 12 cánh sen giữa suối, sau đó dựa vào sự chuyển động của nước chảy mà xác định 12 giờ.

4. Tên gọi hoa sen để chỉ thuật ngữ, nhân danh Phật giáo

Liên Hoa Ngôn Âm: Thuật ngữ Phật giáo. Tức liên hoa niệm tụng hay còn được gọi là liên hoa tụng niệm.

Liên Hoa Niệm Tụng: Thuật ngữ Phật giáo. Một trong 5 loại niệm tụng. Chỉ tiếng niệm tụng lẩm rầm chỉ một mình nghe thấy.

Liên Hoa Thai Tạng: Thuật ngữ Phật giáo. Mạn đà la của Thai tạng. Cửa đại bi của thai tạng giới lấy hoa sen làm tiêu chí, cho nên đặt tên như vậy.

Liên Hoa Thắng Hội: Thuật ngữ Phật giáo. Đại hội thực hành việc niệm Phật.

Liên Hoa Tôn: Thuật ngữ Phật giáo. Chỉ các vị chư tôn của Liên hoa bộ lấy hoa sen làm tiêu chí.

Liên Hoa Trí: Thuật ngữ Phật giáo. Tên gọi khác của Diệu quán sát trí trong Ngũ trí.

Liên Hoa Tử: Thuật ngữ Phật giáo. Đệ tử của Liên hoa bộ. Một trong 3 bộ của Thai Tạng giới, một trong 5 bộ của Kim Cương giới.



Ảnh: Lê Thắng

Liên Hoa Nữ: Nhân danh Phật giáo. Tên người con gái có dung nhan xinh đẹp trong kinh luật Phật giáo.

Liên Hoa Sinh: Tên nhà sư Thiên Trúc vào Tây Tạng thời nhà Đường. Sống khoảng 700 - 780. Còn gọi là Ô Kim Đại Sư, Kiển Mã Quýnh Nãi. Người nước Ô Trượng Na (nay là đất nước Pakixtan). Giỏi chú thuật, được Tịch Hộ dẫn đến, rồi được Trì Tùng Đức khen và đón vào Tây Tạng truyền Pháp.

Liên Hoa Thủ Bồ Tát: Bồ tát Phật giáo. Là tên gọi khác của Quán Tự Tại thiên.

5. Tên gọi hoa sen dùng để chỉ y phục của Phật giáo

Liên Hoa Phục: Y phục của Phật giáo. Tức là liên hoa y, một tên gọi khác của áo Cà sa.

Liên Hoa Y: Y phục Phật giáo. Một trong những tên gọi

khác của áo cà sa.

II. TẠI SAO HOA SEN ĐƯỢC DÙNG ĐỂ GẮN VỚI TÊN GỌI CỦA PHẬT GIÁO

Sở dĩ loài hoa này được dùng để tượng trưng cho Phật giáo và được gắn với tên gọi các biểu tượng của Phật giáo là vì những đặc tính đặc biệt của nó, cụ thể ():

1. Tính không nhiễm: Hoa sen thường sống ở nơi ẩm ướt, dơ bẩn như ao, hồ, đầm, vũng... nhưng thân nó không hề bị vương bẩn bởi môi trường xung quanh.

2. Tính tinh khiết: Trong nhị hoa sen có chất thanh trùng và rất đắng vì vậy nó luôn tinh khiết, không bị các loài côn trùng làm dơ bẩn.

3. Tính thanh trừng: Hoa sen có tính khử, nơi nào có sen thì dù có bị dơ bẩn cũng sẽ được sen lọc sạch.

4. Tính thanh tao về hương vị: Hoa sen vừa có hương lại vừa có sắc, hương sen thoang thoảng và dịu, sắc sen nhẹ nhàng không quá sắc sỡ mà cũng không nhạt nhẽo vô vị.

5. Tính hành trực và ngẩu không: Hoa sen thân thẳng, ruột trống không nhưng vẫn vươn lên kêu hãnh với đời không sợ gió mưa quật ngã. Thể hiện sức mạnh và sự tu tâm dưỡng tính của người nhà Phật.

6. Tính bông thực: Hoa sen khi mới nở đã có gương có hạt, gương với hạt gắn liền với nhau, song trùng nhau.

7. Tính hi sinh: Sen có thể sử dụng mọi bộ phận, lá gói cơm, củ để ăn, hoa dùng làm trà, thân và hạt dùng làm thức ăn...

8. Tính tái sinh: Hạt sen dù có bị chôn vùi dưới bùn hàng trăm năm hay thậm chí hàng nghìn năm nhưng nếu gặp điều kiện thích hợp thì nó có thể tồn tại và khi khởi bùn ra thì nó lại vươn lên mạnh mẽ.

III. KẾT LUẬN

Với những đặc tính nổi bật như vậy thì hoa sen hoàn toàn xứng đáng được dùng để gắn với biểu tượng của Phật giáo như: các hình dáng, thuật ngữ, câu chuyện, nhân vật, y phục...

Hoa sen luôn gắn với các biểu tượng của Phật giáo, ngoài những đặc điểm kể trên hoa sen còn gắn với hình dáng chùa chiền. Chùa Một Cột là ngôi chùa mang hình tượng bông hoa sen thanh khiết, cao quý, sang trọng mà bình dị. cùng với chùa Một Cột còn có chùa Kim Liên đã cùng nhau tạo nên biểu trưng của Phật giáo, biểu trưng cho tâm hồn cho văn hóa thanh cao mà bất khuất của dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jean Chevalier - Alain Gheerbrant, Từ điển Biểu tượng Văn hóa Thế giới, Nxb Đà Nẵng, 1997.

2. Lý Viết Trường, Ý nghĩa hoa sen trong đạo Phật, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, Số 2/2014.

3. Chu Quang Trứ, Sáng giá chùa xưa: Mỹ thuật Phật giáo, Nxb Mỹ Thuật, 2012.

4. Lao Tử - Tịnh Lê, Từ điển Nho - Phật - Đạo, Nxb Văn học, 2001.



● Nguyễn Thị Việt Nga

Nhớ lần đến Bod Gaya (Ấn Độ), nơi Đức Phật đạt giác ngộ sau 3 ngày 3 đêm ngồi thiền dưới gốc một cây bồ đề, và Ngài tiếp tục thiền định 49 ngày đêm nữa dưới gốc cây này để suy xét mọi lý lẽ diệu huyền mình vừa thông tỏ, tôi cùng mọi người trong đoàn say sưa chiêm ngưỡng gốc bồ đề thiêng. Tuy rằng, cây bồ đề hiện diện trước mắt mọi người bây giờ đứt khoát không phải là cây bồ đề ngày ấy đức Phật đã ngồi dưới gốc.

Hơn 2500 năm đã qua, trải bao biến thiên dâu bể, cây nào còn sống được đến bây giờ. Cây bồ đề bây giờ chỉ là hàng chất, chút, chút... của cây bồ đề ấy mà thôi.

Tuy nhiên, đã là bồ đề trên đất Ấn, lại mọc ngay Bod Gaya, thì cũng đã đủ thiêng rồi. Như tất cả mọi người trong đoàn, tôi cũng đi quanh gốc cây, tìm nhặt cho được vài chiếc lá bồ đề rụng xuống. Để làm kỷ niệm. Một kỷ niệm thiêng. Nếu thêm chút niềm tin tôn giáo như mấy chị cùng đoàn, thì chiếc lá bồ đề ấy như một lá bùa hộ mệnh. "Có nó bên mình, lúc nào cũng được Phật gia hộ cho

binh an, may mắn em à". Một chị trong đoàn thì thầm với tôi như thế!

Và chiếc lá bồ đề ấy theo tôi về Việt Nam, được ép nhựa trong cẩn thận và để trên bàn làm việc. Không phải như bùa hộ mệnh, mà như lời nhắc nhở về sự tỉnh thức.

Bồ đề, cái tên ấy được phiên âm từ tiếng Phạn là Bodhi, có nghĩa là sự tỉnh thức, sự thông suốt đạo lý. Có lẽ, trước khi đức Phật ngồi thiền định dưới gốc cây và đạt đến sự giác ngộ, cây ấy chưa mang tên bồ đề, mà là một cái tên khác. Thậm chí nó còn chưa có tên. Sau khi Phật giác ngộ, cây ấy mới được mang tên bồ đề - sự tỉnh thức!

Tôi có hỏi cô hướng dẫn viên du lịch trong *"Tứ Động Tâm"* - bốn nơi quan trọng liên quan đến cuộc đời Đức Phật mà đoàn có đến thăm: Lumbini, Nơi Đức Phật đản sinh; Bod Gaya - Nơi Đức Phật giác ngộ; Sarnath, nơi Phật chuyển pháp luân, thuyết pháp lần đầu tiên cho những đệ tử đầu tiên và Kushinagar nơi Phật nhập Niết Bàn thì nơi nào là quan trọng nhất? Cô trả lời là Bod Gaya.

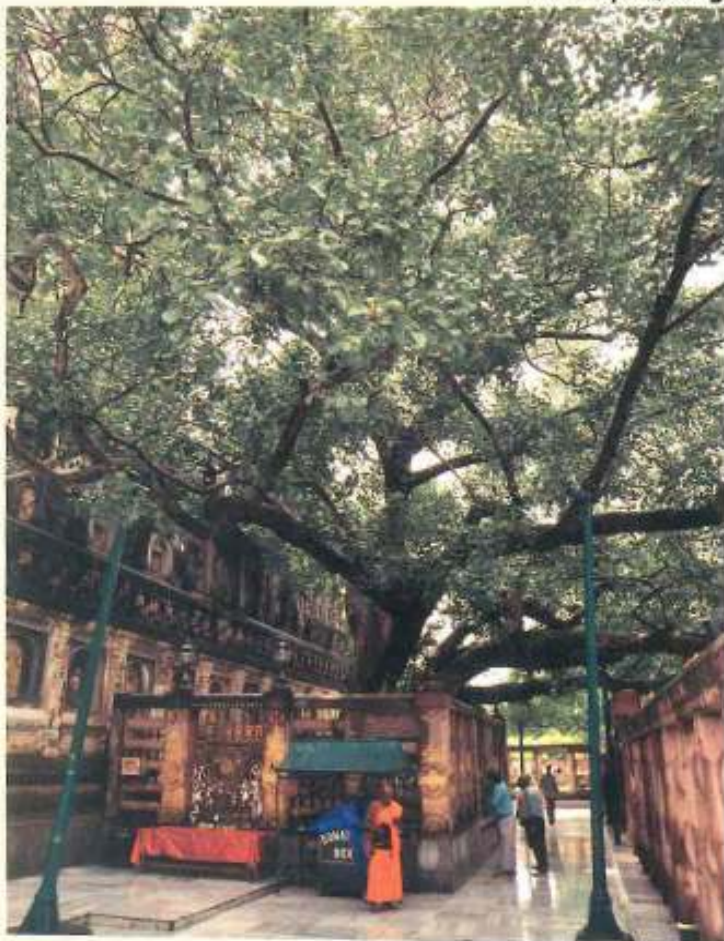
Phần lớn khách hành hương cũng cho là như vậy - ấy là theo tổng kết của cá nhân cô sau rất nhiều tua dẫn khách đi thăm đất Phật. Bởi vì Bod Gaya đánh dấu bước chuyển biến vô cùng ý nghĩa trong cuộc đời của Đức Phật. Nếu không có sự giác ngộ dưới gốc bồ đề ở Bod Gaya thì chúng ta không có Đức Phật; không có một tôn giáo lớn thế đã tồn tại hơn 2500 năm mà những giáo lý của Phật đã làm thay đổi thế giới, thay đổi lịch sử, thay đổi cuộc đời của biết bao con người.

Đúng là như vậy, sự tỉnh thức bao giờ cũng quan trọng biết bao trong đời sống của chúng ta. Cho nên, giữ chiếc lá bồ đề từ Bod Gaya, với tôi, là sự nhắc nhở mình về sự tỉnh thức.

Không có sự tỉnh thức, con người sẽ lao theo những lầm tưởng, u mê. Và không có lối ra, người ta cứ bị lạc mãi trong cả khu rừng u mê, lầm tưởng ấy. Sự tỉnh thức, không phải chỉ là những điều lớn lao như kiểu đức Phật đã ngộ ra chân lý, sau bao tháng năm dài miệt mài tu tập theo trường phái khổ hạnh mà không đạt mục đích gì, không thể lý giải nổi câu hỏi vẫn đau đầu đau từ khi Người còn là thái tử Tất Đạt Đa Cổ Đàm, con trai của đức vua

Cây Bồ Đề nơi Đức Phật ngồi thiền tại Ấn Độ.

Ảnh: Đạo Quang



Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Da của kinh thành Ca Ti La Vệ xưa kia, rằng tại sao con người phải chịu nhiều đau khổ? Nguồn gốc của những khổ đau ấy là gì? Và làm thế nào để giải thoát được mọi kiếp nhân sinh? Sự tỉnh thức trong mỗi con người của cuộc sống đời thường giản dị mà không hề đơn giản. Tỉnh thức để nhận ra mình. Tỉnh thức để điều chỉnh mình. Tỉnh thức để không lầm đường lạc lối. Tỉnh thức để biết mình sẽ phải làm gì trong biết bao những việc cần làm và muốn làm trước mắt. Tỉnh thức để biết nhìn nhận thế giới này...

Có lẽ, điều khó nhất trong sự tỉnh thức là để nhận ra mình. *"Ta là ai?"*, câu hỏi này đã từng day dứt những nhà triết học minh triết nhất khắp đông, tây, kim, cổ. Bản chất của con người không phụ thuộc vào những gì ngoài họ. Không phụ thuộc vào vị trí mà họ đang đứng. Không phụ thuộc vào những *"vật ngoại thân"* họ đang có trong tay. Nhưng tiếc thay, thật ít người nhận ra điều ấy. Thật nhiều người lầm tưởng về giá trị của mình và giá trị của những kẻ xung quanh. Những điều tốt đẹp, thiêng liêng nhất thường bị đánh giá bằng những thứ phù du, vớ vẩn, *"ngoại thân"*. Ai chức cao, quyền trọng sẽ là người đáng kính. Ai giàu có hơn người sẽ được trân trọng, ngưỡng mộ. Kẻ nghèo khổ không có tiền của cho người khác sẽ không bao giờ được nâng niu. Những *"anh hùng"* xuất hiện, nhiều khi chỉ là những kẻ vung những đồng tiền thừa thãi, bất chính để *"mua"* lấy danh hiệu, mua lấy lòng kính trọng, mua lấy chức tước nọ kia... Người được tôn xưng tướng mình vĩ đại thật. Những kẻ tôn xưng, vì lóa mắt cho nên cũng tưởng mình tôn xưng thế là rất đúng. Không có sự tỉnh thức, thì không chỉ một người, vài người, mà sẽ là cả một thế hệ, một xã hội sai lầm, u mê.

Ngay cả khi tay đã *"chốt nhúng chàm"*, con người ta rất cần sự tỉnh thức để không tiếp tục lao mãi vào ngõ tối. Có tỉnh thức mới nhìn thấy tội lỗi. Có tỉnh thức mới nhìn thấy đường quang. Và có tỉnh thức thì mới tránh xa được bao nhiêu cạm bẫy, bao nhiêu độc ác, dối lừa vẫn hàng ngày hàng giờ giăng giăng trước mắt. Mỗi bước chân chúng ta đặt trên đường đời mệnh mông này, làm sao lựa được chỗ sạch sẽ mà đi là điều không đơn giản. Nhiều khi, chỗ sạch sẽ lại đầy những chông gai lởm chởm. Mỗi bước đi phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt và cả máu nữa!

Nhưng, sự tỉnh thức không phải lúc nào cũng to tát và ghê gớm thế. Nó có thể chỉ là những điều nhỏ bé trong cuộc sống hàng ngày của ta. Là sự suy xét thấu đáo trước sau, trước khi ta quyết định làm bất cứ việc gì. Là lời tự vấn lương tâm về những giờ ta từng sống. Là nhìn lại xem mình làm được những gì cho chính bản thân và những người thân yêu của mình trong những tháng ngày qua. Là xem đã có ai vì mình mà rơi nước mắt. Là sự xấu hổ trước những hiểu lầm, ganh đua, ghen tức hay phù phiếm đã từng nhen nhóm trong tim...

Chiếc lá bồ đề thiêng nằm im trên bàn làm việc, nhưng tôi nhìn thấy trong từng đường gân nhỏ bé kia biết bao biến động, bão giông của cuộc sống rộng lớn đầy phức tạp. Và cũng chính vì thế, mỗi ngày nhìn thấy lá bồ đề, lại tự nhắc nhở mình về sự tỉnh thức. Vì con người ta rất dễ u mê.



Đức Phật đã xuất hiện cùng Tăng đoàn hơn ngàn vị sư quăn y vàng rực rỡ với phong thái oai nghiêm và siêu thoát, tay ôm bình bát, lặng lẽ khoan thai trong từng bước chân an lạc thản nhiên tiến vào kinh thành. Họ đến từng nhà cúi đầu nghiêm cẩn. Cử chỉ khiêm nhường khiến vua Tịnh Phạn vô cùng sửng sốt và ngỡ ngàng. Mặc dù vậy, Ngài cũng không khỏi kinh ngạc trước những gì đang diễn ra. Xuất gia tìm Đạo, đến khi thành Phật rồi đi ăn xin sao? Thế nên đến khi diện kiến Đức Phật, tại Hoàng cung, vua Tịnh Phạn sẽ hỏi: Con tu hành đã thành Phật, sao còn phải đi... khát thực?

Đức Phật mỉm cười, rồi giải thích cho vua cha rằng: Người xuất gia đâu cũng là nhà, còn chư Tăng khát thực, tuy là kẻ ăn xin đích thực - nhưng khác với người ăn xin

KHẤT THỰC

MỘT PHÉP TỬ TRUYỀN THỐNG CỦA ĐẠO PHẬT

● Pháp Vương Tử

Câu chuyện xảy ra từ gần 3.000 năm về trước. Sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài không trở về thành Ca Tỳ La Vệ mà đi giáo hóa khắp nơi, độ cho năm anh em ông Kiều Trần Như và khi các ông vua nổi tiếng vùng Ngũ Hà quy y với Phật rồi, Ngài mới quyết định đưa đại chúng về thăm lại quê nhà cùng hoàng thân quốc thích. Nhận được tin ấy, phụ thân của Đức Phật là vua Tịnh Phạn vui mừng khôn xiết vì sắp được gặp lại đứa con sau bao năm xa cách.

là không phải tìm cái ăn để sống vất vưởng qua ngày, mà ngoài việc nuôi thân để sống và tu tập, còn một ý nghĩa sâu xa - đó là sự gieo duyên với chúng sinh trong “bát cơm ngàn nhà”, bởi cảm nhận tình người qua việc bố thí (cho đi) của chúng sinh, là tiếp cận giá trị hạnh phúc giữa cuộc đời này rồi!

Nghe xong, vua Tịnh Phạn như búng ngô, chưa bao giờ Ngài thấy trong người lại chấn động mãnh liệt như vậy. Lúc Phật mới tu, vua cha cứ nghĩ Phật là con Ngài, nhưng

ngay sau khi chứng quả Tu - đà - hoàn do Đức Phật khai thị thì Ngài nhận biết rằng Đức Thế tôn không phải là con của Ngài nhưng là hiện thân lại để độ Ngài và chúng sinh.

Giáo dục Phật giáo được gọi là "Giáo dục đánh thức". Vậy "đánh thức" cái gì? Đó là đánh thức tiềm năng "thành Phật" vốn có trong mỗi con người. Giáo lý này được bắt nguồn từ lời tuyên bố của Đức Phật ngay sau khi Ngài thành đạo nơi cội Bồ đề rằng "Tất cả chúng sinh đều có Phật tính" (nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính). Rồi liền đó Đức Phật khẳng định: "Ta là Phật đã thành chúng sinh là Phật sẽ thành". Như vậy Đức Phật đã đem yếu tố "thành Phật" gieo vào lòng chúng ta, đánh thức tiềm năng thành Phật ở mỗi con người. Tiềm năng ấy được gọi là PHẬT TÍNH, là tính sáng suốt vốn có ở mỗi con người. Nhưng nó đang bị che lấp bởi "vô minh" (thiếu sáng suốt) với những tỳ vết của những phiền não, nó ví như lớp lớp mây mù che vừng Nhật tròn đầy, rộng lớn sáng bao la. Chỉ cần gạt nó sang một bên là quyền... thành Phật nằm trong tay của con người rồi, có đâu xa!

Đó cũng là mục đích tín ngưỡng của Đạo Phật, mà hình bóng các tu sĩ Phật giáo khát thực xuất hiện ở nơi đời chính là một cứu cánh. Hành vi khát thực của tu sĩ hoàn toàn khác với người xin ăn thông thường là bởi không đơn thuần nuôi thân mà điều quan trọng nhất là "đoạn trừ ác pháp, thực hành phẩm hạnh, sống đời sống trí tuệ" gọi là "giác tha" độ đời, thực hiện lý tưởng Bồ Tát.

Vì thế tu sĩ khát thực được gọi là Khất sĩ. Chữ "Khất" là ăn xin - còn "sĩ" là nhằm nói tới những con người có phẩm hạnh cao quý như: chiến sĩ, văn sĩ, bác sĩ... nên "Khất sĩ" là người ăn xin cái cao quý, tức ăn xin... lòng từ bi của chúng sinh, đánh thức tình thương vốn có ở mỗi con người. Bởi vì, thông thường khi "cho" là ta đã tạo ơn đức với người "lấy". Nếu người "lấy" không vãi chào, cảm ơn người "cho" là ta dễ... trách quở họ "vô ơn!".

Giáo lý nhà Phật thì ngược lại: người cho (bố thí) lại phải biết ơn người lấy, phải cảm tạ họ nữa. Sao vậy? Chính vì cái nghèo khổ, cái "ngửa tay ăn xin" của họ đã khiến ta động lòng thương xót. Thế là ông Phật từ bi đang "ngủ vùi" trong ta được "đánh thức", ông trở dậy để thực hành bố thí (cho đi). Như vậy, người đến ăn xin đã... giúp ta được bố thí. Bố thí để phá trừ thói tham lam, ôm giữ, vì thế phải mang ơn người đến xin, thế mới là tâm đạo đức.

Trong "Lục độ ba la mật", tức sáu việc làm đạo đức để có được hạnh phúc rộng lớn mà Phật giáo đề cập đến trong phép tu, thì việc làm đầu tiên, phép tu đầu tiên đáng làm hơn cả là bố thí. Đạo Phật quan niệm: Hạnh phúc đến từ sự hiến dâng. Và chính lý tưởng Bồ tát của đạo Phật đã được thể hiện đậm đà trong câu thành ngữ của dân tộc ta là: "Thương người như thể thương thân". Câu thành ngữ này đã từng "thấp lủ" cho những tấm lòng nhân ái, cao cả, đã làm thực dậy biết bao những trái tim Bồ tát.

Tuy nhiên truyền thống khất sĩ ngày nay cũng có nhiều biến đổi trong các tông phái. Đa phần các tu sĩ Phật giáo không mấy phải "Trì bình bát khất thực" với phương thức "một bát cơm ngàn nhà" nữa. Những dấu ở chùa họ vẫn

nhận sự dâng cúng của phật tử và cộng đồng tín Phật, các nhà hảo tâm... để sinh sống và tu tập giải thoát. Vì thế, về bản chất, họ vẫn là Khất sĩ: Trên xin giáo pháp của Phật để nuôi tâm; dưới xin vật thực của chúng sinh để nuôi thân và giáo hóa (chữ Hán biểu thị bằng câu: Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh).

Mặc dù vậy, trong một xã hội văn minh hiện đại, vẫn còn đó hận thù và chiến tranh thì hình ảnh người Khất sĩ sẽ mãi là suối nguồn tươi mát - là nét gạch nối giữa CON NGƯỜI VÀ TÌNH YÊU THƯƠNG, biến đổi cuộc đời mỗi con người thành một quá trình học hỏi về SỰ LƯƠNG THIỆN.

... Rồi hình ảnh người Khất sĩ như đã... xưa lắm bỗng xuất hiện trở lại ở Việt Nam. Cái duyên lành ấy được bắt đầu từ chuyến về thăm quê Việt sau 40 năm của Thiền sư Thích Nhất Hạnh do ban Phật giáo Quốc tế, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam thỉnh mời. Chuyến thăm quê lần ấy của Thiền sư có cả 190 vị tăng, ni và thiền sinh Tây phương của 30 quốc tịch khác nhau, gọi là các Tăng thân làng Mai (Cộng hòa Pháp).

Trong các chương trình phật sự của mình tại nhiều tỉnh thành trong cả nước, Thiền sư đã đặc biệt mở một khóa tu 4 ngày cho người xuất gia gồm các Tăng thân làng Mai, các tông phái... Rồi cuối khóa tu ấy, vào một buổi sáng cuối Đông của năm Giáp Thân, Thiền sư đã trực tiếp cử lễ "Cổ phật khát thực" và dẫn đầu đoàn với chiếc nón lá quàng bên trái, tay phải ôm bình bát từ từ tiến ra khỏi mái Tam quan chùa Hoàng Pháp, Hoóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Dân chúng đứng đông nghẹt hai bên đường và tất cả đều chấp tay cung kính dâng vật phẩm cúng dường tăng, ni. Một hiện tượng chưa từng có ở Việt Nam bởi cái không khí thành kính, thiêng liêng đầy uy nghi ấy đã khiến bao người rung rung nước mắt, bởi trong đời họ chưa bao giờ được nhìn thấy một khung cảnh các vị sư đồng đạo như vậy, với bước chân thanh thản, nụ cười an lạc trên môi. Nét thông dong tự tại như làn gió mát rượi làm dịu lắng những tâm hồn đã khiến bao nhiêu trái tim thổn thức vì cảm động.

Khóa tu "Cổ Phật khát thực" tại chùa Hoàng Pháp, Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh của Thiền sư Nhất Hạnh đã mang lại một ý nghĩa sâu xa đó là sự TRỞ VỀ của truyền thống đạo Phật.

Sự trở về ấy đã làm thức dậy phong cách tu học, thiết lập uy nghi trong nếp sống đạo của người xuất gia. Đồng thời mẫu hình người khất thực đích thực kia sẽ làm hiển lộ chân tướng những kẻ giả danh tu sĩ để đi khất thực phi pháp, gây sự hiểu lầm rất đáng quan ngại hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1): Năm Phật lịch cộng với 45 năm thuyết pháp, ta có: $2558 + 45 = 2.603$ năm. Giáo pháp của Đức Phật được hoằng truyền tại thế gian



PHẬT GIÁO MIỀN BẮC THỜI KỲ 1954-1981

(TIẾP THEO SỐ TRƯỚC)

● Nguyễn Đại Đồng

2. Từ 1958 đến 1960

Ngày 4/2/1958, Hồ Chủ tịch dẫn đầu đoàn đại biểu nước ta sang thăm nước Cộng hòa Ấn Độ và Liên bang Miến Điện. Ngày 6/2, Người đã uỷ nhiệm Phó thủ tướng Phan Kế Toại và Bộ trưởng Bộ Văn hoá Hoàng Minh Giám đi viếng mộ Hoà thượng Huệ Quang mất tại Ấn Độ trong lúc đi dự lễ Phật đản 2500 năm.

Đại hội đại biểu thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam tiến hành tại chùa Quán Sứ, Hà Nội từ 16 -

18/3/1958. Tham dự đại hội có chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tôn Đức Thắng, các ông Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Trưởng ban Tôn giáo phủ thủ tướng, chủ tịch MTTQ thành phố Hà Nội v.v...

Tham dự đại hội có hơn 200 vị Hòa thượng tôn túc tăng ni và các cư sĩ tiêu biểu trong Phật giáo. Có cả vị sư tăng Miền kiêu và một vị sư Hoa kiều cùng tới dự đại hội.

Đại hội mời cụ Tôn Đức Thắng, cụ Bùi Kỳ (nguyên sáng lập viên Hội Phật giáo Bắc Kỳ), cụ Doãn Kế Thiện tham gia

Chủ tịch đoàn gồm 22 vị Hòa thượng tôn túc. Hội nghị giành riêng một ghế chủ tịch đoàn danh dự dành Hồ Chủ tịch và hai ghế dành đại biểu miền Nam.

Sau khi Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô, Thượng Tọa Liên chào mừng Đại hội, Sư tổ Cao Đà thành viên Ban Chứng minh Đạo sư Hội Việt Nam Phật giáo đọc diễn văn khai mạc; Thượng tọa Tâm Nguyệt đọc thư của UBMTTQ Trung ương, Ủy ban Liên lạc Công giáo, Hội Thánh Tin Lành, Cao Đài miền Bắc chào mừng đại hội.

Đại hội quyết nghị đặt trụ sở Hội tại chùa Quán Sứ. Thượng tọa Thái Hòa nhân danh sáng lập viên Hội Việt Nam Phật giáo tán thành Hội PGTVN đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ.

Đại hội đã bầu Ban Trị sự Trung ương Hội gồm 45 vị trong đó có 2 ghế dành các hội viên sau này công tác tiến bộ được đề bạt; và 10 ghế dành các đại biểu Phật giáo miền Nam. Thực tế gồm 33 vị, Ban Trị sự đã bầu Ban Thường trực do Hòa thượng Thích Trí Độ làm hội trưởng, Hòa thượng Tuệ Tạng - Thích Tâm Thi, Thượng tọa Thích Đức Nhuận, Thượng tọa Phạm Đức Chính, Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám được bầu làm phó hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam.

Tối 18/3, Đại hội đã cử một phái đoàn gồm hơn 40 vị tăng ni và cư sĩ do Pháp sư Thích Trí Độ dẫn đầu lên yết kiến Hồ Chủ tịch, trong đó có sư cụ Đàm Phúc 99 tuổi và sư cụ Tống Cẩm Sáng gốc Hoa tu tại Cẩm Phả. Hồ Chủ tịch nói: *"Trước đây phong kiến và đế quốc đã kìm hãm không cho người tu hành được yêu nước, yêu dân. Nay thì khác. Các vị được tự do phụng đạo, yêu nước, cứu khổ cứu nạn cho mình và cho người theo như lời Phật dạy."* Đoạn Hồ Chủ tịch giải thích: *"Cứu khổ, cứu nạn là phải làm thế nào không còn người áp bức người, ai nấy đều có cơm ăn, áo mặc, việc làm, không ai khổ nữa."*

Hồ Chủ tịch đã trao tặng lại cho Hội một bảo vật là cây Bồ đề do Tổng thống Ấn Độ tặng Người ngày 7/2/1958 nhân dịp Người dẫn đầu đoàn đại biểu nước ta sang thăm Ấn Độ và Liên bang Miamar. Người nói: *"Tôi đã ủy ông Bộ trưởng Bộ Văn hóa đem cây ấy tặng lại các vị để đánh dấu ngày thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam"*.

Ngày 27/3/1958, ngày kỷ niệm đức Phật Thích Ca xuất gia tu đạo, nhân dịp này Hội PGTVN làm lễ trồng cây Bồ đề. Đồng thời treo tấm biển đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ. Hành lễ xong, 9 giờ sáng, cây Bồ đề đã rước từ chùa Quán Sứ lên chùa Một Cột.

Ngày 28/4/1958, Bộ Nội vụ ra Nghị định số 147-NV cho phép Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam được *"hoạt động trong phạm vi luật lệ hiện hành và Điều lệ của Hội đã được duyệt, đúng theo Nghị định này"*. Điều lệ Hội có 14 mục với 23 điều, quy định Hội có hai cấp: Ban Trị sự Trung ương và Ban Trị sự các tỉnh thành (*chi hội*). Nhiệm kỳ Ban Trị sự Trung ương là 3 năm, Ban Trị sự chi hội là 2 năm. Ban Trị sự Trung ương có ba tiểu ban là tiểu ban Tuyên giáo, tiểu ban Nghi lễ và tiểu ban Từ thiện xã hội.

Ngày 31/12/1959, Quốc hội thông qua Hiến pháp mới. Quyền tự do tín ngưỡng được đề cập trong Điều 26:

"Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào."

Ngày 19/5/1960, trong khi Thượng tọa Thích Thanh Chân, trụ trì chùa Hương, Chứng minh Đạo sư Hội PGTVN ra Hà Nội để cùng phái đoàn Phật giáo vào chúc thọ và mừng sinh nhật lần thứ 70 của Hồ Chủ tịch, thì ngay 5 giờ sáng hôm đó, chính Hồ Chủ tịch lại vào thăm chùa Hương (*Hà Tây*). Tại đây Người đã căn dặn chính quyền địa phương phải sửa lại thuyền bè, bắc thêm cầu phao và làm thêm một con đường mới để tăng ni Phật tử đi lại chiêm bái được dễ dàng và an toàn.

Từ ngày 5 - 10/9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của Đảng Lao động Việt Nam diễn ra tại Hà Nội. Trả lời báo Cứu Quốc nhân sự kiện này, Pháp sư Thích Trí Độ nói: Sự quan tâm đến vấn đề tôn giáo của Đảng làm cho người Phật giáo chúng tôi vô cùng phấn khởi.

3. Từ 1961 đến 1964

Tháng 3/1961, Đại hội đại biểu Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam lần thứ 2 diễn ra tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Đại hội đã lưu nhiệm pháp sư Thích Trí Độ làm Hội trưởng.

Từ ngày 25 - 29/4/1961 Đại hội MTTQVN lần thứ 2 đã diễn ra tại Hà Nội. Pháp sư Thích Trí Độ được bầu vào Ủy viên chủ tịch đoàn; Hòa thượng Phổ Minh hội trưởng Hội PGTVN tỉnh Quảng Bình và Ni sư Đàm Dung trụ trì chùa Xã Đàn, khu Đống Đa, Hà Nội Ủy viên Ban Trị sự Trung ương Hội PGTVN được bầu là Ủy viên ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Toàn bộ kinh Lăng Nghiêm mà Tâm Minh Lê Đình Thám dày công phiên dịch và chú giải trong nhiều năm (*đã được đăng tải trên tạp chí Viên Âm ở Huế trước năm 1945*) đã được ông hoàn tất và xuất bản tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Đây là ấn phẩm Phật giáo đầu tiên được xuất bản ở miền Bắc, kể từ năm 1954.

Trong năm này, sau khi làm việc ở Tam Đảo, Hồ Chủ tịch về thăm chùa Hà Tiên, xã Đại Trung, thị xã Vĩnh Yên. Lần 2, sau khi làm việc với tỉnh ủy Vĩnh Phúc trong chuyến thăm huyện Vĩnh Tường, Người về nghỉ và ăn cơm nắm dưới tán cây muôm (xoài) cổ thụ trong vườn chùa Hà Tiên và dặn dò cán bộ và nhân dân địa phương.

Tháng 5/1962, những người làm công tác bảo tồn, bảo tàng đã khám phá di tượng anh hùng dân tộc Quang Trung tại chùa Bộc ở Khương Thượng, Hà Nội. Lấn sát tường chùa, đằng sau cái bệ gỗ của pho tượng, có một dòng chữ kín đáo phải bắc ghế cao hoặc thang mới đọc được, dịch nghĩa: *"Bính Ngọ tạo Quang Trung tượng"*. Bính Ngọ tức 1846, tức 60 năm sau ngày người anh hùng áo vải phất cờ kéo quân Tây Sơn ra hạ thành Thăng Long, lật đổ chúa Trịnh (1786).

Tháng 7/1963, được tin Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu (14/6/1963), Hồ Chủ tịch rất cảm động trước sự hy sinh anh dũng của Hòa thượng. Người đã trân trọng cất cột báo đăng tin và ghi lại công đức Hòa thượng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết câu đối trang trọng kính viếng Hòa thượng Thích Quảng Đức:

*Vị pháp thiêu thân vạn cổ uy hùng thiên nhật nguyệt
Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà.*

Dịch nghĩa:

*Vị pháp thiêu thân muôn thuở hùng uy trời nhật nguyệt
Lưu danh bất tử, trăm năm chính khí đất sơn hà.*

Sau khi Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, Ban Trị sự Trung ương Hội PGTVN đã truy tặng Hoà thượng là Đại hùng hộ pháp danh dự chứng minh đạo sư, đặt bát hương Từ đàm - Xá lợi tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Để tỏ lòng biết ơn của Phật giáo thủ đô, đối với Phật giáo miền Nam, tăng ni thiện tín đã phát Bồ đề tâm, người giúp công người giúp của, riêng Hoà thượng Thích Tâm Huy trụ trì chùa Hòe Nhai, một tổ đình lớn ở Hà Nội ủng hộ 500 đồng và dâng một miếng đất vườn nội tự để Thành hội Phật giáo Hà Nội xây ngọn tháp đặt tên là "Ấn Quang bảo tháp" để tưởng nhớ vị Hoà thượng đã anh dũng tự thiêu. Ngày 20/7/1963, Thành hội đã làm lễ khánh thành một cách trọng thể, có hơn 1000 tăng ni Phật tử tới dự.

Hầu hết các chùa trên miền Bắc đã làm lễ cầu siêu cho Phật tử và đồng bào miền Nam bị đế quốc Mỹ và tay sai giết hại; đã trồng hàng vạn "cây Từ đàm", "cây Xá lợi"; đặt tên các khóa Hạ là "khóa Hạ Từ đàm"...để khắc sâu tội ác của đế quốc Mỹ và tay sai và để ghi nhớ những tấm

gương đấu tranh bất khuất của Phật tử miền Nam.

Ngày 28/8/1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra tuyên bố lên án hành động tàn bạo của Mỹ - Diệm đối với đồng bào theo đạo Phật miền Nam "Tội ác của chúng, trời đất không thể dung, Hành động hung tàn của chúng, nhân dân ta đều căm giận. Cả thế giới đều lên tiếng phản đối, nhân dân tiến bộ Mỹ cũng đều đồng tình ủng hộ", và "Thay mặt nhân dân Việt Nam, tôi chân thành cảm ơn nhân dân và chính phủ các nước Phật giáo, các nước XHCN anh em, cảm ơn nhân dân yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa trên thế giới, cảm ơn nhân dân và nhân sĩ tiến bộ mỹ đã nghiêm khắc lên án Mỹ - Diệm và nhiệt tình ủng hộ nhân dân miền Nam".

Năm 1963 - 1964, trên công trường đắp đê sông Hoàng Long ở làng Đất, khu vực kinh đô Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình) dân công đào đất ở độ sâu từ 10 cm xuống hơn 200 cm so với mặt ruộng đã phát hiện được 20 cột kinh bằng đá. Cột kinh ghi rõ rằng Nam Việt Vương Đinh Khuông Liễn đã dựng 100 cột kinh vào năm Quý Dậu (973).

Trên cột kinh tìm được năm 1964, ngoài bài chú Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà la ni, còn một bài kệ bằng chữ Hán khá dài liên quan đến Phật điện Đại thừa.

Từ ngày 28/9 - 1/10/1964, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội diễn ra Đại hội đại biểu Hội PGTVN lần thứ 3, gồm 200 đại biểu tăng ni, cư sĩ và tín đồ, thể hiện tinh thần đại hòa

Chùa Kinh Kệ - Lâm Thao - Phú Thọ
Ảnh: Phùng Hoàng Anh



hợp phần khởi, tin tưởng. Đại hội vinh dự và phần khởi được Hồ Chủ tịch viết thư thăm hỏi, căn dặn và Phó Chủ tịch nước - Chủ tịch Chủ tịch đoàn UBTW MTTQVN Tôn Đức Thắng đến thăm và nói chuyện. Sau lời khai mạc của Hòa thượng Hội trưởng, các đại biểu lắng nghe ông Trần Xuân Bách đọc thư của Hồ Chủ tịch gửi Đại hội, tiếp đó ông phát biểu ý kiến với Đại hội; đại ý ông nêu lên thành tích yêu nước của giới PGVN từ trước tới nay, đồng thời ông cho biết những âm mưu lợi dụng chia rẽ, đàn áp của đế quốc Mỹ và tay sai đối với đồng bào Phật giáo miền Nam. Những ý kiến quý báu của ông đã khích lệ Đại hội rất nhiều.

Sáng 30/9, Đại hội đã suy cử 27 Hòa thượng vào Ban Chứng minh Đạo sư, bầu Ban Trị sự mới gồm 37 vị trong đó có 27 vị tăng, 7 vị ni và 3 cư sĩ. Suy bầu 10 vị vào Ban Thường trực Trung ương Hội:

- 1) Pháp sư Thích Trí Độ - Hội trưởng;
- 2) Hoà thượng Trần Quảng Dung - Phó Hội trưởng;
- 3) Bác sĩ Lê Đình Thám - Phó Hội trưởng;
- 4) Hoà thượng Thích Đức Nhuận - Phó Hội trưởng;
- 5) Hoà thượng Tâm An - Phó Hội trưởng;
- 6) Hoà thượng Thái Hòa - Phó Hội trưởng kiêm Tổng

Thư ký;

- 7) Thượng tọa Viên Tu - Phó Tổng Thư ký;
- 8) Ông Việt Đoàn - Phó Tổng Thư ký;
- 9) Thượng tọa Phúc Tuệ - Ủy viên Thường trực;
- 10) Sư bà Thích Đàm Dung - ủy viên thường trực

Ban Trị sự có 3 Tiểu ban:

1) **Tiểu ban Tuyên giáo:** do Pháp sư Thích Trí Độ, Trưởng tiểu ban, Bác sĩ Lê Đình Thám, Phó trưởng Tiểu ban;

2) **Tiểu ban Nghi lễ:** Hoà thượng Trần Quảng Dung, Trưởng tiểu ban, Thượng tọa Giám Sinh, Phó trưởng tiểu ban;

3) **Tiểu ban Từ thiện xã hội:** Thượng tọa Viên Tu, Trưởng tiểu ban, Thượng tọa Phạm Thế Long, Phó trưởng tiểu ban.

Buổi chiều Đại hội nghe đại biểu quân đội nói về chiến thắng 5/8/1964 của quân và dân ta. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh tinh thần chiến đấu dũng cảm phi thường của quân và dân ta, đồng thời càng thấy rõ âm mưu đen tối và tội ác của đế quốc Mỹ khiêu khích phá hoại miền Bắc để gỡ thế bí của chúng đang thất bại ở miền Nam nước ta.

Sáng ngày 1/10 Đại hội được đón tiếp Phó chủ tịch Tôn Đức Thắng đến thăm và nói chuyện. Đại hội đã thông qua thư gửi lên chúc thọ Hồ Chủ tịch, thư gửi UBTWMTTQ Việt Nam, thư gửi đồng bào Phật giáo miền Nam và thông qua bản Nghị quyết của Đại hội. Tiếp đến Ban Trị sự mới ra mắt Đại hội, đến 10 giờ 30 ngày 1/10 Đại hội bế mạc.

Tóm lại, trong những năm 1957 - 1964 các trường Hạ và đại giới dần dần được duy trì, các ngày lễ Phật đản, đức Phật thành đạo, ngày vía đức A di đà... vẫn được tổ chức, tuy nhiên các trường Phật học đào tạo tăng tài đều ngưng, báo chí Phật giáo cũng đình bản, Hội không còn cơ sở in ấn kinh sách...

Các tổ chức như Hội Việt Nam Phật giáo, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Hội Phật giáo Cứu quốc, Hội Phật tử Việt Nam đã giải thể, cử đại biểu hợp đại hội thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam và tiến hành các đại hội nhiệm kỳ hướng dẫn tăng ni Phật tử thực hiện nhiệm vụ.

Các tăng ni Phật tử đã cùng nhân dân hoàn thành cải cách ruộng đất, tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, hăng hái tham gia công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Đời sống đồng bào ngày càng được cải thiện, nhiều nhà tu hành đã dần dần hoà mình trong cuộc sống chung của dân tộc, cùng với tín đồ tham gia hoạt động yêu nước.

Nhiều nhà tu hành và tín đồ Phật giáo đã liên tục liên tiếp tổ cáo những hành động tội ác của Mỹ - Diệm đối với đồng bào ta ở miền Nam; nhiều cuộc đấu tranh chung của các tôn giáo chống Mỹ - Diệm đã được tổ chức ở thủ đô Hà Nội và các địa phương.

Hội PGTN Việt Nam trở thành thành viên của MTTQVN đã hướng dân tăng ni Phật tử thực hiện cương lĩnh của Mặt trận, tích cực chấp hành các chính sách của chính phủ, hăng hái tham gia ủng hộ các phong trào hợp tác hoá, học tập văn hoá, bài trừ mê tín dị đoan.

Tăng ni, Phật tử ngày càng hoà hợp, đoàn kết rộng rãi trong Hội PGTNVN, tích cực xây dựng Hội thành một tổ chức tiêu biểu cho tinh thần yêu nước của tôn giáo mình.

1.2. Từ 1965 đến 1974

Đầu tháng 2/1965, đế quốc Mỹ bắt đầu tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Lúc này chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc, của nhân dân từ Bắc chí Nam.

1. Góp phần cùng toàn dân đánh bại chiến tranh phá hoại của Mỹ

Trong 8 năm dùng không quân đánh phá miền Bắc, đế



Ảnh: Hà Anh

quốc Mỹ đã gây ra vô vàn tội ác đối với nhân dân ta. Riêng Phật giáo, đã bị máy bay Mỹ bắn phá, ném bom, phá huỷ ngót 256 ngôi chùa, có chùa bị máy bay Mỹ đánh đi đánh lại nhiều lần, gần bị san phẳng như chùa Vọng Cung (Tp Nam Định); các chùa Sặt (Hải Dương), Hoàng Mai (Nga Mi thiền tự) ở (Thanh Trì, Hà Nội), Tam Sơn (Bắc Ninh) bị bom phá huỷ tượng Phật, giết hại tăng ni. Bên cạnh những ngôi chùa bị tàn phá là những làng mạc, bệnh viện, trường học, nhà thờ, thánh thất, công trình thủy lợi để điều cũng bị chúng đánh phá có tính chất huỷ diệt.

Chùa Phả Quang, một di tích lịch sử của tỉnh Quảng Bình, chùa Phật Giáo, trụ sở tỉnh hội Phật giáo Quảng Bình ở thị xã Đồng Hới cùng với 15 chùa khác trong tỉnh bị giặc Mỹ ném bom phá hoại.

Ở Thanh Hóa, các chùa: Giác Hoa (Hàm Rồng), chùa Đông Tác (huyện Đông Sơn), chùa Quảng Thọ, Quảng Hóa, Đông Tác, chùa Bìa (Đò Lèn) bị đánh phá hỏng nặng. Sư ông Nguyễn Ngọc Ngoạn trụ trì chùa Quảng Thọ trong khi đang tụng kinh, phụng Phật thì bị bom Mỹ giết hại.

Nhiều chùa khác ở Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình bị máy bay Mỹ bắn phá hư hỏng nặng.

Nhiều chùa trở thành nơi sơ tán các cơ quan nhà nước hoặc nơi trú đóng của các đơn vị quân đội, công an

Chùa Phổ Chiêu (Hải Phòng), những năm 1954 - 1955 là trụ sở của Liên hiệp Công đoàn Hải Phòng chỉ đạo các cuộc đấu tranh cưỡng ép người di cư và chuyển máy móc vào Nam.

Trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, chùa là Sở chỉ huy của Sở Công an Hải Phòng từ năm 1965 - 1972. Chùa Đồng Thiện là nơi đóng quân của hậu cần các đơn vị pháo cao xạ bảo vệ cầu Niệm và cầu Rào, Hải Phòng.

Chùa Yên Phú, huyện Thanh Trì, Hà Nội là nơi đóng quân của hậu cần đơn vị phòng không phía Nam Hà Nội.

Một số sư trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ chiến đấu

Ở chùa Nam Ngạn, sư thầy Đàm Xuân đã phủ những tấm cà sa quý nhất của đời mình lên mâm pháo khi không còn lá cây nguy trang dưới làn bom đạn dày đặc của giặc Mỹ. Sư thầy Đàm Xuân đã làm rạng danh Phật tử xứ Thanh và được Hồ Chủ tịch tặng huy hiệu của Người. Sư cụ Đàm Ninh (chùa Chương Các), sư ông Thanh Cẩm (chùa Gia Đậu) đều trực tiếp phục vụ chiến đấu, các vị đã được giấy khen từ Trung ương đến địa phương.

Sư cụ và chú tiểu chùa Giẽ, Phú Xuyên, Hà Tây cách trận địa cao xạ chừng hơn 1 cây số, đã ngày đêm gánh các thức ăn và nước uống giúp anh em bộ đội ăn no để đánh thắng giặc Mỹ, bảo vệ cầu. Các vị này đã được thưởng huy hiệu của Bác Hồ. Nhiều vị khác như sư cụ Thanh Tiếp ở chùa Bích Động, Ninh Bình; sư cụ Đàm Giác chùa Đò Quan, Nam Định; sư cụ Thanh Đại chùa Thị Sơn, Hà Nam đã tham gia chuyển đạn, cứu thương và phục vụ ăn uống cho các đơn vị pháo cao xạ bảo vệ địa phương.

Tại Hà Nội, có vị tham gia dân quân du kích như sư bác Đàm Dẫn (chùa Nam Dư Hạ, Thanh Trì), sư thầy Đàm Nhâm (chùa Ngọc Trục, Từ Liêm) trực tiếp cầm súng bắn máy bay Mỹ. Nhiều vị tham gia phục vụ chiến đấu như sư

thầy Đàm Luận (chùa Hương Thế), sư thầy Đàm Đạt (chùa Hộ Quốc), sư thầy Đàm Văn ở khu Đồng Đa, sư cụ Đàm Chung chùa Thổ Khối, sư thầy Đàm Biên ở chùa Trạm Thôn, sư cụ Đàm Niệm chùa Đông Dư, Gia Lâm,... nhiều vị đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương chiến hạng 2,3, Bằng khen, Giấy khen.

2. Tham gia phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm

Trong 10 năm qua, nhất là trong thời gian chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhiều chùa và các vị sư đã tích cực đóng góp công lao động để xây dựng hợp tác xã. Sư thầy Đàm Khuê chùa Quang Thượng, Thanh Trì, Hà Nội hàng năm đạt trên 300 công lao động trong hợp tác xã. Các chùa ngoại thành Hà Nội chỉ riêng năm 1970 đã bán cho Nhà nước 46.579 kg thịt lợn, 1 chùa ở Yên Duyên, xã Yên Sở, Thanh Trì, Hà Nội bán được 800 kg thịt lợn; chùa Khuyến Lương bán trên 300 kg gia cầm.

Đi đôi với sản xuất tốt, tất cả các chùa ở tỉnh Nam Hà đều lập Hũ gạo chống Mỹ cứu nước và gửi tiền tiết kiệm. Năm 1970 Phật giáo tỉnh Nam Hà dẫn đầu phong trào với số tiền gửi là 915.837đ, trong đó chùa Cổ Lễ gửi 5000đ.

Nhiều chùa đã gửi tiết kiệm theo số máy bay Mỹ bị bắn rơi trong thành phố, có chùa gửi theo số máy bay bị bắn rơi trong tỉnh (trên 80đ), trong quân khu (300đ). Đặc biệt chùa Vọng Cung còn gửi tiền tiết kiệm đạt số máy bay giặc Mỹ bị bắn rơi trên toàn miền Bắc (trên 2000đ).

Thượng tọa Phạm Thế Long, chùa Cổ Lễ, từ 2400đ gửi thêm 2160đ nữa đưa tổng số tiền gửi của cá nhân Thượng tọa là 4160đ (là người dẫn đầu các Phật tử có số tiền gửi cao nhất tỉnh Nam Hà trong đợt mới). Tín đồ chùa Cổ Lễ có 346 người đã nâng bình quân tiền gửi từ 108 đ/người lên 121đ/người. Chùa Đầm có số dư gửi tiết kiệm cao thứ hai trong các chùa toàn huyện. Sư thầy Đàm Nhung đã làm ngạc nhiên giới Phật tử trong huyện, từ 400đ gửi lên 1800đ.

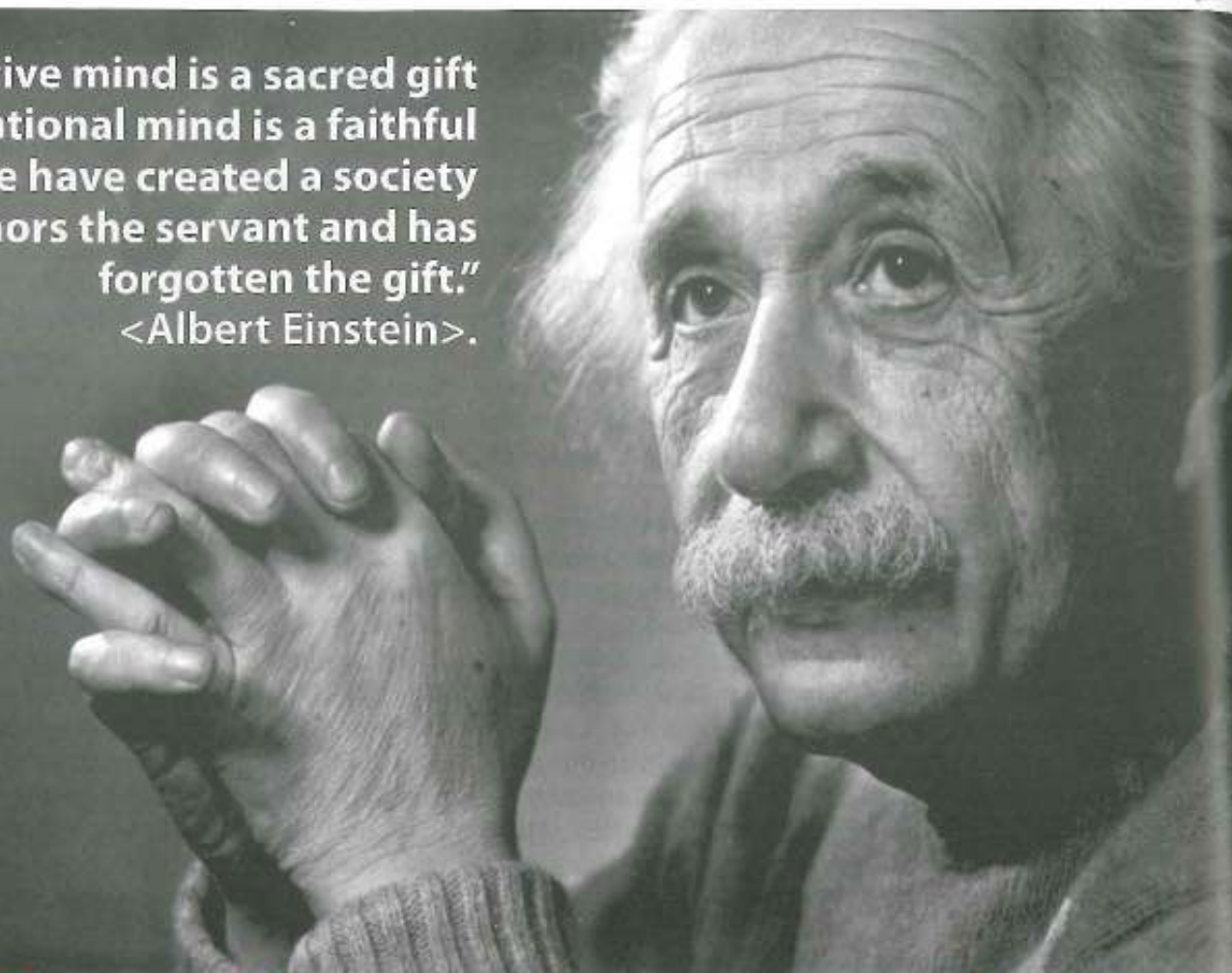
Tháng 3/1970, gần 70 đại biểu tăng ni tín đồ Phật giáo huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc đã họp Hội nghị mừng công 5 năm chống Mỹ cứu nước. Một chùa đã bán cho Nhà nước 341kg thóc; một chùa bán 200kg mật ong; 6 chùa bán 826kg thịt lợn, 10 chùa đã gửi tiết kiệm được 850đ và ủng hộ bộ đội, đồng bào kết nghĩa 70đ và 120 cây tre. Chùa nào cũng trồng thêm được trên dưới 100 cây ăn quả và cây lấy gỗ.

Ngày 19/6/1970, Đại hội đại biểu Phật giáo lần thứ nhất của tỉnh Hà Tây khai mạc. Thượng tọa Thích Thanh Viên, Thư ký CHPG Thống nhất tỉnh đã báo cáo thành tích trong 5 năm qua của 618 vị sư trong tỉnh. Ngoài việc thờ phụng, chăm sóc chùa chiền và tham gia chống Mỹ cứu nước, các vị sư còn tăng gia sản xuất và bán cho nhà nước 214.557 kg thịt lợn và gia cầm; vận động gửi tiền tiết kiệm tăng từ 40.72đ bình quân đầu người lên 428,97đ; trồng được 77.933 cây vải thiều, nhãn, mít... và hàng vạn cây các loại.

Nhiều vị như sư cụ Thanh Tiếp (Ninh Bình), sư thầy Đàm Dẫn (chùa Tứ Kỳ, Hải Dương), đã được bầu là chiến sĩ thi đua trong nông nghiệp

(Còn tiếp)

**"The intuitive mind is a sacred gift and the rational mind is a faithful servant. We have created a society that honors the servant and has forgotten the gift."
<Albert Einstein>.**



LUẬN BÀN TƯ DUY CỦA ALBERT EINSTEIN NHÌN THEO GÓC ĐỘ QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO

● Chân Ngọc

"Tư duy trực giác là món quà tặng thiêng liêng. Tư duy lý luận là tên đầy tớ trung thành. Chúng ta đang xây dựng một xã hội vinh danh tên đầy tớ mà bỏ quên món quà tặng thiêng liêng."

Không biết từ khi nào, từ khi có loài người cho đến nay, con người luôn đi tìm kiếm một câu hỏi: Ta là ai, ta từ đâu đến, ta là gì trên thế giới này.... Cho đến xã hội hiện đại ngày nay, có hàng trăm ngàn môn khoa học và học thuyết nghiên cứu về con người và xã hội, nhưng chưa thể tìm hiểu hết về bản thân con người, về mối quan hệ giữa con người và thế giới, người ta vẫn loay hoay tìm hiểu, tư duy về chính mình. Ở đây, trong một bài viết hạn hẹp, tôi xin được phép luận bàn đôi chút cách nhìn nhận về tư duy con người của Albert Einstein, một nhà khoa học lỗi lạc của thế giới, những công trình khoa học và học thuyết của ông vẫn còn nguyên giá trị

cho đến ngày nay. Về góc độ tư duy theo quan niệm của ông nó gần như tương đồng với quan điểm của Phật giáo về "trí vô sư". Nói đến tư duy, ông có câu nói nổi tiếng: "Tư duy trực giác là món quà tặng thiêng liêng. Tư duy lý luận là tên đầy tớ trung thành. Chúng ta đang xây dựng một xã hội vinh danh tên đầy tớ mà bỏ quên món quà tặng."

TRƯỚC HẾT TA TÌM HIỂU VỀ KHÁI NIỆM TƯ DUY; TRỰC GIÁC; LÝ LUẬN:

Tư duy: Là một phạm trù triết học dùng để chỉ những hoạt động của tinh thần, đem lại những cảm giác của người ta sửa đổi và cải tạo thế giới, làm cho người ta có nhận thức đúng đắn về sự vật, hiện tượng và ứng xử tích cực với nó.

Trực giác: Hay còn gọi là "giác quan thứ sáu" cho phép ta thấy được những gì mà năm giác quan (Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) không thể thấy được cụ thể như linh cảm, cảm nhận, tưởng tượng....hay tất cả những gì thuộc về thế giới vô hình mà năm giác quan còn lại chỉ thấy được ở thế giới hữu hình, tức là những gì đang tồn tại.

Lý luận: Là tổng kết có hệ thống những kinh nghiệm của loài người, phát sinh từ thực tiễn cảm nhận, để chi phối và cải biến thực tiễn.

Nói đơn giản, tư duy trực giác là cái nhìn nhận, nhận biết sự thật của một sự vật, hiện tượng, thấu triệt vào tận bản thể của chúng, không vọng tưởng, đuổi theo những suy luận bên ngoài, gạt bỏ những suy đoán bên ngoài để tìm ra cái cốt lõi, cái bản chất của sự vật hay hiện tượng, từ đó mới tìm ra qui luật và có cách ứng xử đúng đắn với chúng.

Trên thế giới hầu hết các nhà khoa học lỗi lạc đều từ sự đốn ngộ về một sự vật, hiện tượng nào đó, rồi tổng kết cái trực giác, nghiên cứu và đưa ra lý luận.

Albert Einstein là một nhà có tư duy trực giác thật sự. Nhà vật lý thiên tài này không thiên về lời nói (*Tôi ít khi tư duy bằng các từ*). Theo cách giải thích của Arthur Miller nhà viết sử các khoa học thì "óc hình tượng thị giác đóng vai trò trung tâm trong tư duy sáng tạo của ông ta". Lúc 16 tuổi ông bất thần có một phát hiện khởi đầu cho lý thuyết tương đối của mình: ông tưởng tượng mình đang cưỡi trên một điểm của sóng ánh sáng.

Isaac Newton (1642 - 1727) nhà vật lý, toán học nước Anh, người được thế giới tôn là "người sáng lập ra vật lý học cổ điển", một lần ngồi yên lặng dưới gốc cây, nhìn thấy quả táo rụng trên cây xuống, ông chợt bừng tỉnh nhận ra nguyên nhân của sự rơi của các vật và sức hút của trái đất.

Một ví dụ nữa là về nhà vật lý học ác - si - mét. Một hôm vua sai ông kiểm tra coi chiếc vương miện mình đang đội bằng vàng thật hay vàng giả. Ácsimét bồn khoăn lo nghĩ không biết xoay sở ra làm sao. Vào một buổi sáng, để thư thả đầu óc, ông vào bồn tắm ngâm mình. Một ý nghĩa lóe lên trong đầu ông khi ông thấy nước trào ra ngoài lúc ông đang ngâm mình. Ông vui mừng chạy thẳng ra đường mà quên mặc quần áo, kêu to câu Hy Lạp: "O-rê-cal!", nghĩa là "Tôi thấy rồi!". Ông đã nhận ra việc mình bị nâng lên trong nước đòi hỏi sự choán thể tích của cơ thể

trong nước, từ đó ngành vật lý học có thêm định luật Ácsimét hay lực đẩy Ácsimét.

Carl Gauss, nhà toán học lỗi lạc người Đức thế kỷ XX cũng thuật lại: "Như trong một ánh chớp bất thần, điều bí ẩn đã được giải mã. Tôi không thể tự mình hiểu được bản chất của sợi dây dẫn nối điều tôi đã biết, với điều khiến tôi thành công".

Nhà di truyền học người Mỹ Barbara Mc Clintok, giải Nobel y học năm 1983 về các công trình nghiên cứu về ngô, đã dựa vào một dạng trực giác đầy nữ tính tuy hơi kỳ lạ. Bà mô tả tha giác (*năng lực trực giác nhập vào địa vị kẻ khác và cảm nhận được điều cảm nhận của họ*) của mình đối với các tế bào ngô mà bà đã hiểu được cách hoạt động của nó theo nghĩa sâu kín nhất của thuật ngữ này, như sau: "Khi tôi quan sát một tế bào, tôi thâm nhập vào bên trong và nhìn xung quanh mình".

Trong quá trình lịch sử, có rất nhiều những phát hiện thiên tài đột xuất. Phải công nhận hiển nhiên rằng trực giác đóng vai trò then chốt trong quá trình hình thành các phát minh khoa học. Chính bản thân các thiên tài là những người đầu tiên công nhận điều này. Trong một cuộc điều tra tiến hành với 83 đối tượng đạt giải Nobel về khoa học và y học, thì 72 người đã nêu trực giác là một yếu tố thành công của họ.

Sự đốn ngộ, hay tư duy trực giác của các nhà khoa học thường rơi vào những giai đoạn tĩnh lặng hoặc chợt giật mình tỉnh giác, phần lớn không dựa chính vào các tư duy lý luận sẵn có, vì vậy mà Albert Einstein mới cho rằng "Tư duy trực giác là món quà tặng thiêng liêng".

Trong Phật giáo, Phật Thích Ca Mâu Ni sau khi ngồi dưới gốc cây Bồ đề 49 ngày đêm đã tự đốn ngộ, ngài biết hết rõ mọi sự, biết mình, biết vũ trụ, biết nhân sinh quan về luân hồi sinh tử sau đó ngài mới đi thuyết pháp.

Pháp tu thiền của Phật giáo cũng sử dụng cách trên, sau khi học thiền, hành giả phải buông bỏ những thứ ngoại vọng, sáu căn (Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) không tiếp xúc với sáu trần (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), từ đó, hành giả tu tập sẽ có cơ hội đốn ngộ, thấy cái "Chân tâm" hiện tiền, biết rõ thân mình là gì, tâm mình là gì. Khi cái bản tâm nhất như rồi, thì cái tâm tự biết, hằng biết mọi sự, biết được mình là ai, mình từ đâu mà ra, mình đi về đâu...khi đó thấy mọi thứ xung quanh biết được cái thật giả, không lẫn lộn (*Trong Phật giáo gọi là trí vô sư, người tu đạt đến trí vô sư thì tự biết hết mọi sự*)..... Có lần tôi nói với bạn bè: Các vị thiền sư không nghe bằng tai, không nhìn bằng mắt, không ngửi bằng mũi, chúng bạn cười: Thế bị điếc, bị mù...à? Tôi cười bảo: Tự biết thôi.

Tôi đã có dịp nghỉ phép, xin làm cư sĩ trên thiền Viện Trúc lâm Tây Thiên, ngày trước, tôi có đọc được một chút về lý luận cái sự có không trong nhà Phật, tôi tình tượng lắm, muốn gặp thầy cao thủ để kiểm nghiệm và để có đôi chút khoe khoang, dù sao thì tôi cũng được đào tạo cao cấp về lý luận tại Học viện chính trị quốc gia, cái qui luật vận động nào tôi chả nắm vững. Một lần, tôi gặp thầy trụ trì Thích Kiến Nguyệt và thấy Thông Văn ở phòng khách nói chuyện và giới thiệu về mình, các thầy rất ít nói, thấy

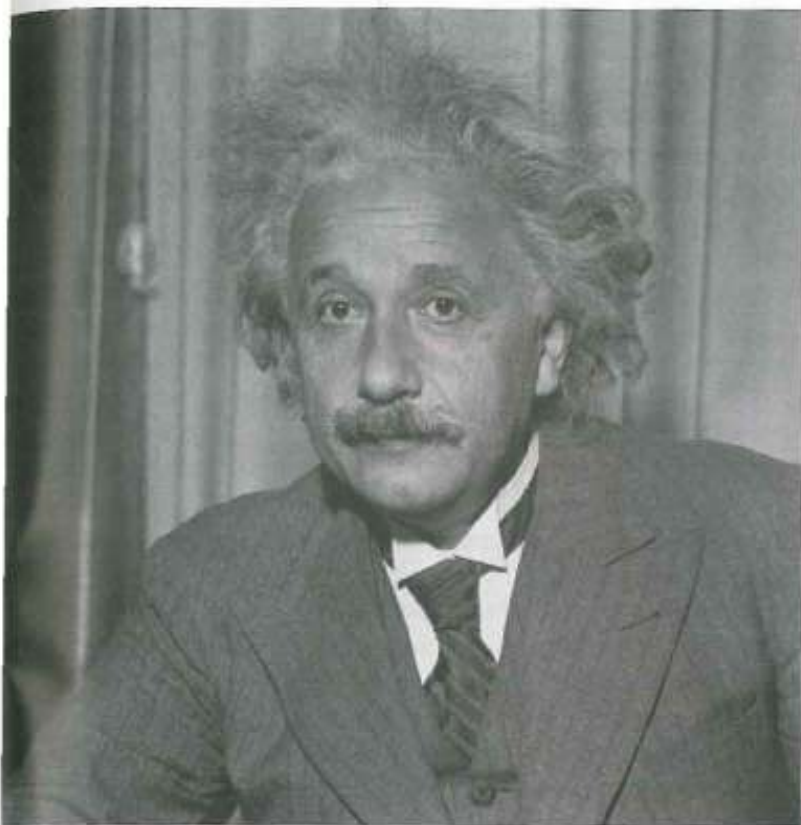
động viên: Con ở đây tranh thủ mà nghiên cứu, có tâm đến thì học Phật Pháp, đừng lãng xằng việc này việc nọ rồi phí công, thầy tặng tôi vài quyển sách, tôi lẳng lẳng cầm về liêu phòng, đến tìm thấy mà chẳng ba hoa khoe khoang được gì thì cũng chán, tôi đi qua hành lang nhà Tổ, chợt thấy ông thầy Thông Văn cười hóm hỉnh nói chất giọng miền nam: *"Tôi nói thật với anh, cái lý luận của anh là cái đồ...cà thọt!!!"* Tôi đi một mạch về liêu phòng nằm dài quyết tâm nghiên cứu xem có cái gì hay mà thầy chê mình *"Cà thọt"*, tức thật! Một ngày tôi đọc hoài chẳng nhận ra cái gì, nó lộn xộn, thuật ngữ nhà Phật thì toàn có bốn, có tám, nào là sinh diệt, sắc không, không sắc cứ rối mù cả lên, thú thực tôi cay cú đọc sách mà phát sốt, quên cả ăn, ngủ, người tôi đau ê ẩm, ngày hai khóa ngồi thiền, ăn rình cơm Phật xong về đọc sách, một ngày, chán chê mê mải, đành buông mọi sự nằm dài ngủ, dậy lại ngồi nhìn qua mấy ngọn núi xa xa, thế rồi, một buổi sáng thức dậy, thấy tinh thần sảng khoái, vệ sinh cá nhân xong, tôi vác cái chổi cọ to tướng vừa đi vừa quét từ trên liêu phòng xuống nhà Tổ, tôi dự tính quét đến đó xong thì xuống tiểu thực ở trai đường, quét được khoảng 15 mét, tôi chợt giật bản mình, thân tôi, đầu óc tôi nó nhẹ l lâng lâng như bông, tôi nhận ra cái lý tánh không, thì ra cái chấp có và chấp không của tôi nó đã làm hỏng mọi chuyện, làm tôi luẩn quẩn mấy ngày nay, tôi quát to với chính mình: Mày đúng là đồ *"cà thọt"*, bất chợt nhìn thấy thầy Thông Văn đội nón lá bưng cái bình bát, thấy cười nhăn nhoeo mắt, hóm hỉnh: Biết *"Cà thọt"* tiếng miền nam là gì không? thấy đi rồi tôi đứng ngẩn ngơ: Đúng là cà thọt rồi! Đúng đó một hồi lâu, chợt nhận ra mình lỡ buổi tiểu thực dưới trai đường, không biết thầy Thông Văn trong lúc tiểu thực no nê còn có nghĩ tôi là đồ *"Cà thọt"* nữa không. Sau đợt đó, tôi về Lào Cai và thấy cũng nói là về trong miền tây quê thấy, may mà xa cách tôi không có duyên được làm đệ tử của thầy, chứ không thì điều chắc ăn thầy sẽ đặt pháp danh tôi là *"Cà thọt"*.

Ngày qua ngày, tôi quay về nương theo các thầy ở Thiền viện Trúc Lâm Đại Giác Sa Pa, vì trước kia, tôi đã được các thầy gieo duyên và nguyện nương theo các thầy, về đó tôi được các thầy ân cần trợ duyên, dần dần, cái trí Bát nhã của tôi tuy chưa cao sâu nhưng cũng đã sơ sơ hiện tiền, tôi tập dần buông bỏ các vọng niệm, tôi sống có nghị lực hơn, có mục đích hơn, nhìn mọi việc trên đời rõ ràng chứ không lẫn lộn. Tôi hiểu rằng muốn có được món quà vô giá thì phải bỏ những món quà lặt vặt xung quanh đi, tay còn ôm mang đủ thứ lặt vặt trên đời này thì còn tay nào mà cầm lấy món quà vô giá kia chứ! Muốn nghe thấy, ngửi thấy, sờ thấy, nhìn thấy, cảm nhận thấy cái *"Chân tâm"* thì phải bỏ bớt nghe, ngửi, sờ, cảm nhận... cái trần thế đi, buông bỏ pháp thế gian thì trực diện thấy bản tâm thôi chứ cứ phải nhọc công đi tìm cầu Phật ở đâu, tìm cái tâm mình ở đâu thấy trong cái mớ hỗn độn trần thế này chứ. Tôi chợt nhớ tới câu nói của Albert Einstein: *"Tư duy trực giác là món quà tặng thiêng liêng. Tư duy lý luận là tên đầy tớ trung thành. Chúng ta đang xây dựng một xã hội vinh danh tên đầy tớ mà"*

bỏ quên món quà tặng thiêng liêng."

Bàn luận đến vấn đề thứ hai, tại sao Albert Einstein lại nói: Tư duy lý luận là tên đầy tớ trung thành. Trên thế gian này, mỗi lý luận ra đời thì sẽ phủ nhận lý luận kia, đó là qui luật phủ định của phủ định, cái lý luận mới bao giờ cũng bị cái cũ nó cản phá, người ta không chịu nhìn nhận cái bản thể mà luôn tranh giành đúng sai, chẳng thế mà nhà thiên văn học cô - péc - nic suýt bị cho lên giàn hỏa thiêu vì dám đưa ra lý luận trái với thiên chúa giáo thời bấy giờ rằng quả đất hình tròn quay quanh mặt trời trong khi người ta lý luận rằng mặt đất phẳng do chúa tạo ra. Rồi đến ngài Charles Darwin, cha đẻ của thuyết tiến hóa phải chạy tứ xứ lo bị giết vì cho rằng loài người tiến hóa từ loài khỉ, trong khi người ta nói do chúa sáng tạo ra... Vừa rồi tôi có đọc một giả định của một học giả, người ta còn giả định rằng loài người là một thử nghiệm của người ngoài hành tinh nữa cơ, thế gian cái đúng, cái sai cứ theo nhau mà đuổi bắt, nhọc công tìm đủ thứ mà ngay cái bản thân mình cũng chưa tìm ra nó ở đâu, nó là gì, nó đi về đâu? Một thật!

Ngay cuộc đời chúng ta thôi, cứ loay hoay xoay sở với các vọng cầu, người thì muốn đạt đến quyền lực, người muốn giàu sang, người muốn đạt trí tuệ cao siêu, nên người ta tìm tòi lý sự, cái vọng cầu làm cho con người ta mê mải đuổi theo nó, càng vọng cầu thì cái lý sự thế gian nó càng bám riết, nghe người này lý sự thế này cho là đúng, người kia lý sự thì phản biện là sai, thế rồi đúng sai lẫn lộn, lúc này thì nó đúng, lúc sau có cái mới thì nó sai, lúc này nó sai, thời gian sau nó lại đúng, thế thì cái nào đúng, cái nào sai? do cái tâm tham vọng cầu nên khởi tâm phân biệt, mình đuổi bắt nó, nó bám riết lấy mình như một tên đầy tớ trung thành, nó chăm bẵm, phục vụ mình làm cho cái vọng tưởng ngày càng lớn dần không dứt ra được. Lý luận nó thay đổi biến thiên theo từng thời gian, cái này phủ nhận cái kia, ngày nay nó hợp thời, ngày mai lỗi thời, một ngày nó lại quay về hợp thời, như vậy sao nói có phải trái, đúng sai? Thời phong kiến thì đàn ông năm thê bảy thiếp, con đàn cháu đống là được trọng vọng, ngày nay nó là lạc hậu, một vợ một chồng hai con mới là văn minh, biết đâu một ngày loài người sinh ít do thiếu lao động, dân số già hóa lại khuyến khích đẻ nhiều, giống như Tây Âu bây giờ vậy. Cả cái chuyện nghề nghiệp từng thời kỳ cũng vậy, tôi nhớ ngày xưa thời kỳ bao cấp không có ai đẹp giá bằng mấy cô cửa hàng thương nghiệp, ai mà làm thương nghiệp quốc doanh thì quý hơn hoàng hậu, ai chẳng mơ ước, có vợ mà làm cửa hàng lương thực thì ai cũng khen may mắn, ra đường mặt vênh vênh, còn bây giờ mấy cô ế ẩm chẳng ai muốn làm. Ngay cái chuyện thường ngày nhất chẳng phải lý luận cao siêu là chuyện ăn mặc, ngày nọ cái mốt quần trên bó dưới loe được coi là đẳng cấp, thế rồi ngày nọ cái mốt quần còn thụng trên to dưới bé nó lẫn át, chẳng ai thấy ống loe đẹp nữa, rồi một ngày ống đứng ra đời, ống loe và quần thụng chẳng đẹp, đến lượt ống đứng chiếm ngôi, tôi cá chắc rằng ngày nào đó mốt xưa lại quay lại, vậy cái nào là mốt thịnh, cái nào



Ảnh: AFD

đẹp, xấu? Thiết nghĩ cả cuộc đời con người ta loay hoay nghĩ về ăn, ngủ, nghỉ, vinh, nhục, tốt, xấu không bao giờ chịu dừng vọng khởi, người ta lý luận về cái sự đời, rồi kêu ca phàn nàn: Sao tôi khổ thế, đó là câu cửa miệng của hầu hết mọi người. Thế rồi họ đua tranh nhau đến đến, đến chùa cầu xin bớt khổ, người nghèo thì kêu xin bớt nghèo thành giàu, người giàu thì kêu bớt khổ vì vẫn chưa giàu nữa, rồi cầu làm quan, làm quan rồi thì cầu làm quan to hơn, rồi chuyện nhà cửa, con cái, chuyện khổ lụy vì tình... thôi thì đủ chuyện, càng cầu thì càng tăng trưởng vọng cầu, nó giống như con lửa, chưa chất đủ nặng thì nó thôi chưa đi.

Chúng ta đang sống, chạy đuổi theo những lý luận vọng cầu mà quên đi bản thể của mình, cái "Bản tâm" của ta từ xưa đến nay nó tự biết, hằng biết, chỉ khi nào chúng ta buông bỏ pháp thế gian thì chúng ta sẽ nhận ra chính mình. Đừng nhọc công bám đuổi cái lý sự đời, chúng ta chấp chướng quá nhiều vào những gì ta tiếp xúc, mà quên đi nó là hình tướng giả tạm, nay đúng mai sai, nay được mai mất, nay đẹp mai xấu, nay vui mai buồn, nay thương mai ghét, ...sinh ra tranh giành lý luận, vọng cuồng, sân hận, si mê. Người hành giả tu hành cần phải tập cho mình sự tĩnh lặng cả về thân lẫn tâm, hãy tạo ra những khoảng trống thảnh thơi trong cuộc đời để nhận biết cái sự thật, sự thật về thân, về tâm, về lẽ vô thường. Tại sao ư? Về thân con người, theo khoa học thì trong con người luôn có những khoảng trống, khoảng trống lặng giữa các bộ phận, ngay trong tế bào cũng có những phân tử ô xy, chúng ta hàng ngày cố gắng chăm bẵm cơ thể, ăn thật nhiều, ngủ thật nhiều, uống đủ thứ béo bổ sao cho

cái thân nó đầy đặn, mà không nghĩ rằng, cái việc ngồi hít thở tạo khoảng trống quan trọng hơn cả, các vị thử nghĩ xem, nhịn ăn, nhịn uống, nhịn ngủ vài ngày có thể chết không? Chắc là không chết, nhưng nếu nhịn thở vài phút xem, chết chắc! Vậy sao mà người ta lại quan trọng việc ăn, uống, ngủ, nghỉ, mà không coi trọng việc thở nhỉ. Tâm ta cũng vậy thôi, vọng cầu đủ thứ, nhồi nhét chấp bám vào đủ lý sự, tranh giành hơn thua, phải trái, cả ngày cái thân, cái tâm cứ lăng xăng không yên, hết chuyện nọ, xọ chuyện kia, không lấy một phút ngơi nghỉ, rồi ngồi đó kêu ca sao khổ thế, cuộc sống sao không được yên ả, thân tâm chẳng được an lạc, vậy người ta sống để tìm hạnh phúc, làm mọi thứ để an lạc, vậy an lạc ở đâu? Sao càng đuổi bắt thì sự an lạc chẳng thấy đâu? Mua thêm cái sự khổ vào mình, chỉ khi nhắm mắt xuôi tay, người ta mới nhận ra trong giây lát, mình chẳng đem đến gì trên đời và chẳng đem gì đi theo, nhưng quá muộn rồi, tôi chưa chết nhưng tôi nghĩ người ta chết phần lớn sẽ tiếc và ước được quay lại kiếp sau, nếu còn nhớ những gì kiếp này thì họ sẽ biết mình phải buông bỏ tìm sự an lạc mà thôi. Tôi có anh bạn, cứ gặp là anh ta kêu khổ, mặc dù anh ta quyền lực, giàu có hơn tôi rất nhiều, có lần anh ta bảo: Đời này làm gì cho bớt khổ đi nhỉ. Tôi cười: Đơn giản thôi, thì đừng khổ nữa! Ở đời ai làm mình khổ, có ai định nghĩa được chữ khổ không, người giàu rồi thì khổ là chưa giàu thêm, đủ có nghĩa là không bao giờ đủ, sao không nhìn xuống xem còn bao nhiêu người nghèo khổ hơn mình, không chắc người ta đã kêu khổ như mình kêu. Người có cha mẹ hằn hoi thì kêu ca lý sự rằng mình thiếu tình cảm, không ai quan tâm, sao không so sánh với những người mồ côi, họ vẫn sống đầy thôi, biết đâu họ đủ nghị lực tìm thấy niềm vui, còn mình thì cô đơn, vì sao, vì mình không thấy đủ.

Hãy buông bỏ những lý luận về được mất, tốt xấu, hơn thua, phải trái, ngồi yên tĩnh lặng, để cái bản tâm nó tự suy xét, trong cái KHÔNG Bất nhã ta sẽ nhận ra cái trực giác của chính mình. Trực giác là cái "Bản tâm" không thêm không bớt, không sinh không diệt, chỉ vì chúng ta ham đuổi bắt vọng cầu, lý sự hơn thua phải trái nên giống như đám mây che mờ đi mà thôi. Khi dứt vọng tưởng không còn chấp chướng các pháp thế gian thì cái tâm nhất như nó hiện tiền, nó sáng như gương chiếu rọi, ta biết được chính mình, biết được bản thể của mọi sự vật, hiện tượng thế gian mà không phải đi tìm ở nơi đâu.

Cuộc sống ngày nay, chúng ta mãi lý luận nhiều quá, quên đi sự nhìn nhận bằng trực giác, chỉ nhìn cái vọng cầu bên ngoài mà không thấy cái bên trong. Trí vô sư là món quà tặng thiêng liêng vô giá, vì sao mà Albert Einstein lại nói: Chúng ta đang vinh danh tên đầy tớ mà bỏ qua món quà tặng? Hãy lắng nghe tâm mình, gạt bỏ vọng cầu, tìm lại món quà tặng. Cứ nói rằng Phật không ban tặng hay giáng họa cho ai, nhưng tôi nghĩ: Phật có ban tặng đấy chứ, nếu ta biết tìm cầu thì trí vô sư kia là món quà tặng của Phật đó, chẳng qua ta theo tên đầy tớ vọng cầu mà quên đi nó đang ở đâu mà thôi! Chúc các hành giả tu tập tinh tấn! Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni!

TRAO ĐỔI VỀ

“HIỆN PHÁP LẠC TRÚ”

● Phan Minh Đức

Có ý kiến cho rằng phương pháp thực hành chánh niệm, hiện pháp lạc trú mà các nhà Phật học trình bày trong nhiều sách báo, tạp chí Phật giáo là không đúng tinh thần Phật dạy, vì những điều này gần giống với chủ trương của triết thuyết Hiện sinh phương Tây (Existentialism) hơn là tư tưởng Phật giáo

1. Tại sao lại chủ trương an trú tâm vào hiện tại, không nghĩ về quá khứ, không nghĩ đến tương lai?

Chính Đức Phật cũng đã từng nhiều lần nhớ lại những kiếp quá khứ của mình và chúng đệ tử, thuật lại những chuyện tiền thân. Chính Đức Phật đã từng thọ ký cho Bồ tát Di Lặc sẽ thành Phật trong tương lai, Đức Phật đã từng dự báo những vị nào trong hàng Thánh chúng sẽ thành tựu Phật quả và giáo hóa chúng sinh như thế nào ở các đời vị lai. Và nếu không nghĩ nhớ quá khứ thì làm sao các vị đệ tử Phật có thể trùng tuyên lại giáo pháp Đức Phật, những gì Đức Phật đã thuyết giảng để kết tập lại thành Tam tạng Thánh giáo?

2. Có lý nào Đức Phật dạy chúng ta dính mắc vào các trạng thái hỷ lạc của tâm hiện tại?

Phương pháp thư giãn, quán niệm hơi thở vào, hơi thở ra, quán niệm các cảm thọ không thể xem là pháp đưa

đến Định và Tuệ, đưa đến an lạc, giác ngộ, giải thoát.

Các luận điểm trên đúng hay sai, cần phải được làm rõ.

Căn hiểu phương pháp chánh niệm, hiện pháp lạc trú mà bài kinh Người biết sống một mình hay Nhất dạ hiền giả, A nan nhất dạ hiền thuộc Trung Bộ kinh III, A nan đàm thuyết kinh thuộc Trung A hàm số 167 để cập là phương pháp dứt trừ vọng tưởng, làm chủ tâm ý (*không để cho tư tưởng đi hoang: không mơ ước, tưởng tượng viễn vông, không ưu tư, lo lắng vu vơ, thái quá; không nuôi tiếc, sầu muộn, bận lòng bởi những gì đã qua*).

Tóm lại là không để cho tâm ý bị những gì đã qua và những gì chưa tới tác động, ràng buộc, chi phối. Dĩ nhiên là vẫn có thể nghĩ về quá khứ, nghĩ về tương lai khi cần thiết, cũng như Đức Phật nhớ lại các tiền kiếp tu nhân của mình và thuật lại để giáo huấn các đệ tử, Đức Phật cũng quán xét nhân duyên trước khi hóa độ cho người nào, hoặc Đức Phật cũng dự báo những gì sẽ xảy ra trong thời

kỳ tượng pháp, mật pháp v.v..

"Đừng nuối tiếc quá khứ, đừng lo lắng tương lai. Quá khứ đã không còn, tương lai thì chưa tới. Hãy quán chiếu sự sống trong giờ phút hiện tại, bậc thức giả an trú, vững chãi và thành thoi..." Hay một bản dịch khác là: *"Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng. Quá khứ đã đoạn tận, tương lai chưa đến, chỉ có pháp hiện tại, tuệ quán chính ở đây..."* Ý nghĩa bài kệ này cũng tương tự như bài kệ trong phẩm Cây lau thuộc Tương Ứng Bộ kinh I: *"Không than việc đã qua, không mong việc sắp tới, sống ngay với hiện tại, do vậy sắc thù diệu. Do mong việc sắp tới, do than việc đã qua, nên kẻ ngu héo mòn, như lau xanh lia cành"*. Ở đây, Đức Phật khuyên hành giả nên an trú tâm trong hiện tại, đừng để tâm rong ruổi đi hoang trong hai miền quá khứ và tương lai, tức là đừng vọng tưởng, cần phải chánh niệm tỉnh giác (vì có vọng tưởng thì tâm không an định sáng suốt, phiền não sẽ phát sinh, tâm si mê điên đảo). Đây cũng chính là bước đầu căn bản của thiền: tâm hành giả như con trâu chưa chịu đứng yên, nó cứ đi rong, phá hại lúa mạ. Người chăn phải nắm dây dầm giữ nó ở yên một chỗ (Xem thêm *Thập mục ngữ đồ - Mười bức tranh chăn trâu của Thiền tông* sẽ rõ). Như thế gọi là *"chế tâm nhất xứ"* (Lời kinh Di Giáo, chương Dục phóng dật khổ), gọi là định. Trong kinh Niệm Xứ, bài kinh số 10 thuộc Trung Bộ kinh, Đức Phật dạy về pháp thiền Tứ Niệm Xứ như sau: *"Tỳ kheo sống quán thân trên thân, quán thọ trên các thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời"*. Trong kinh Thân Hành Niệm, Đức Phật cũng dạy các thầy tỳ kheo niệm hơi thở vô, hơi thở ra trên thân, quán các oai nghi của thân (đi, đứng, nằm, ngồi đều có chánh niệm tỉnh giác), quán các cử chỉ của thân (nhất cử nhất động đều ý thức rõ ràng, trợn vẹn).

Tinh thần thực tiễn, thực tại của các pháp tu trên giúp chúng ta ý thức trợn vẹn về sự sống, những gì đang diễn ra trong hiện tại, giúp tâm chúng ta an ổn không xao động (buồn, thương, oán, giận...), không rơi vào những trạng thái tâm lý tiêu cực như lo lắng, sầu não, nuối tiếc, hoài nghi, bất mãn, tham luyến v.v.. Nhờ đó mà cuộc sống có an lạc hạnh phúc. Phương pháp đó giúp cho chúng ta có khuynh hướng sống tích cực, tìm được những cảm xúc có lợi cho bản thân trong quá trình sống và tu tập. Chính những bậc giác ngộ cũng trải qua các cấp độ hỷ lạc (trạng thái hỷ lạc tinh tế, thánh thiện chứ không phải hỷ lạc do các dục mang lại) trong thiền định trước khi đi vào trạng thái thanh tịnh, giải thoát rốt ráo. Tứ thiền là bốn cấp độ thiền định ban đầu làm cơ sở để đi đến các cấp độ thiền định cao hơn có:

1. Ly sinh hỷ lạc (trạng thái hỷ lạc có được do ly dục)
2. Định sinh hỷ lạc (trạng thái hỷ lạc có được do tâm an định)
3. Ly hỷ diệu lạc (trạng thái an lạc vi diệu do xả bỏ trạng thái hỷ ở cấp độ 1 và 2)
4. Xả niệm thanh tịnh (sự thanh tịnh có được do xả bỏ tất cả niệm). Đức Phật khi chưa thành đạo cũng từng nhớ lại sự trải nghiệm thuở ấu thơ khi Ngài cùng vua cha tham dự lễ tịch điền.

Lúc đó Ngài ngồi dưới gốc cây Jambu xem phụ vương thân hành cày ruộng, lòng Ngài thanh thản trong trạng thái thư giãn, cảm giác khoan khoái lạ thường, Ngài bỗng nhập vào trạng thái ly dục, ly bất thiện pháp, một trạng thái thiền định đầu tiên của Tứ thiền, tức sơ thiền: ly sinh hỷ lạc. Thế là Ngài bắt đầu cho hành trình tu tập mới sau khi từ bỏ các pháp tu khổ hạnh ép xác. Ngài thực tập lại phương pháp ấy, tìm lại sự trải nghiệm của ngày xưa, và rồi từ cơ sở đó Ngài đã đi sâu vào các cấp độ thiền định cao hơn, sau cùng là thành tựu tuệ giác giác ngộ (chúng đắc Túc mạng minh, Thiên nhân minh và Lưu tận minh, giác ngộ, giải thoát hoàn toàn).

"Quán chiếu sự sống trong giờ phút hiện tại" không có nghĩa là suy nghĩ về những gì đang có mặt, đang diễn ra trong hiện tại với tâm phân biệt chủ thể và đối tượng quán chiếu, với tâm tham ái, chấp thủ, mà *"quán chiếu"* ở đây là nhận diện, thấy rõ thực tại một cách trung thực, tiếp xúc với sự sống mà không bị sự sống lôi cuốn, ràng buộc, chi phối. Điều này đúng với tinh thần nhà thiền: *"Phi tư duy thị thiền chi yếu giả"* (không suy nghĩ là điểm thiết yếu của thiền).

"An trú trong hiện tại" không có nghĩa là bị các pháp hiện tại lôi cuốn, dẫn dắt, trói buộc. *"An trú trong hiện tại"* là giữ tâm an định, không dao động, không vọng tưởng, tâm tự do không dính mắc, hệ lụy các pháp quá khứ, vị lai và cả hiện tại. Nhận diện những gì đang có mặt, đang diễn ra xung quanh và trong chính bản thân mình nhưng chỉ đơn thuần là nhận diện chứ không dính mắc. Ý thức, nhận diện rõ các cảm thọ (khổ, lạc, xả) nhưng không chấp trước, không yêu thích cũng không chán ghét, không khởi tham ái, chấp thủ, không khởi các phiền não tham, sân, si.

Người tu học Phật luôn ý thức được rằng *"chư hành vô thường, chư pháp vô ngã"*, hay nói cụ thể như kinh Bát Đại Nhân Giác là: *"Thế gian vô thường, quốc độ nguy thủy, tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã, sinh diệt biến dị, hư nguy vô chủ"* (Thế gian vô thường, cõi nước mong manh, bốn đại là khổ, không - vô ngã, năm ấm (năm uẩn) là vô ngã, luôn sinh diệt biến đổi, giả dối không có chủ thể) thì làm sao có thể tham đắm, chấp trước các pháp trong hiện tại. Điều này khác xa với triết thuyết Hiện sinh, bởi triết học Hiện sinh chủ trương: Chú trọng vào sự trải nghiệm chủ quan của con người, những diễn biến nội tâm, những khám phá để từ đó xác định yếu tính của thế giới, bản chất của đời sống. Con người phải ý thức đầy đủ về bản ngã của mình trong hoàn cảnh đặc thù mà mình tìm thấy chính mình trong đó.

Trong khi đó tuệ giác của Phật giáo thấy rằng *"chư pháp vô ngã"* (tất cả sự vật, hiện tượng hữu hình hay vô hình, vật chất hay tinh thần, từ vật lý cho đến tâm lý đều không có tự thể, tự tính, tất cả chỉ là duyên sinh). Trong Tương Ứng Bộ kinh II, Đức Phật dạy chúng ta không nên chấp thủ, không nên nghĩ bất cứ cái gì là tự ngã của mình, và khi khổ (hoặc lạc) sinh thì xem là sinh, khi khổ (hoặc lạc) diệt thì xem là diệt mà không xem có tôi khổ (hoặc lạc) hay tôi hết khổ (hoặc lạc). Sách Thanh Tịnh Đạo (*Visudhi*

Magga) cũng nhắc lại điều này như sau: “Chỉ có trạng thái khổ, không có người khổ. Cũng không có người hành động, không ai hết, chỉ có sự hành động...”

Trong kinh Kim cương Bát nhã ba la mật đa (Ngài Cưu Ma La Thập dịch) hay Năng đoạn Kim cương Bát nhã ba la mật đa (Ngài Huyền Trang dịch), Đức Phật dạy: “Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (Đừng nên trụ vào đâu cả mà sinh tâm, có nghĩa là đừng để tâm bám víu, dính mắc vào đối tượng nào cả). Trong kinh Pháp Cú, câu 348, Đức Phật dạy: “Bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai mà vượt qua bờ kia; tâm giải thoát hết thảy, không còn bị sinh già”. Trong kinh Năm Vị (Anatta Lakkhana sutta) thuộc Tương Ưng Bộ kinh III, tức kinh Vô ngã tướng, Đức Phật dạy: “Phàm sắc gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, trong hay ngoài, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, cần phải được như thật quán với chánh trí như sau: “Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi. Phàm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì, quá khứ, hiện tại, vị lai, trong hay ngoài, thô hay tế, thắng hay liệt, xa hay gần, cần phải được như thật quán với chánh trí như sau: “Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi”. Thật vậy, đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, do nhàm chán, vị ấy ly tham, do ly tham vị ấy giải thoát”. Kinh Đại Bát nhã nói: “Không trụ vào tất cả pháp, gọi là trụ Bát nhã” (Bất trụ nhất thiết pháp danh trụ Bát nhã). Theo những lời dạy đó thì không phải là chúng ta bịt tai bịt mắt, đóng tất cả các giác quan, biến mình trở thành người vô tri vô giác như cỗ máy sắt đá.

Chính Đức Phật đã từng nhận định các pháp thiện Vô sở hữu xứ (ở trong trạng thái không có gì hết, như là hư không) và Phi tướng phi phi tướng xứ (không có tri giác, cũng không phải không có tri giác) của Alàrāma Kālāma và Uddaka Rāmaputta không đưa đến cứu cánh giác ngộ, giải thoát, Niết bàn. Trong Vạn pháp quy tâm lục, thiền sư Tổ Nguyên có nói: “Đạo nhơn (người hành đạo) vô tâm chẳng đồng với cây đá. Vô tâm là không tâm phân biệt, không tâm yêu ghét, không tâm thù xả, không tâm thị phi, không tâm thiện ác, không tâm có không, không tâm ở giữa hay một bên, không tâm trong ngoài, không tâm chấp trước, chứ chẳng phải không chơn tâm linh tri tịch chiếu” (Vạn pháp quy tâm lục, chương V Giáo thừa sai biệt). Vô tâm như lời dạy của Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông trong bài phú Cư trần lạc đạo cũng đồng nghĩa đó, ở đây Tổ nói cụ thể trong đời sống hàng ngày: “Ở đời vui đạo hãy tùy duyên, Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền. Trong nhà có báu thôi tìm kiếm. Đối cảnh vô tâm, hời chi thiện?”. Tổ dạy rằng tính giác, Phật tính có sẵn nơi mỗi người, đừng hướng tâm tìm cầu đâu chi nữa, tự mình trở về với tính giác, với Phật tính đó, đừng xem Phật tính là đối tượng tìm cầu. Không truy tầm, tìm cầu, không vướng mắc (vô tâm) chính là yếu lĩnh của sự tu tập.

Trong kinh Thủ lăng nghiêm, bảy lần Đức Phật gạn hỏi về tâm, Tôn giả Anan đều không đáp đúng, bởi vì Tôn giả chưa chứng ngộ. Trong kinh Kim cương Bát nhã ba la mật, Đức Phật dạy Trưởng lão Tu Bồ Đề: “Này Tu Bồ



Ảnh: Chí Giác Thông

Đề, Như Lai nói tâm, không phải thật có tâm, chỉ giả gọi là “tâm”. Vì sao vậy? Vì tâm quá khứ tìm không được, tâm hiện tại tìm không được, tâm vị lai cũng tìm không được (quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc)”, Đức Phật dạy: “Các vị Bồ tát phải giữ tâm thanh tịnh, chớ nên sinh vọng tâm trụ chấp nơi sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần, pháp trần. Tóm lại, Bồ tát đừng khởi vọng tâm trụ chấp một nơi nào cả (ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm)”. Tuy nhiên để có thể “bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai mà vượt qua bờ kia, tâm giải thoát hết thảy” (Pháp cú 348) thì cần phải tu tập để chứng ngộ, chứ không phải cứ nhận thức, hiểu biết, tư duy, suy luận hay nói suông là có thể “vô trụ”, “vô tâm”, “vô niệm”.

Sau đây xin nhắc lại lời Đức Phật dạy trong các kinh, khẳng định giá trị lợi ích của pháp tu chánh niệm, hiện pháp lạc trú, Tứ niệm xứ quán:

“Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú” (Trung Bộ kinh I)

“Để đoạn trừ ba lậu hoặc (dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu), Tứ niệm xứ cần được tu tập” (Trung Bộ kinh I)

“Thế Tôn trong mùa mưa đã an trú vào định niệm hơi thở vô, hơi thở ra. Các Tỷ kheo hữu học tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra để đoạn tận lậu hoặc, các bậc A la hán làm cho sung mãn niệm hơi thở vô, hơi thở ra để được hiện tại lạc trú” (Tương Ưng Bộ kinh V)

“Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ không bằng không quên chánh niệm. Người không quên chánh niệm, các giặc phiền não không làm gì được. Nếu niệm lực vững chắc, tuy vào trong ngũ dục cũng không bị chúng làm hại, ví như mặc áo giáp vào trận thì không còn phải lo sợ điều gì” (Kinh Di Giáo)



THẾ NÀO LÀ TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

● Thích Không Tú

1. Thế nào là tín đồ của một tôn giáo

Quan niệm thế nào là tín đồ của tôn giáo không giống nhau giữa các tôn giáo ở Việt Nam. Mỗi một tôn giáo có quan niệm về tổ chức tín đồ khác nhau.

Đạo Nho quan niệm những nhà nho được coi là tín đồ. Đạo Giáo quan niệm chỉ những chức sắc của địa phương mới được coi là tín đồ. Đạo Hòa Hảo bắt nguồn từ Bửu

Sơn Kỳ Hương với hình thức tu tại gia là chủ yếu, xem tín đồ là những người truyền bá, giáo dục, in ấn kinh sách... Còn theo quan điểm đạo Hồi toàn bộ người dân trong cộng đồng theo đạo Hồi được gọi là tín đồ. Tương tự đạo Hối, đạo Cao Đài quan niệm tín đồ được tính theo cộng đồng làng xã ở nông thôn, theo các gia đình ở các thị trấn, thị xã. Đạo Thiên Chúa công nhận tín đồ từ khi đưa

trẻ sinh ra, đã qua phép rửa tội hay thanh tẩy khi đứa bé được một tháng. Đạo Tin Lành công nhận tín đồ chỉ khi cá nhân đủ tuổi cần thiết để hiểu được lễ đạo (*thường 15 tuổi trở lên*), tin nhận giáo lý của đạo; đạo này còn có quan niệm những ai đã qua lễ Báp têm (*lễ gia nhập tôn giáo*) là tín đồ chính thức, những ai chưa làm lễ Báp têm gọi là tín đồ chưa chính thức. Quan điểm của Do Thái giáo, để trở thành một tín đồ phải qua lễ Bar Mitsva, tức lễ thụ giới lúc con gái vừa đúng 12 tuổi và con trai thì 13 tuổi.

Trên đây là điểm qua một số quan điểm của các tôn giáo khi nhận định thế nào là tín đồ của tôn giáo mình ta thấy trên lý thuyết là như vậy. Tuy nhiên, trên thực tế lại khác, một số tôn giáo mặc nhiên coi đứa bé mới ra đời cho dù có làm lễ hay không làm lễ nhập môn đã là một tín đồ. Hoặc cũng có những trường hợp được sinh ra trong một gia đình có truyền thống, hay bố mẹ theo tôn giáo nào thì những đứa trẻ trong gia đình đó cũng mặc nhiên tự nhận mình là tín đồ của đạo đó. Và theo ý kiến của Đặng Nghiêm Vạn: *"Dù hình thức tổ chức có khác nhau, một người theo một tôn giáo đậm đạo hay nhạt đạo, thậm chí khô đạo, mức độ đánh giá cơ bản vẫn là dựa theo niềm tin (hay tín ngưỡng), niềm tin của chính bản thân người theo, cho dù là tín đồ hay chỉ là quần chúng..."* [tr.18].

Về phương diện định nghĩa theo các từ điển, chúng ta có thể liệt kê thêm một số định nghĩa về tín đồ. Theo Đại từ điển tiếng Việt (1999): *"Tín đồ là người theo một tôn giáo"* [tr.1646]. Theo định nghĩa này tín đồ được hiểu theo nghĩa rộng, không có sự phân biệt giữa tín đồ chính thức với những người có cảm tính, hoặc có xu hướng tâm linh về một tôn giáo mà chưa phải là tín đồ chính thức. Còn theo Từ điển tôn giáo (2002): *"Tín đồ là những ai tin ở những gì một tôn giáo dạy bảo và qua một thủ tục nhập đạo"* [tr.633]. Định nghĩa này coi tín đồ là người có niềm tin vào tôn giáo và đã qua thủ tục gia nhập tôn giáo đó.

Ví dụ lễ Quy y của đạo Phật, lễ Báp têm của đạo Tin Lành, lễ Rửa tội của Thiên Chúa. Nhưng hiểu như vậy thì không bao quát được hết tất cả các tín đồ của các tôn giáo đang diễn ra trong thực tế vì ngoài tín đồ chính thức còn có tín đồ chưa chính thức. Và điều này từ trước đến nay đã gây ra nhiều tranh luận trong các cuộc điều tra số lượng tín đồ tôn giáo ở Việt Nam. Tiếp theo, chúng tôi xin trích một định nghĩa từ Quốc hội khóa XI đã thông qua. Theo Khoản 8, Điều 3, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004, tín đồ được hiểu như sau: *"Tín đồ là người tin theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo thừa nhận"* []. Đây là định nghĩa được giới nghiên cứu đánh giá toàn diện hơn cả, vì bao quát được số lượng tín đồ mà một số tôn giáo thừa nhận trong thực tiễn.

Một tín đồ như định nghĩa, thứ nhất phải là người có đời sống tôn giáo, tức là có niềm tin tôn giáo và thực hành tôn giáo trong đời sống của mình, bao gồm cả nhà tu hành và người sống đời bình thường; thứ hai những người đó phải được tổ chức tôn giáo thừa nhận, điều này có nghĩa có những người chưa chính thức trở thành tín

đồ nhưng đã có cảm tình và có nếp sống hướng về tâm linh của tôn giáo đó, được tôn giáo đó chấp nhận thì vẫn được gọi là tín đồ, ngược lại nếu tôn giáo đó chưa thừa nhận thì vẫn chưa gọi là tín đồ. Khó khăn nhất vẫn là cái gì minh chứng cho sự thừa nhận của tổ chức tôn giáo với những tín đồ chưa chính thức hay đó là sự cảm nhận trực giác của mỗi cá nhân, tổ chức.

2. Định nghĩa tín đồ Phật giáo

Trong đạo Phật, quan niệm thế nào là một tín đồ là một điều khó khăn. Theo Hòa thượng Thích Trí Thủ, tín đồ Phật giáo là những người đã quy y Tam Bảo và tu tại gia theo giới luật của đạo Phật. Nếu quan niệm tín đồ như vậy, thì số lượng tín đồ của đạo Phật trên lý thuyết và thực tế là hoàn toàn chênh lệch nhau.

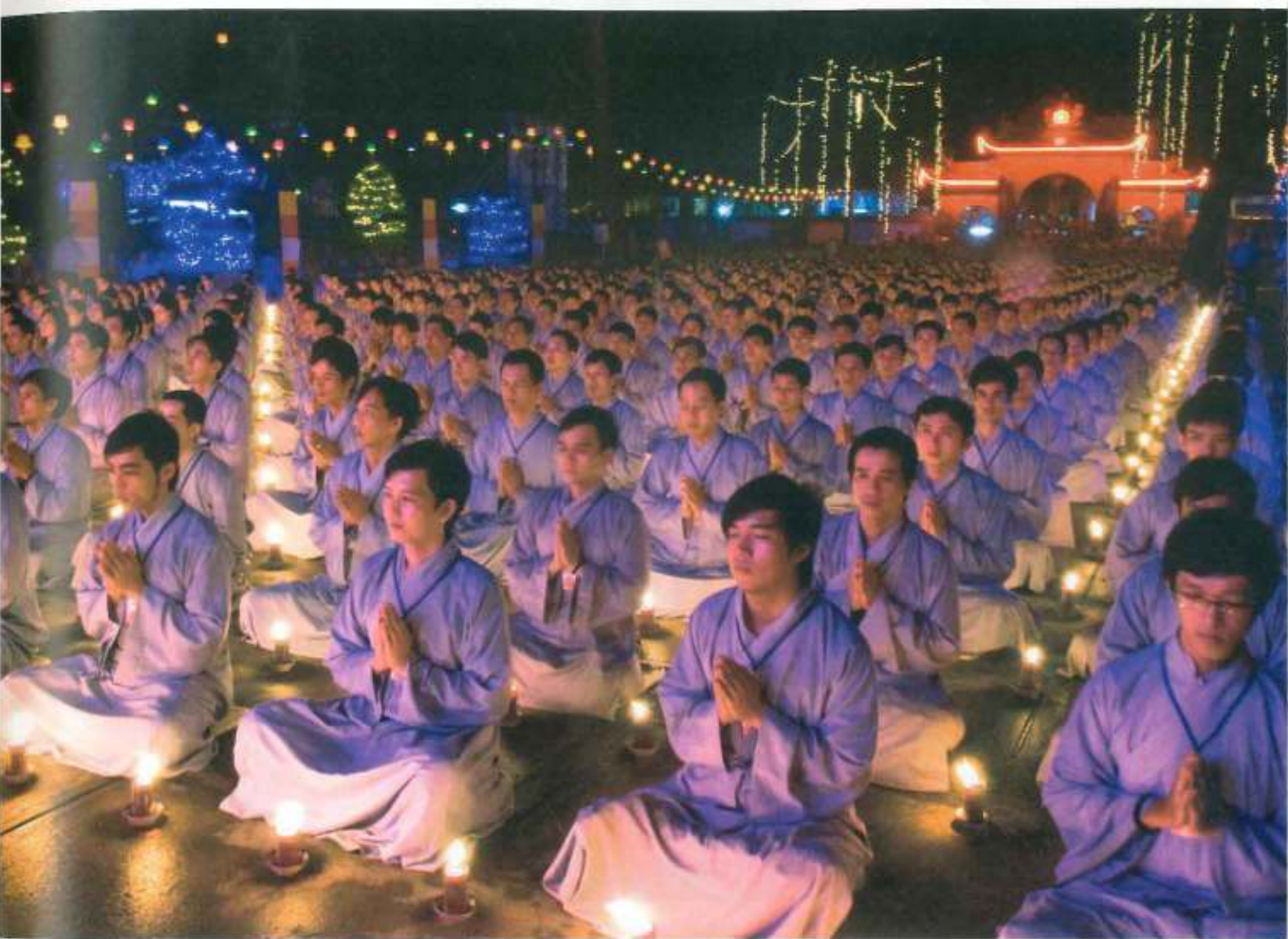
Vì trên thực tế, nhiều người có thờ Phật ở nhà, có đi chùa lễ Phật, sám hối, tham gia các hoạt động tôn giáo, có niềm tin vào giáo lý nhưng lại chưa quy y, số lượng những người này rất đông đảo. Một quan niệm cho rằng tín đồ Phật giáo chỉ là những nhà tu hành (*sư thầy, sư cô*) sống đời thoát tục thì số lượng rất hạn chế và lại không chính xác phù hợp với đạo Phật ở Việt Nam.

Đạo Phật quan niệm tín đồ bao gồm có hai giới đệ tử của Phật là tại gia và xuất gia. Xuất gia chỉ cho giới tu hành, còn tại gia chỉ cho những người thiện nam, tín nữ, cư sĩ, thí chủ hộ trì đạo Phật. Giới xuất gia thì dễ dàng nhận biết qua sắc phục, và đời sống tu hành ở các cơ sở tôn giáo. Còn giới tại gia để được gọi là tín đồ, đệ tử của Đức Phật thì khó xác định hơn.

Trong luận án của mình chúng tôi tập trung nghiên cứu trên tín đồ tại gia nên cần phải tìm hiểu rõ về giới này. Và để hiểu rõ thế nào là tín đồ Phật giáo thiết nghĩ chúng ta cần nghiên cứu theo hướng dựa vào lăng kính của các nhà Phật học thì mới biết được Phật giáo thừa nhận người như thế nào là tín đồ của mình.

Theo sách Phật học cơ bản (2002) của Ban Hoàng pháp Trung ương - Giáo hội Phật giáo Việt Nam: *"Hai thành phần cư sĩ tại gia là Ưu bà tắc và Ưu bà di. Ưu bà tắc (Upāsaka) được dịch ý là Cận sự nam, nghĩa là người nam cư sĩ thân cận chùa chiền, phụng sự Tam bảo; ngoài ra còn gọi là Thanh tín sĩ, nghĩa là trang nam tử có niềm tin Tam bảo trong sáng. Hạng thứ hai là Ưu bà di (Upāsikā), được dịch ý là Cận sự nữ, Thanh tín nữ, nghĩa là người nữ đã thọ ba quy y, giữ gìn năm giới, thực hành thiện pháp, thân cận phụng sự Tam bảo"* [].

Theo Từ điển Phật học Huệ Quang (2005), *"Ưu Bà Di dịch nghĩa thanh tín nữ, cận thiện nữ, cận sự nữ, cận túc nữ, tín nữ. Chỉ nữ chúng gần gũi Tam bảo, thụ Tam quy, giữ ngũ giới, thực hành thiện pháp, là 1 trong 2 chúng tại gia, 1 trong 4 chúng đệ tử Phật"* [tr.5938]. *"Ưu Bà Tắc dịch nghĩa cận sự nam, cận thiện nam, tín sĩ, tín nam, thanh tín sĩ. Chỉ người cư sĩ nam tại gia gần gũi phụng thờ Tam bảo, thụ trì ngũ giới, là 1 trong 2 chúng tại gia, 1 trong 4 chúng đệ tử Phật, là người tại gia tín ngưỡng Phật pháp"* [tr.5940].



Ảnh: Thích Giác Thông

Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Chương X, Điều 60: *"Tín đồ cư sĩ Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam là những người tin tưởng Phật pháp, thực hành theo giáo lý Đức Phật và tùy khả năng, tự nguyện thọ trì giới luật Phật chế"* [1].

Sơ lược trình bày về các định nghĩa như trên, chúng tôi nhận thấy một tín đồ tại gia của Phật giáo đúng nghĩa có thể được hiểu như sau:

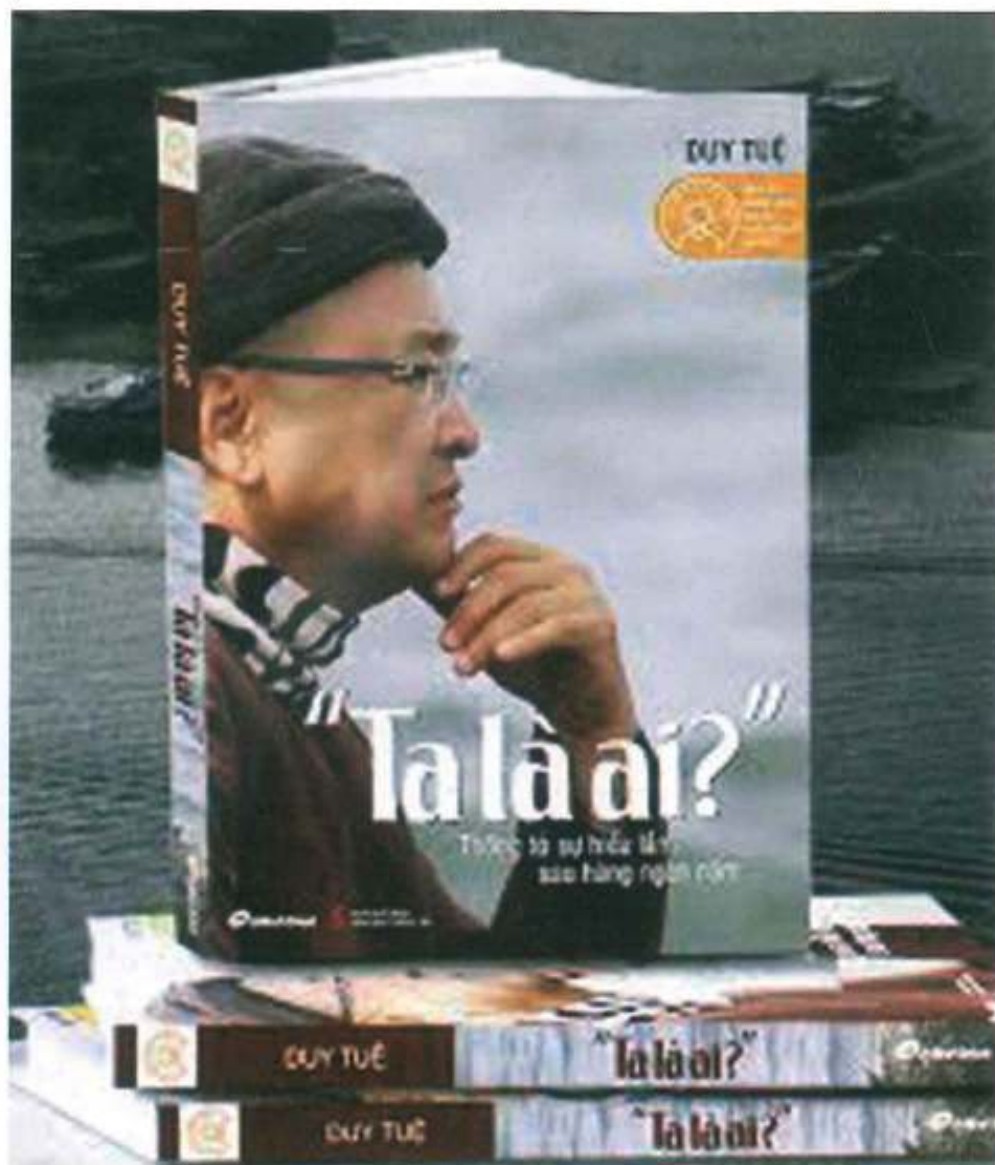
Thứ nhất, họ là những người nam và nữ có niềm tin và thực hành Phật pháp;

Thứ hai, những người này đã quy y Tam Bảo;

Thứ ba, đã phát nguyện giữ gìn ngũ giới (*năm điều ngăn cấm của đức Phật dạy cho người Phật tử tại gia hay còn gọi là năm điều đạo đức của Phật giáo dành cho Phật tử tại gia*). Như vậy, cách định nghĩa tín đồ Phật giáo như trong Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam là bao quát nhất (*bao gồm cả người đã quy y và chưa quy y Tam bảo*). Theo đó, muốn trở thành một tín đồ - Phật tử của chính thức của đạo Phật cá nhân mỗi người phải tự

nguyện quy y Tam bảo, tức là nương tựa vào Đức Phật, giáo pháp và Tăng đoàn. *"Đây là tấm gương để chúng ta noi theo (Đức Phật), con đường giúp ta bước theo (giáo pháp), và tập thể những người đảm trách việc truyền giáo (Tăng đoàn)"* [1, tr.34]. Còn với những cá nhân chưa qua lễ quy y chỉ được gọi là người có cảm tình với đạo Phật, hoặc tín đồ chưa chính thức của Phật giáo.

Tóm lại, quan điểm Phật giáo, theo nghĩa hẹp tín đồ Phật giáo là người đã tự nguyện quy y Tam bảo, và phát nguyện giữ năm giới Phật dạy. Đây là tín đồ chính thức. Theo nghĩa rộng, bên cạnh tín đồ chính thức, chấp nhận luôn cả tín đồ chưa chính thức là những người chưa quy y Tam bảo nhưng có cảm tình với đạo Phật, có niềm tin và áp dụng Phật pháp vào đời sống hằng ngày. Tuy nhiên, các nhà Phật học khuyên nhủ tín đồ của mình sau khi tìm hiểu rõ ràng về Phật pháp thì nên phát nguyện quy y Tam bảo để chính thức trở thành người Phật tử, đệ tử của Đức Phật. Đó cũng chính là đường lối tu tập và thực hành lời Phật dạy đúng đắn nhất.



Ai tiếp tay cho Duy Tuệ xúc phạm Phật giáo?

● An Hoàng

Duy Tuệ là ai? Thiết nghĩ cũng không có gì quan trọng. Tuy nhiên, qua những gì ông ta viết về Phật giáo và xúc phạm Phật giáo dưới cái mác rất trí thức “minh triết”, “minh triết Việt” thì bạn đọc cần phải phân biệt rõ sự thật.

Qua quyển sách “Ta là ai? - Thống kê sự hiểu lầm sau hàng ngàn năm” chỉ với Tiêu đề Quyển sách như trên do Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin xuất bản năm 2011. Người biết về đạo Phật, đã dễ dàng nhận ra tính “ranh khôn” trong việc mượn Phật giáo xúc phạm Phật giáo của ông Duy Tuệ.

Có người ví Duy Tuệ như hiện tượng Thanh Hải “vô thượng sư”; tuy nhiên, qua cách hành văn, lối lập luận của ông ta, đó là cả một “âm mưu” xuyên tạc, xúc phạm và phỉ báng Phật pháp có hệ thống, rất thâm hiểm vượt lên trên

cả phạm vi tà đạo, người đọc nếu không có sự am hiểu Phật giáo thì sẽ khó nhận biết được “âm mưu” này.

Trước hết, về mặt cá nhân và tự do tôn giáo, ông Duy Tuệ có quyền theo bất kỳ một tôn giáo nào, hoặc không thích đạo Phật là quyền của ông ta. Duy Tuệ sống ở nước ngoài - việc phê bình tôn giáo dưới nhãn quan khoa học cũng là một quyền mà các cá nhân được phép. Tuy nhiên, vấn đề không phải như vậy, ông ta đã dùng chiêu bài xúc phạm Phật giáo rất tinh quái, xuyên tạc và phỉ báng Phật giáo một cách sai trái; tự đề cao ông ta như một nhà “thông thái”...

Điều đáng tiếc hơn, ông ta đã mượn danh một số vị Giáo sư, Tiến sĩ, một số doanh nhân trong nước viết lời ca ngợi ông ta như một “vị thánh”; một số báo chí đã viết bài ca ngợi hết lời, một số Nhà xuất bản đã xuất bản sách, ông ta cũng đã đi giảng “Phật pháp” tại một số ngôi chùa, tổ chức một số chương trình Hội thảo, tặng sách với sự ủng hộ và tán dương của một số cơ quan Nhà nước.

Thiết nghĩ, với một số Nhà xuất bản, báo chí đã “vô tình” truyền thông cho Duy Tuệ vì chưa hiểu được việc ông ta xúc phạm Phật giáo. Đáng ra, với những quyển sách liên quan đến Phật giáo, thì các nhà xuất bản nếu không có chuyên gia am tường về tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng thẩm định thì rất dễ bị Duy Tuệ mượn “phép thần thông” qua mặt.

“Phép thần thông” đó là gì? Xin được trích lược một số đoạn trong quyển sách “Ta là ai? - Thông tỏ sự hiểu lầm sau hàng ngàn năm”.

Trang 35 có đoạn “Nếu quý vị nghe người ta nói: “vì Phật có căn cơ, còn con người phải vô lượng kiếp”, thì đừng nghe. Không cần biết vô lượng kiếp, chỉ biết kiếp đang hiện hữu phải làm được.

Lời bình về thâm ý của Duy Tuệ: Tin vào luân hồi hay không tin là quyền của mỗi cá nhân, nhưng nếu không tin vào luân hồi thì không có đạo Phật, phủ định luân hồi sao Duy Tuệ còn mang mác Phật giáo nhằm mục đích gì?

Trang 53 có đoạn: “Đi theo một tôn giáo là phải thực sự có lợi ích cụ thể trong đầu óc, tâm hồn và cả đời sống vật chất. Còn theo mà không có lợi lộc gì, thì là người không có trí tuệ, không hiểu biết”.

Lời bình về thâm ý của Duy Tuệ: Theo diễn giải của Duy Tuệ thì đi theo Phật giáo như lâu nay là vô ích, chỉ có đi theo tư duy của Duy Tuệ mới là trí tuệ.

Trang 73, mở đầu mục “Hai vị Phật”, có đoạn: “Tôi thấy quý vị chỉ cần biết đến hai vị Phật. Một là đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, vị Phật có tính cách huyền thoại, hóa thân bên Ấn Độ. Hai là đức Phật Trần Nhân Tông của Việt Nam (Phật có lịch sử, từ bỏ ngai vàng lúc ba mươi sáu tuổi...” và đoạn “Phật Thích Ca là của truyền thuyết, không biết có hay không”.

Lời bình về thâm ý của Duy Tuệ: Mượn hình ảnh Trần Nhân Tông để phủ định đức Phật Bốn sư Thích Ca Mâu Ni là nhân vật có thật trong lịch sử, cách xuyên tạc và phỉ báng của Duy Tuệ rất ác ý. Cách phá hoại này sẽ làm cho những ai chưa hiểu sâu đạo Phật rất dễ tin. Nếu không có đức Phật Thích Ca thì cụ Trần Nhân Tông có đi xuất gia và sau này được nhân dân tôn xưng là Phật hoàng Trần Nhân



Ảnh: Phùng Anh Tuấn

Tông như lịch sử và nhân dân đã tôn thờ?

Trang 99 viết “Không thể nói kiếp trước không chịu tu, khinh Phật giáo, khinh tăng... nên kiếp này nghèo. Nói như vậy là cách giết người sớm, nhanh nhất.... Đó không phải là Phật giáo, không phải lời Phật dạy, không phải chính pháp. Nói thế là ngu dốt, chứ không phải Phật pháp gì hết.... Không có nghiệp chướng gì của đời trước để đời này phải trả giá, phải chịu cảnh cơ hàn cực khổ.... Nhìn theo kiểu phải trả nghiệp là tự đưa mình vào ngõ cụt, xuống vực thẳm hay đường cùng”.

Trang 107 viết: “Việc tổ chức triển miên các khóa học cho Phật tử ở chùa, với năm bảy trăm hay cả ngàn người bỏ bê nhà cửa, khăn gói tới chùa học chắc chắn không hiệu quả gì”

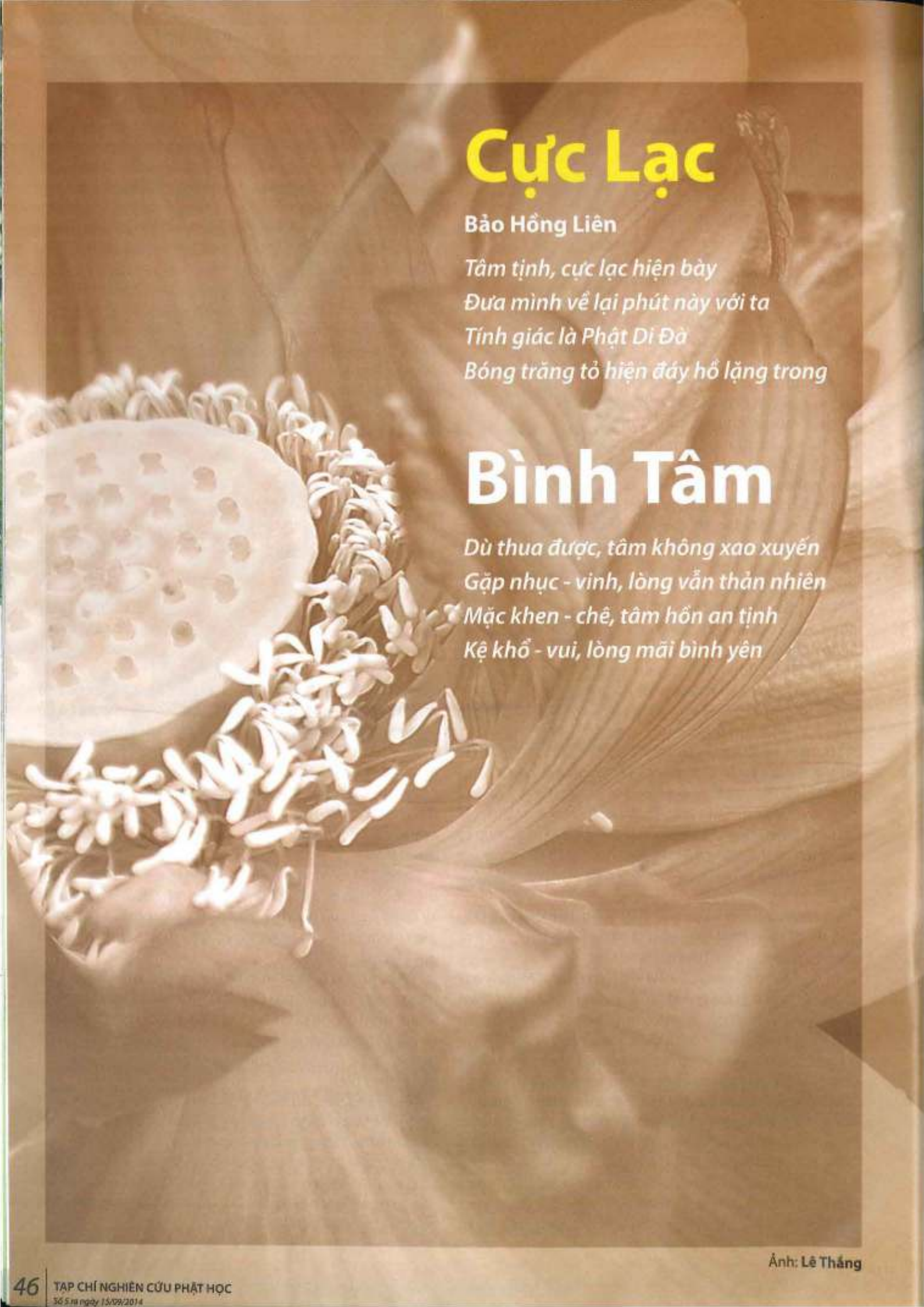
Trang 122 viết: “Nếu nói Bát Chánh Đạo là chìa khóa giải quyết vấn đề khổ đau, thì tại sao mấy ngàn năm qua không phát huy tác dụng? Tám con đường đó là để giải quyết tình trạng của cái đầu mỗi người, chứ không phải lên thiên đàng hay về cõi Phật như kinh sách nói, nhưng tại sao không giải quyết được?”

Trang 134 có đoạn viết: “Việc tập trung người lại trong một thời gian để tu chẳng mang lại hiệu quả gì hết. Đó là sự đóng kịch của những người ngu, vô minh. Tôn tiền, thời gian nhưng chắc chắn không có hiệu quả. Bởi vì, Phật của quý vị có sẵn rồi”....

Lời bình: Cách thức xúc phạm và phỉ báng người tu hành theo Phật giáo của Duy Tuệ như thế này là cách thức và âm mưu chống phá Phật giáo rất rõ ràng, có chiến lược và bài bản; nó không còn là tà đạo đơn thuần như một số tà đạo, hoặc các tín đồ thiếu hiểu biết luận giải theo cái nhìn riêng biệt.

Điều đáng tiếc, dù không cố ý nhưng một số Nhà xuất bản, một số cơ quan quản lý của Nhà nước đã “tiếp tay” cho Duy Tuệ chống phá Phật giáo.

Thiết nghĩ đã đến lúc Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần có Công văn và lên tiếng chính thức với Nhà xuất bản và các cơ quan quản lý xuất bản, quản lý Văn hóa của Nhà nước về “hiện tượng Duy Tuệ là ai?”



Cực Lạc

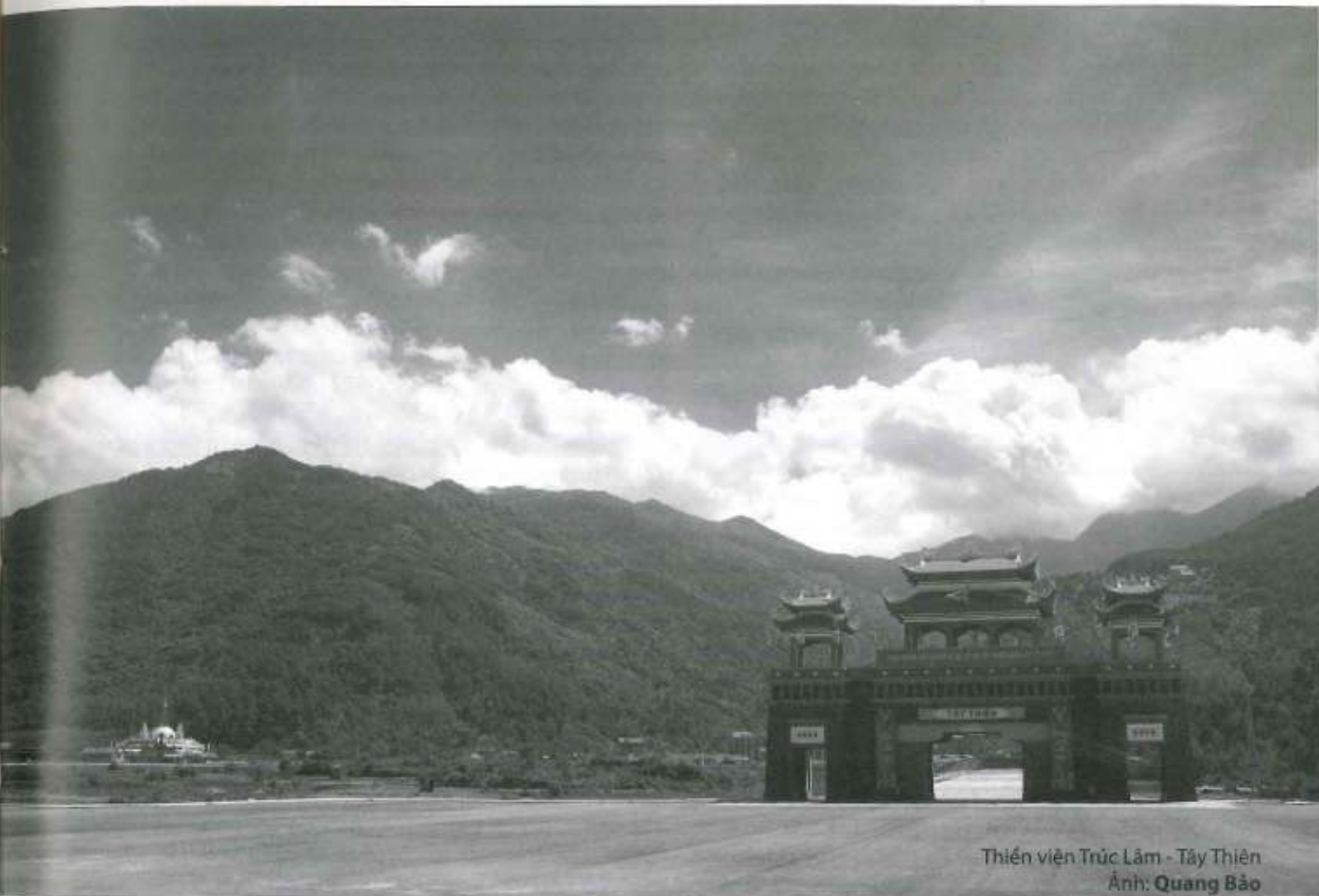
Bảo Hồng Liên

*Tâm tịnh, cực lạc hiện bày
Đưa mình về lại phút này với ta
Tỉnh giác là Phật Di Đà
Bóng trắng tỏ hiện đáy hồ lặng trong*

Bình Tâm

*Dù thua được, tâm không xao xuyến
Gặp nhục - vinh, lòng vẫn thản nhiên
Mặc khen - chê, tâm hồn an tịnh
Kệ khổ - vui, lòng mãi bình yên*

Ảnh: Lê Thắng



Thiền viện Trúc Lâm - Tây Thiên
Ảnh: Quang Bảo

THIỀN VIỆN TRÚC LÂM TÂY THIÊN

● Vũ Tất Tiến

Trong những ngày nắng hè chói bóng ở Hà Nội, tôi có cơ may tạm lánh xa mọi ồn ào, bức bối nơi đô thị, gác lại những bận bịu công việc để hành hương về miền đất Phật Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên thuộc Trung tâm Văn hóa - Lễ hội tỉnh Vĩnh Phúc, một trong những ngôi Thiền viện lớn nhất Việt Nam để được đắm mình trong không gian yên tĩnh, tôn nghiêm với không khí trong lành, gió núi mát mẻ và bạt ngàn màu xanh cây cỏ...

C hẳng phải đi đâu xa, sau hơn một giờ đồng hồ ngồi ô tô đi theo đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai mới mở, rồi rẽ vào đường đi Vĩnh Yên-Tam Đảo chỉ khoảng hơn 60 cây số là tới Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên. Thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, tọa lạc trên một quả đồi ở lưng chừng núi Tam Đảo thuộc thôn Đến Thông xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, có độ cao khoảng 300m so với mặt nước biển. Tới miền đất Phật này, được lễ Phật, lễ Tổ và văn cảnh Thiền viện tôi tin chắc mọi người đều cảm thấy tâm hồn thanh thản và quên đi mọi mệt mỏi, vất vả, âu lo thế tục. Nhờ duyên lành, tôi được diện kiến Thượng tọa Thích



Ảnh: QB

Kiến Nguyệt viện chủ trụ trì Thiền viện. Qua câu chuyện của Thượng tọa, tôi được biết Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên được khởi công xây dựng ngày 04/04/2004 trên nền một ngôi Chùa cổ có tên là Thiền Ân Thiền Tự, là một trong 3 ngôi Chùa cổ có từ thời vua Hùng thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên (*Thiền Ân Thiền Tự, Thiền Quang Thiền Tự và Hoa Long Thiền Tự*).

Thiền viện có tòa Đại Hùng Bửu Điện-là tòa chính điện nằm ở trung tâm cao 17m, diện tích 675m², có sức chứa 600 người, đủ chỗ cho Phật tử và du khách thập phương ngồi thiền hoặc nghe giảng về Phật pháp. Tòa chính điện thờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở chính giữa, Bồ Tát Phổ Hiền (*cưỡi voi*) và Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát (*cưỡi hổ*) ở hai bên. Tòa chính điện có 4 cột đá lớn treo các câu đối:

- Phật pháp chỉ đường là mẹ về bến giác/Thiền tông không lối trực ngộ đến chân như
- Phước đức sâu dày do gieo nhân đạt quả/Tuệ giác tròn đầy bởi bát giác gọi nhuần

Bên phải chính điện là Lầu Trống. Thân trống làm bằng 1 khối gỗ mít rừng Gia Lai có đường kính 1,3m, dài 2m. Bên trái là Lầu Chuông. Chuông Đại Hồng Chung nặng 2 tấn được đúc từ một làng nghề truyền thống nổi tiếng ở Huế. Trên mặt chuông có khắc bài thơ của Thiền Sư Viên Học (1073-1136):

Lục thức thường hỗn chung dạ khổ
Vô minh bị phủ cữu mê dung
Chú dạ văn chung khai giác ngộ
Lân thần tịnh sát đắc thần thông
Dịch là:

Sáu thức tối tăm khổ đêm dài
Vô minh che đậy mê mị say
Sớm tối nghe chuông lòng tỉnh giác
Thần lười dứt sạch, được thần thông

Phía sau chính điện có Nhà Tổ thờ 4 vị Tổ của Thiền phái Trúc Lâm là: Tổ sư Khương Tăng Hội là vị Tổ đầu tiên của Thiền tông Việt Nam và 3 vị Tổ là Sơ tổ Trúc Lâm (*tức Phật hoàng Trần Nhân Tông*), Thiền sư Pháp Loa và Thiền sư

Huyền Quang. Nhà Tổ cũng có các câu đối:

- Tổ tổ truyền đăng phát huy tâm ấn Phật/Tăng tăng tục diện lưu biến chính tông thiền
- Tây Thiên khởi nguồn Phật kiếp kiếp truyền đăng tục diện mai truyền hăng/Yên Tử mở lối thiền đời đời đức hóa lưu phương luân chuyển khắp

Các câu đối ở Chính điện, Nhà Tổ và bài thơ khắc trên chuông Đại Hồng Chung đều thấm đẫm giáo lý nhà Phật và Thiền tông.

Tượng Phật và các tượng Tổ được làm từ đá Sa thạch là một loại đá quý có độ bền lâu dài mà người Chăm và người Ai Cập xưa thường dùng để tạc tượng. Tượng Phật Thích Ca được Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục là tượng Phật sa thạch lớn nhất Việt Nam.

Hành hương chiêm bái Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, tôi ấn tượng nhất hai việc sau đây:

- Trong những năm gần đây, cứ mỗi dịp nghỉ hè, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên lại là "điểm đến" học tu Thiền và Phật pháp. Đại đức Thích Thanh Trí - Phó trụ trì Thiền viện kiêm giáo thọ sư cho biết: Thiền viện mở các lớp học tu Thiền từ năm 2010 đến nay, mỗi năm mở 6 khóa học vào dịp hè, mỗi khóa tiếp nhận khoảng 250 học sinh tuổi từ 14 đến 17-18 (*nam - nữ học riêng*).

Chiêm bái Thiền viện, ngoài việc được lễ Phật, lễ Tổ..., tôi còn được chứng kiến cảnh các thiền sinh xếp hàng ngay ngắn ngoài sân theo thứ tự vào Trai đường thọ trai các buổi sáng - trưa - chiều, được dự các buổi học giáo lý, tập tu Thiền và sinh hoạt tập thể của thiền sinh, tôi thấy Thiền viện như một trường học vậy. Chỉ khác là trường học dạy chữ-dạy người, còn Thiền viện dạy Thiền - dạy người. Các thầy đã vận dụng giáo lý nhà Phật khi giảng về quy luật nhân quả của đức Phật, về chữ Tâm, chữ Nhẫn, chữ Hiếu...để bồi dưỡng đạo đức, nhân cách, rèn luyện kỹ năng sống cho thế hệ trẻ, hướng tuổi trẻ đến với chân - thiện - mỹ.

Trước khi thọ trai buổi sáng, các thầy đều hướng dẫn



Ảnh: QB



Ảnh: QB

thiền sinh ngồi yên lặng niệm Phật Bốn Sư Thích Ca, rồi đọc Tam đế và Ngũ quán. Khi tôi hỏi, Đại đức Thích Trúc Thông Văn-Phó trụ trì Thiền viện giải thích theo giáo lý nhà Phật thì Tam đế là tự tâm mình khởi lên 3 điều:

1. Nguyên dứt các điều ác.
2. Nguyên làm các việc lành.
3. Nguyên độ tất cả chúng sinh.

Ngày nào thiền sinh cũng khởi lên 3 điều này để tạo thói quen phải làm những việc tốt đẹp cho bản thân, gia đình và xã hội. Có được nhận thức như vậy rồi sẽ chuyển sang đọc Ngũ quán để thấu rõ mọi bản chất của sự vật. Đó là: 1- Quán (thấy rõ) thức ăn này từ đâu mà có, công của người làm ra hạt gạo, mua được hạt gạo khó nhọc biết bao nhiêu. 2- Quán công đức của mình đủ hay thiếu để được thọ dụng thức ăn này. 3- Quán thức ăn này cốt để đẹp sạch tham - sân - si. 4- Quán thức ăn này như thuốc uống để trị bệnh cho thân thể mình (chứ không phải cốt để ăn ngon). 5- Quán vì thành đạo nghiệp nên mới thọ dụng thức ăn này.

Đại đức còn cho biết: *"Phép Thiền của đạo Phật chuyển hóa được thân-tâm, làm cho con người có được trí tuệ và lòng thương yêu (đạo Phật gọi là từ bi). Con người phát triển được trí tuệ và lòng thương yêu là có được nhân cách hoàn hảo nhất"; "Nhà trường của ta hiện nay có dạy đạo đức cho học sinh, nhưng đó chỉ là cái "vỏ" bề ngoài. Nhật Bản và Thái Lan người ta đã đưa Thiền vào dạy ở các trường học".* Khi tôi hỏi về chữ Tâm trong đạo Phật, thấy Thích Thanh Trí nói: *"Phật ở trong tâm, tập thiền để có tâm Phật, tu thiền để tâm an lành-thanh tịnh, từ đó mới có trí tuệ gọi là trí vô sư. Ngay cả việc bố thí - cúng dường cũng phải bằng Tâm thanh tịnh. Bố thí có ghi tên người cho là bố thí hữu tướng (hàm ý người bố thí vẫn muốn có danh tiếng) thì công đức chỉ có hạn. Bố thí vô tướng (không nêu danh tính) là bố thí bằng Tâm thanh tịnh, trong đạo Phật gọi là bố thí vô ngã, bố thí Ba la mật thì công đức vô biên, vô lượng".*

Các thầy ở Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên và một số cơ sở Phật giáo khác không chỉ lo việc tọa thiền, tụng kinh,

niệm Phật hàng ngày, mà còn mở các lớp dạy tu Thiền, đang thầm lặng góp phần vào sự nghiệp rèn luyện, giáo dục thế hệ trẻ cho nước nhà. Việc làm *"Tốt đời, đẹp đạo"* này là một nét nhân văn đáng quý, đáng trân trọng.

- Việc thứ hai khi về đất Phật Tây Thiên, tôi cũng rất ấn tượng với Dự án công trình xây dựng Đại tượng Phật Quốc Thái - Dân An - Phật Đài bằng đá khối Hoa cương cao 49m gồm 28.100 viên đá có trọng lượng 35.292 tấn. Riêng đầu tượng Phật cao 16m (bằng chiều cao tòa nhà 5 tầng). Đây là Dự án do Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên làm chủ đầu tư, kinh phí lúc đầu dự kiến dựa vào xã hội hóa. Hiện nay mới xây xong bệ đặt tượng, do sự phát tâm công đức, cúng dường bằng tiền mặt, bằng trí tuệ tư vấn thiết kế, công sức khảo sát trắc địa, tổ chức thi công v.v.. của nhiều nhà hảo tâm là tăng ni Phật tử, đồng bào trong nước, kiều bào ở nước ngoài, các nhà khoa học (trong đó có GS.TSKH-KTS Hoàng Đạo Kính), các kiến trúc sư, họa sĩ, điêu khắc gia, doanh nhân, doanh nghiệp, thợ thủ công và công nhân xây dựng.

Thượng tọa Thích Kiến Nguyệt cho biết: Theo tính toán của trường Đại học xây dựng thì kinh phí làm tượng Phật bằng đá bán quý là khoảng 400 tỷ đồng. Nếu tượng làm trong 4 năm hoàn thành thì mỗi năm phải chi 100 tỷ, số tiền này khó huy động được ở thời điểm suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay.

Để công trình có thể thực hiện đúng tiến độ dự kiến là 4 năm, Thiền viện đang làm đơn xin Nhà nước và các Cơ quan Ban Ngành chức năng cho phép khai thác mỏ đá ở Suối Giàng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái để cung cấp toàn bộ đá cho công trình.

Như vậy khi Nhà nước cho phép sử dụng tài nguyên Quốc gia để xây dựng công trình cho Quốc gia, và toàn dân công đức phần bề tông, chế tác (trị giá khoảng 200 tỷ). Công trình Quốc Thái - Dân An - Phật Đài sẽ thể hiện tinh thần Nhà nước và toàn dân Việt Nam hôm nay đoàn kết quyết tâm xây dựng để nguyện cầu cho đất nước thoát khỏi hiểm họa chiến tranh. Bằng tâm lực, trí lực tôn tạo tượng đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni với tâm thành của toàn dân cầu nguyện cho đất nước được hòa bình, Tam Bảo sẽ chứng minh và gia hộ cho sở cầu sở nguyện lành của chúng ta sớm được thành đạt như ý nguyện. Quốc Thái-Dân An-Phật Đài được xây dựng bằng đá Hoa cương ở bên ngoài, phần nội thất bên trong làm bằng đá bán quý (đá Vân, đá Cẩm thạch) hấp thụ hồn thiêng sông núi và linh khí Việt Nam hàng triệu năm trong lòng đất, sẽ phát năng lượng rất lớn, lại do nghệ nhân Việt Nam chế tác - xứng đáng là *"Bảo vật Quốc gia"* mang ý nghĩa *"Quốc hồn, Quốc túy Việt Nam"*.

Quả vậy, Đại tượng Phật được hoàn thành sẽ là một kỳ công, kỳ tích, kỳ vĩ của toàn dân hôm nay trao tặng lại cho con cháu các thế hệ mai sau. Khi mọi người hành hương về Thiền viện lễ Phật để nguyện cầu cho gia đình được bình an, đất nước được thái bình, thụ hưởng nguồn năng lượng an lành từ đức Phật sẽ đưa đến quả phúc *"Quốc Thái - Dân An"*.

Hai mặt

Thích Tánh Tuệ

Sự thật có 6 chữ
Giả dối cũng 6 luôn
Mặt trái và mặt phải
Trắng đen ôi khó lường!

Tình yêu có 7 chữ
Phản bội cũng thế thôi
Chúng là hình với bóng
Rất dễ dàng đổi ngôi.

Chữ yêu là 3 chữ
Hận là ba, giống nhau.
Người say men hạnh phúc
Kẻ thành lý mạc sầu.

Bạn bè có 5 chữ
Kẻ thù đếm cũng năm
Hôm nao lời ngọt mật
Hôm nay chia... dao găm.

Từ vui có 3 chữ
Tiếng sầu cũng đồng như.
Quá vui thường mất trí,
Mất trí đời đổ hư.

Chữ khóc có 4 chữ
Cười cũng vậy, giống in
Ai "giòn cười, tươi khóc"
ấy cảm thọ nhận chìm.

Cuộc sống là hai mặt
Giới tuyến một đường tơ
Chấp nhận mà không vương
Nhẹ bước qua hai bờ.

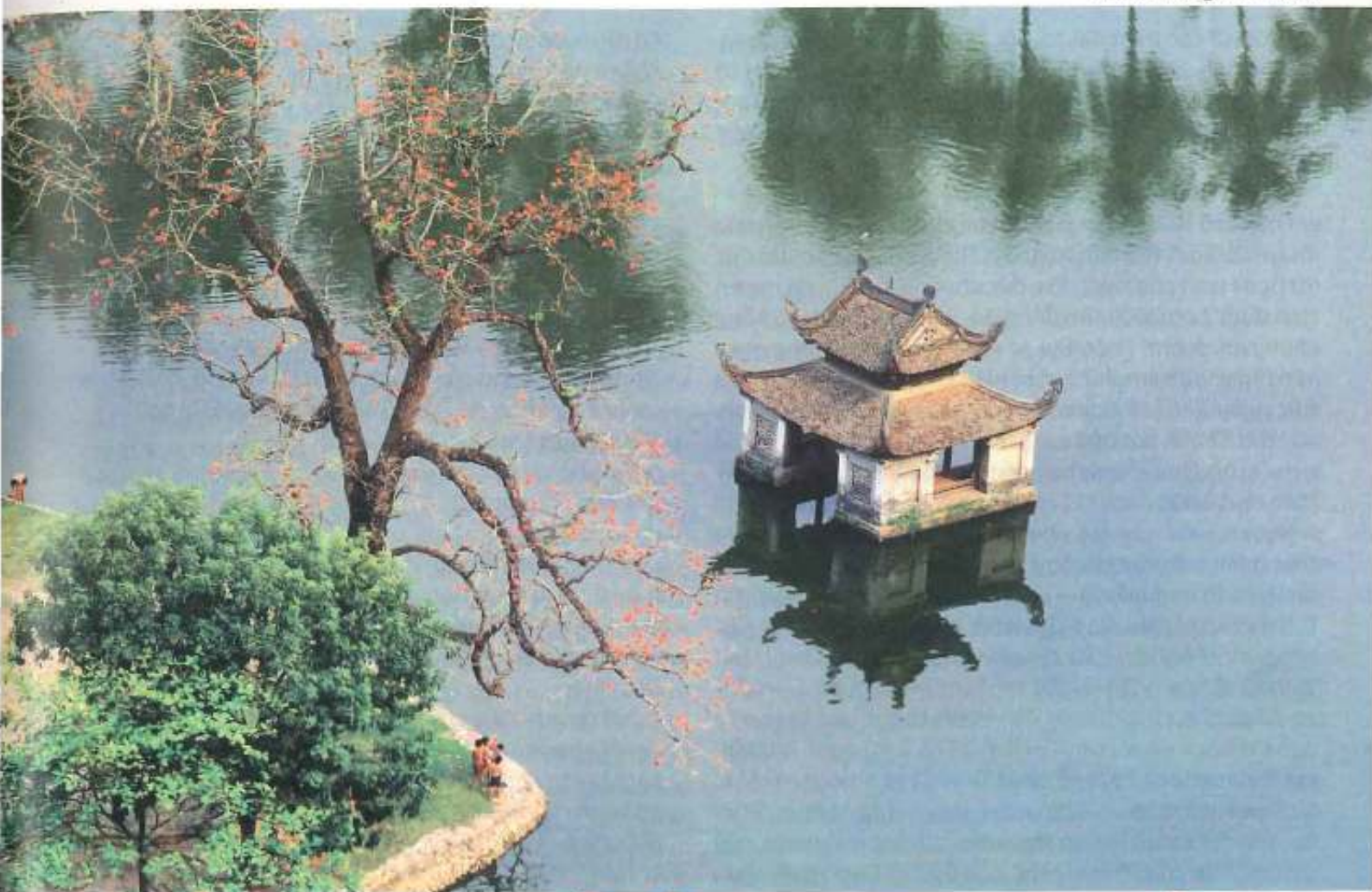
Thiền hành

Cư sỹ: Phạm Thanh Hà

Bước chân hơi thở nụ cười
Ba phép chánh niệm của người thành thoi
Đặt bước là đã...tới nơi
An trú hiện tại, đất trời nở hoa

Thở sâu, êm nhẹ, bình hòa
Thân tâm tạo hợp một tòa kỳ quan
Cười nụ thấu hiểu, dung khoan
Nào phiền tan biến, hân hoan ngập lòng

Cùng thấy đạo khắp non sông
Gieo niềm tin mới, thiền tông nhập đời
Thức tỉnh tâm trí bao người
Bình an hiển lộ, rạng ngời chân tâm.



Những nhà sư trụ trì chùa Thầy với văn chương, học thuật

● Phan Bá Ất

Dễ nhận ra chùa Thầy (Sài Sơn- Quốc Oai - Hà Nội) là một danh lam thắng cảnh, một di tích lịch sử, di tích văn hóa và là một địa chỉ Phật giáo nổi tiếng. Chùa Thầy là vùng đất “Địa linh nhân kiệt”; Những trầm tích văn hóa ở đây rất phong phú, chỉ riêng về lĩnh vực văn chương, nơi đây đã lưu dấu chân của bao tao nhân mặc khách. Có thể nói, những tài năng lớn về văn thơ của đất nước hầu như đều có mặt và lưu bút tại chùa Thầy.

Trong khi chờ đợi những công trình nghiên cứu lớn, toàn diện và khoa học của các nhà chuyên môn, tôi muốn tập hợp những tư liệu khoa học từ những công trình lẻ tẻ, tin cậy ở các thư tịch và nghiên cứu của nhiều tác giả cùng hiểu biết nông cạn của mình, khảo cứu, chọn lọc viết về “Các nhà sư nhiều thế hệ trụ trì ở chùa Thầy với văn chương và học thuật”.

Văn học sử Việt Nam đã ghi nhận và đánh giá cao nhiều thiền sư là những nhà thơ lớn của dân tộc. Ai cũng nhớ đến thiền sư Vạn Hạnh, Mãn Giác, Đạo Hạnh, Quảng Nghiêm, Huyền Quang... với những vai trò và ảnh hưởng to lớn của

họ đối với các triều đại, xã hội, Phật giáo và văn chương. Những nhà sư các thế hệ trụ trì ở chùa Thầy đây đó vẫn có những mạch nguồn truyền thống thơ ca, học thuật ở một địa phương cấp xã mà không phải nơi nào cũng có được.

1. Đức Thánh tổ Từ Đạo Hạnh

Thánh tổ Từ Đạo Hạnh trụ trì tại chùa Thiên Phúc (chùa Thầy - Sài Sơn). Khi đến trụ trì tại Thiên Phúc 6 năm thì đức Từ Đạo Hạnh cho xây chùa, đúc chuông sau khi đã quyên góp được hơn 2000 cân đồng đỏ. Bài "Thiên Phúc tự hồng chung minh văn" là do Đại sa môn Thích Huệ Hưng soạn văn ngày 9/8 năm thứ 9 niên hiệu Long Phù Nguyên Hóa (tức ngày 5/9/1109) theo yêu cầu của đức Từ Đạo Hạnh. Vậy đức Thánh bắt đầu về trụ trì ở chùa này muộn nhất là năm 1103. Đức Thánh hoá năm 1116 (theo Đại Việt sử ký toàn thư), hoặc năm 1117 (theo Thiền uyển tập anh).

Ngay từ khi còn trẻ chưa xuất gia, thiền sư đã tỏ ra thông minh và yêu chuộng nghệ thuật. Đức Từ Đạo Hạnh rất uyên thâm nhiều lĩnh vực nho, y, lý, số, vì vậy ngài vừa là thầy tu, thầy thuốc, thầy nghề, vừa là một nhà thơ. Các công trình nghiên cứu đều kết luận đức Từ Đạo Hạnh là thủy tổ của nghề Nghệ thuật múa rối nước. Gần đây người ta cho rằng đức Từ Đạo Hạnh có thể còn là ông tổ nghệ thuật múa rối cạn(?): Năm 2012, làng nghề múa rối cạn ở Nam Hà đã có lễ về Chùa Thầy để tạ nhận cội tổ. Đức Từ Đạo Hạnh còn dạy dân nghệ thuật chèo tuồng. "Phật học của đức thánh Từ Đạo Hạnh rất uyên bác, thâm hậu, ngộ được lý mầu của Phật tổ". Thơ của đức Từ Đạo Hạnh chứa đựng nhiều triết lý của đạo Phật. Người ta thấy những khái niệm Chân Tâm, ở đâu, như thế nào; Không - Hữu, tồn tại, không tồn tại; Chân Lý và sự giác ngộ; Sinh - Tử, Luân Hồi v.v và v.v trong các bài kệ, bài thơ của thánh tổ.

Bài kệ của đức Từ Đạo Hạnh cùng các bài kệ của thiền sư Vạn Hạnh, Mãn Giác, Quảng Nghiêm, Huyền Quang... là những bài thơ nổi tiếng, đặc sắc chiếm một vị trí xứng đáng trong văn học sử Việt Nam.

Không hữu

Tác hữu trần sa hữu

Vì không nhất thiết không

Hữu không như thủy nguyệt

Vật trước hữu không không.

(Dịch nghĩa theo "Thơ văn Lý Trần": Bào có thì hạt cát, mây bụi đều có, cho là không thì hết thảy đều không. Có và không như ánh trăng dưới nước. Đừng có bám hân vào cái có, và cũng đừng cho cái không là không)

Bài thơ nghệ thuật cao và có sức triết lý lớn của Phật giáo. Bài kệ nổi tiếng này có không ít người ở các thế hệ khác nhau đã dịch ra quốc ngữ.

Đại Thiền sư Huyền Quang, vị tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm (Yên Tử) Tương truyền có bản dịch:

Có thì có tự mây may,

Không thì cả thế gian này cũng không.

Vùng trăng vàng vạc in sông,

Chắc chỉ có có không không mơ màng

Sau này còn một số bản dịch khác, ví như:

Có thì muôn sự có

Không thì tất cả không

Có không trăng đáy nước

Đừng mắc có cùng không

(Thích Thanh Từ dịch)

Có thì có mây may

Không thì cả vũ trụ này cũng không

Có không bóng nguyệt dòng sông

Cả hai tuy vậy chẳng không chút nào

(Nguyễn Lang dịch - theo Đào Nguyên "ghi nhận về hình ảnh ngôi chùa Thầy trong văn học Việt nam")

Trong các bài thơ của Thánh Tổ Từ Đạo Hạnh có hai bài kệ nổi tiếng khác, đó là bài Thất châu và bài Thị tịch

"Nhật nguyệt tại nham đầu

Nhân nhân tận thất châu,

phủ ông hữu câu từ

Bộ hành bất kỳ câu "

Dịch nghĩa rút trong "Thơ văn Lý Trần": Mặt trời, mặt trăng kể nhau mọc trên đầu núi. Trên cõi đời này người nào người ấy đều đánh mất hạt ngọc của mình. Như anh nhà giàu có con ngựa hay lại đi bộ mà không cưỡi ngựa.

Dịch thơ:

"Nhật nguyệt tại non đầu

người người tự mất châu

kẻ giàu sẵn ngựa mạnh,

Bộ hành chẳng ngồi xe"

(Bản dịch của Hoà Thượng Thanh Từ rút trong "Thiền sư Việt Nam" theo "Danh thắng chùa Thầy" của thượng toạ Thích Viên Thành):

Bài kệ thứ hai: Thị Tịch

Thu lai bất báo nhận lai quy,

Lãnh tiểu nhân gian tạm phát bị,

Vị báo muôn nhân hưu luyện trước

Cổ sư kỹ độ tác kim sư.

Dịch nghĩa theo "Thơ văn Lý Trần":

Mùa thu về không báo tin cho chim nhận cùng về.

Đáng cười người đời cứ nẩy sinh buồn thương trước cái chết.

Khuyên các môn đệ chớ có vì ta mà quyến luyến,

Thầy xưa đã bao nhiêu lần hoá thân làm thầy nay.

Dịch thơ: (Bản dịch của Ngô Tất Tố)

"Thu về chẳng báo nhận theo bay,

Cười nhạt người đời uống xót vay

Thời hời môn đồ đừng quyến luyến,

Thầy xưa mấy lượt hoá Thầy nay".

Bài viết chỉ tổng hợp và chọn lọc những chi tiết có thể kết luận là có thật về đức Từ Đạo Hạnh. Gạt đi những sương khói huyền thoại, chúng ta không có nhiều tư liệu hơn về Đức Thánh nhưng những điều biết về Đức Từ Đạo Hạnh, một cao tăng có thật đã trụ trì ở Chùa Thầy đủ kết luận ngài là một tăng quan, một vị tổ sư phái Mật tông, một thầy thuốc, một thầy nghề và đặc biệt là một nhà thơ lớn, học thuật sâu sắc thời Lý. Cùng với công lao xây dựng chùa và công đức của Đức Từ đạo Hạnh, ngài đã được công nhận là Đức Thánh tổ sư ở Chùa Thầy.

2. Đại sa môn Huệ Hưng

Không có nhiều tư liệu chi tiết về vị sư này, song có thể chắc chắn rằng; Ông tu tại chùa Thiên Phúc cùng thời gian và nhiều khả năng ông là đệ tử của đức Từ Đạo Hạnh. Đại Sa môn Huệ Hưng là tác giả của bài văn *"Thiên Phúc tự hồng chung minh văn"* trên chuông đồng soạn theo yêu cầu của đức Từ Đạo Hạnh. Chuông được đúc sau 6 năm Đức Thánh trụ trì ở Thiên Phúc. Ở cuối bài văn trên chuông có đề: *"Ngày 9 tháng 8 năm Kỷ Sửu, niên hiệu Long Phù nguyên niên (1109) đức chuông. Đại sa môn áo tía chùa Thiên Phúc Huệ Hưng soạn."*

Đại Sa Môn mặc áo tía có nghĩa là một tăng quan. Điều đó chứng tỏ Huệ Hưng và đặc biệt Đức Từ Đạo Hạnh có uy tín và vai trò cao ảnh hưởng to lớn trong triều đình nhà Lý. Cũng chứng tỏ Phật giáo tuy chưa phải là quốc đạo song đã được nhà Lý hết sức coi trọng.

Bài văn trên chuông mà Huệ Hưng soạn là tài liệu cùng thời với thánh tổ Từ Đạo Hạnh còn lại đến nay. Chuông được đúc năm 1109, sau đó đến năm 1789 bị phá để đúc tiền. Rất may bài văn này đã được đưa vào tác phẩm *"Kim văn loại tự"*. Đây là tài liệu tin cậy nhất để chúng ta biết những gì có thể về con người thật của Đức Thánh tổ Từ Đạo Hạnh ngoài những lớp sương khói huyền thoại về Người. Ngoài tài liệu này, chúng ta có thể tìm tư liệu bổ sung ở nhiều tài liệu giá trị khác nhưng phải xếp sau nó như *"Thiền uyển tập anh"*, *"Việt Điện U Linh"*, *"Linh Nam Chích Quái"*, *"Đại Việt Sử Ký Toàn Thư"* v.v bởi nhiều yếu tố tồn nghi, huyền thoại.

Bài văn chuông của Huệ Hưng giúp ta có được những tư liệu quan trọng chứa đựng nhiều thông tin tin cậy nhất về thánh tổ Từ Đạo Hạnh và việc xây dựng chùa Thiên Phúc đến nay còn lưu giữ được. Đây là đoạn văn trích trong bài văn chuông mô tả khung cảnh Sài Sơn Phật Tích: *"Qua một dòng sông, thấy một ngọn núi xanh, men đá mà bước lạc tục trần, vịn dây mà thân lên thượng giới, Ngọn núi ấy sừng sững như Lăng Già bao bọc, vắng vặc một vắng trắng thu. Có bậc thang lạ, dẫn vào khám Phật tròn bằng đá. Mây ngũ sắc vẫn vự, ngọc thất châu buông rèm. Lưới nhện đan xen, áo tơ rực rỡ. Bên dưới núi còn dấu thờ Phật, ở giữa có đài nghe nguy nga. Dấu Phật đó, ngọc trắng dưới đáy, rồng xanh cuộn bên ngoài; đài nghe đó, tê giác trấn bên cạnh, đèn chuỗi sáng lung linh. Há đây giống phòng nghỉ trượng, mà chính là ngọn Thửu Phong vậy. Ngày xưa, có bậc ẩn sĩ công đức dựng nên, đâu phải là sự tạo tác khác thường của bậc thần linh vậy"* (Dẫn theo Nguyễn Thị Dung - Trường Phong, bản dịch lấy trong "Văn bia thời Lý" Nguyễn Văn Thịnh chủ trì, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H 2010, tr 95 - 112).

Còn đây là đoạn văn tả việc xây dựng chùa: *"Bèn sai thợ giỏi, chọn đất trung tâm. Dựng điện ngọc sáng rực bốn phương, đặt tượng vàng nghiêm trang chiếu toà. Mọi người truyền lời đó, rừng tiếng vút cao. Trong chốc lát, các thiện nan, nữ tín kéo về; chẳng mấy ngày mà cảnh chùa đã hiện rõ. Tìm xẻ gỗ quý, đắp lò ngói xanh. Dấu mực thước dọc ngang, tiếng búa rìu chan chất. Nguy nga viện mới, sừng sững lầu cao. Trống thông cho lối dẫn mát lành; vun hoa để*

cảnh quan thơm mát"

(Dẫn theo Nguyễn Thị Dung - Trường Phong, bản dịch lấy trong "Văn bia thời Lý" Nguyễn Văn Thịnh chủ trì, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H 2010, tr 95 - 112).

3. Sơn Tăng Như Tùng

Nhà sư có tên là Thông Thi (người Sài Sơn vẫn thường gọi là sư Mậu), hiệu là Như Tùng, người Cổ Nhuế, sinh năm 1900 và viên tịch ngày 24/3/1945. Sơn Tăng Như Tùng trụ trì chùa Đỉnh Sơn (còn gọi là Hiền Thụỵ Am) và chùa Một Mái (Bối Am Tự) Chùa Thấy, vào khoảng những năm thập kỷ 30 thế kỷ XX. Chính nhà sư Như Tùng đã dùng chữ Nôm thảo một bức điệp phổ khuyến khách thập phương góp công tôn tạo thắng tích Sài Sơn. Bài khải này đã đến tay cử nhân Hoàng Thúc Hội người làng Yên Quyết (còn gọi là làng Cót - Từ Liêm), ông đỗ cử nhân khoa Mậu Ngọ 1906 niên hiệu Thành Thái thứ 18 triều Nguyễn song không ra làm quan mà ở nhà dạy học. Cử nhân Hoàng Thúc Hội cảm động, có vẽ Đa Phúc - Sài Sơn dạy học chữ Hán và giúp đỡ Như Tùng san định lại các tác phẩm của ông.

Năm 1930, nhà sư Như Tùng cho ra tác phẩm khắc gỗ *"Sài Sơn thi lục"* tập hợp các tác phẩm thơ phú của lịch đại danh gia các nhà khoa bảng viết về Chùa Thấy và núi Sài Sơn.

Năm 1940, nhà sư Như Tùng cho ra tác phẩm *"Sài Sơn Từ thần tăng thực lục"* gọi tắt là *"Sài Sơn thực lục"* ghi chép về vị thần tăng họ Từ ở Sài Sơn. Cả hai tác phẩm trên, tác giả chính là Như Tùng mà biên tập là Hoàng Thúc Hội. Ngoài ra, nhà sư Như Tùng đã kể và cung cấp tư liệu giúp cử nhân Hoàng Thúc Hội ghi *"Truyện đăng bi ký"* tóm tắt hành trạng của hai vị tổ sư trước Như Tùng trụ trì Đỉnh Sơn Tự, đó là nhà sư Lan Hương trụ trì 3 năm (1897-1900) và nhà sư Tâm Minh trụ trì 6 năm (1900-1906) cả hai sau khi thị tịch đều được xây tháp tại chùa.

Có thể nói Như Tùng và Hoàng Thúc Hội là đồng tác giả của hai tác phẩm *"Sài Sơn thi lục"*, *"Sài Sơn thực lục"* mà Như Tùng là tác giả chính. Đây là hai tác phẩm có nhiều tư liệu quý về Chùa Thấy.

Theo Đại Đức Thích Minh Đạo hiện trụ trì Đỉnh Sơn Tự và Đại Đức Thích Minh Hà hiện trụ trì Bối Am Tự (chùa Một Mái) thì nhà sư Như Tùng rất giỏi Hán Nôm. Đại đức Thích Minh Đạo cho biết đôi câu đối trước cổng chân núi lên chùa Đỉnh Sơn (Chùa Cao) Tác giả chính là Như Tùng: *Đăng cao tự ti nhất bộ tiến nhất bộ.*

Vô vãng bất phục cá quan hựu cá quan

Dịch theo *"Non nước Chùa Thấy"* của HT Thích Viên Thành:

Muốn lên trên cao thì phải đi từ dưới thấp, mỗi bước lại tiến thêm một bước.

Không có sự ra đi nào mà không trở lại, cổng này đến cổng kia.

Đại Đức Thích Minh Hà cũng cho biết đôi câu đối chữ Nôm ở cổng Trắng (đường từ Thụỵ Khuê vào chùa Bối Am) là của tác giả Như Tùng:

Xây trụ chia non xanh không ba đường ác.

Trống hoa ngàn bụi đỏ có một cửa từ.

và:

*Trời đất đứng riêng quyền khép mở
Nước non ngăn rộng lối tu hành*

Cả hai câu đối trên đều được cụ Nguyễn Huy Vỹ, một cụ túc nho làng Thụy Khuê cùng Đại đức Hà trực tiếp đọc và ghi lại.

Theo Thượng tọa Thích Viên Thành và Đại Đức Hà cho biết Nhà sư Như Tùng còn là tác giả của câu đối:

*"Thiên địa do y thiên địa cự
Thảo hoa kim dị thảo hoa tiên"*

Như Tùng tự dịch:

*"Trời đất vẫn nguyên trời đất cũ
Cỏ hoa nay khác cỏ hoa xưa"*

Tôi được Đại đức Thích Minh Đạo dẫn tới Tam Bảo Đỉnh Sơn Thiển Tự. Hiện trong tam bảo có bức đại tự *"Thiên Phúc Đỉnh Tự"* hai bên có đôi câu đối của cử nhân Hoàng Thúc Hội:

*Dục tú chung linh thử hữu sùng sơn đường Thấu Linh
Ly trần nhập giác khả ư nghiêm hải thiếp kinh ba*

(Núi hun sông đức nên anh tú, nơi đây có núi cao sánh cùng non Thấu/Lìa bụi trần vào cõi giác, làm lắng sóng kinh trong bể khổ - Thượng Tọa Thích Trường Xuân dịch)

Hai bên bức đại tự nói trên là hai bức cuốn thư sơn son thiếp vàng còn lưu giữ hai bài thơ chữ Nôm của Sơn Tăng - Như Tùng để năm 1941 (*Bảo Đại Tân Tỵ niên*). Đại đức Đạo đã trực tiếp đọc. Bức thứ nhất tán dương Đức Thánh Tổ

Sinh hoá hai ba kiếp

Non nước bốn ngàn thu

Khí thiêng trên động bích

Còn tường dấu thanh tu

Sơn Tăng bái đế

Bảo Đại Tân Tỵ niên

Bài thứ hai tán dương cảnh chùa Thấy

Trên trời cùng dưới đất

Không đâu được như Phật

Thiên hạ danh thắng nhiều

Sơn Tây đây đệ nhất

Sơn Tăng bái đế

Bảo Đại Tân Tỵ niên

4. Thượng tọa Thích Viên Thành (1950 - 2002)

Thượng tọa Thích Viên Thành, thế danh là Phùng Xuân Đào, pháp danh là Nguyệt Trí; sinh ngày 15/7/1950, quê ở Thượng Cát, Từ Liêm, Hà Nội. Xuất gia từ năm 12 tuổi.

Năm 1984 Hoà Thượng trụ trì chùa Thiên Phúc (Chùa Thấy). Đã tốt nghiệp trường cao cấp Phật Học Việt Nam khoá I Quán Sứ. Nguyên uỷ viên thường trực hội đồng trị sự Trung ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Phó ban Giáo Hội Tăng Ni TVVGHPG Việt Nam. Đại biểu HĐND tỉnh Hà Tây khoá XIII. Hoà Thượng Thích Viên Thành viên tịch ngày 31/5/2002 (Tức 20/4 Nhâm Ngọ)

Tác phẩm chính (20 tác phẩm).

- Đại bi Nghi quỹ

- Chuẩn đề Nghi Quỹ

- Lục độ Ta Ra

- Du già Nghi Quỹ

- Lục đạo tập

- Truy môn Cảnh Huấn

- Bút ký bên cửa trúc

- Khoá lễ Phổ Môn

- Lược sử các tôn giáo Phật Học

- Xuân thu lễ tụng

- Giới phạm vông

- Chùa Hương ngày nay

- Truyện Phật Bà Chùa Hương

- Quan Âm Thị Kính

- Bầu trời cảnh bụt

- Kỷ niệm chùa Hương

- Nguyệt trí văn tập

- Thuyển môn thi ký

- Danh thắng Chùa Thấy.

Với tư chất thông minh và năng khiếu thơ ca cùng nguyện ước gắn đời mình với tu hành Phật giáo, ngay từ năm 12 tuổi Thượng tọa Thích Viên Thành đã làm thơ. Kể từ khi xuất gia, cùng với Phật sự, Hoàng dương Phật pháp, Thượng tọa Thích Viên Thành thường xuyên làm thơ. Thơ của Thượng tọa giàu triết lý Phật giáo, đầy tuệ giác, cảm xúc dạt dào, tứ thơ sâu sắc.

Thơ của Thượng tọa như nhật ký tu hành ghi lại quá trình bền bỉ quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ để giác ngộ và đi đến chân lý của Phật. Trong thơ có cốt cách của tăng nhân và tâm hồn của thi sĩ. Trái tim của Thượng tọa rung lên, hoà nhập với thiên nhiên, chia sẻ nỗi niềm với chúng sinh và hướng về cõi Phật. Thơ Đường luật của Thượng tọa Thích Viên Thành tài hoa, sâu sắc, niêm luật đối rất chỉnh chu.

Không những sáng tác thơ, Thượng tọa Thích Viên Thành còn dịch thơ. Các dịch phẩm thơ *"Phong Kiều Dạ Bạc"* của Trương Kế, *"Cáo tật thị chúng"* của Mãn Giác Thiển Sư là những ví dụ (*"Cáo tật thị chúng"* là đề bài thơ do sau này Lê Quý Đôn đặt). Thượng tọa Thích Viên Thành cũng nhận xét đánh giá dịch phẩm của Huyền Quang và Ngô Tất Tố đối với thơ của Thánh tổ Từ Đạo Hạnh. Theo Thượng tọa, câu cuối trong bài dịch *"không hữu"* của Huyền Quang (tương truyền dịch giả là Huyền Quang, vị sư tổ thứ ba thiền phái Trúc Lâm) chưa thoát ý: Thượng tọa nhận xét: *"Theo triết lý không của Bồ Tát Long Thụ thì mọi sự vật trong hiện tượng giới đều là nhân duyên sinh, không có thực thể, do đó không thể nói là không, bởi vì nó vừa là màn che, vừa là dấu hiệu, qua đó chúng ta tìm tới thực tại. Cũng như ánh trăng dưới nước, tuy không phải là mặt trăng thật nhưng là dấu hiệu qua đó chúng ta tìm ra mặt trăng thật. Vì vậy chấp có hay chấp không đều sai. Câu 4 trong bản dịch thơ dùng chữ mơ màng có thể gây hiểu lầm. Phật tử không được có thái độ mơ màng đối với sự vật mà phải có cái nhìn thật sự cầu thị, không chấp hữu cũng như không chấp không, đều có đạo lý minh bạch chứ không có cái gì là mơ màng hết"*.

Trường hợp bài *"Thị tịch"*, bản dịch của Ngô Tất Tố cũng được Thượng tọa nhận xét đánh giá: *"Chỉ có câu đầu theo tôi là dịch đúng ý của tác giả. Ý tác giả là mùa thu về chim nhạn cũng bay về, cũng như thọ mệnh hết thì con người"*

cũng bay về, tức chết. Báo hay không báo cũng vậy mà thôi".

Dưới đây xin trích giới thiệu một số bài thơ và dịch thơ của Thượng tọa Thích Viên Thành

Tạm biệt chú đi tu (Trích)

"Chú ơi ơn nghĩa cháu không quên
Nguyễn chứng Chân Như sẽ báo đền
Chú ở lại nhà xây tổ nghiệp
Cháu đi cầu pháp cứu oan khiên
Kẻ vun cội Đức cho tươi tốt
Người đắp nền Nhân thật vững bền
Chú cứ yên tâm đừng có ngại
Cháu thế cố gắng quyết tu lên"

Tháng 1/1962

Tạm biệt quê hương (trích)

"Sáng nay hàng xóm tiễn chân đi
Nhìn lại quê hương biết nói gì
Vắng ác chưa lên còn tối đất
Bụi hồng chứa bọt tằm thanh y"

Tháng 6/1962

Nguyễn

I
Thấp trước Phật đài một nén hương
Rì rầm nguyện dưới bóng từ lương
Hữu tình tâm tối thể giọng đước
Hàm thức mê man quyết dẫn đường
Biển cõi trầm luân thành tịnh độ
Bắc cầu hành nguyện tới tây phương
Dù gian khó không lùi bước
Khoác áo Như Lai để tự cường.

II

Đã vì chân lý tới am mây
Còn có lo gì đắng với cay
Sắt thép bền tâm thể giữ đạo
Đá vàng vững chí nguyện ăn chay
Gió to sóng cả từng quen thuộc
Nắng lửa mưa tro đã dạn dày
Nhẫn nhục độ sinh theo gót Phật
Làm cho biển phúc được chan đầy.

Tháng 3/1965

Vịnh cây thông

Sống mấy trăm năm một cuộc đời
Mặc ai sầu héo vẫn vui tươi
Tuy thân đã dạn dày sương gió
Vẫn đứng hiên ngang tận đỉnh đồi.

Tháng 2/1966

Dịch thơ Thiền Sư Mãn Giác

Xuân đi hoa rụng tả tơi
Xuân về hoa lại khoe tươi đầy cành
Sự đời trước mắt qua nhanh
Cái già đã đổi tóc xanh trên đầu
Nhưng đừng tưởng hết xuân đầu
Đêm qua trước gió phơ mẫu bông mai.

Tháng 11/1968

Phong kiều Dạ Bạc (dịch thơ Đường)

Trăng lặn qua kèu sông nhuộm sương
Lửa chài gây bến giấc sầu vương
Thuyền ai ghé bến Cô Tô đậu
Trong viện Hàn Sơn vắng tiếng chuông.

Tháng 11/1968

Gặp các Nho Sĩ Già (Tặng nhóm nho sĩ Mai Lâm)

Từ lúc tôi vào Hương Tích tu
Được giao đón tiếp khách xuân du
Mới hay biển học nhiều thi bá
Càng rõ rừng nho lắm trượng phu
Nhân hiếu sáng ngời nền Khổng, Mạnh
Trung hoà rạng rỡ cửa Trinh, Chu
Nhà cổ vẫn còn người chống giữ
Hàn còn truyền lại đến ngàn thu.

Tháng 6/1969

5. Thượng Tọa Thích Trường Xuân

Thượng Tọa pháp danh Thích Trường Xuân, Sinh 13/12/1970, Tại Sơn Ninh, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, Xuất gia năm 1985 tại Chùa Thầy, (Trụ trì chùa Long Đầu), Thụ giới Thanh Văn năm 1992 chùa Văn Quán

Đã tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội - Khoa ngữ văn và là cử nhân Phật học. Thượng Tọa đã từng là uỷ viên thường trực kiêm trưởng ban hướng dẫn Phật tử nhiều khoá, là giảng viên trường trung cấp Phật học Hà Nội khoá 2, 3, 4, 6.

Hiện nay là uỷ viên thường trực kiêm trưởng ban hướng dẫn Phật tử Phật giáo Hà Nội, Thượng tọa Thích Trường Xuân đã có nhiều công lao xây dựng, tôn tạo môi trường cảnh quan thắng tích, chăm sóc sinh linh. Thượng Tọa đã qua lớp đào tạo ngắn hạn trình độ đạo diễn sự kiện lễ hội, lại có nhiều hiểu biết và khả năng trình diễn nghệ thuật cheo, thơ nên đã tổ chức hoặc giúp đỡ tổ chức lễ hội, văn nghệ, văn học nghệ thuật, thơ ca quê hương Chùa Thầy rất tốt. Thượng tọa rất quảng giao; thường xuyên tiếp kiến với Hội nhà văn, nhiều nhà văn nhà thơ, nghệ sĩ nổi tiếng. Đặc biệt năm 2012 Thượng tọa tổ chức thành công và có tiếng vang giao lưu thơ với các nhà thơ quốc tế Châu Á Thái Bình Dương tại chùa Long Đầu.

Thượng Tọa Thích Trường Xuân sáng tác nhiều thể loại thơ, văn xuôi, nghiên cứu. Các tác phẩm của Thượng Tọa được đăng in trên các báo và tạp chí ở Trung ương, chuyên ngành và địa phương. Hiện Thượng Tọa là chủ nhiệm danh dự câu lạc bộ Văn Học Nghệ Thuật Sài Sơn.

Năm 2013 -Thượng Tọa Thích Trường Xuân là tác giả bài thơ "Những tiếng Chuông Hồng" được đọc mở đầu cho Ngày Thơ Việt Nam - Nguyên Tiêu 2013 tại Văn Miếu Hà Nội do chính Thượng tọa tự trình bày, có ấn tượng và sức lay động lớn. Thơ của Thượng Tọa Thích Trường Xuân giàu hình ảnh gợi cảm, nhiều nhạc tính, dạt dào cảm xúc, tình yêu quê hương đất nước, yêu cảnh vật thiên nhiên và con người; Một tình yêu rất quảng đại, nhân văn và đậm dấu ấn, phong cách tu hành, Phật giáo.

Dưới đây xin trích giới thiệu bốn bài của Thượng toạ Thích Trường Xuân:

Những Tiếng Chuông Hồng.

Én liệng xuân trời cao
Nhẹ bay cánh hoa đào
Gió đùa lay cành biếc
Nụ chồi tràn sức xuân

Theo nhịp mỗi bước chân
Dập dờn sông núi hội
Tiếng biển xa hát gọi
Lời ca hoà chuông ngân

Đào xa trên biển biếc
Sóng trào dâng tím bờ
Oai hùng tiếng trống trận
Vọng về từ ngàn xưa

Cửa chùa xuân rộng mở
Đón hồn thiêng biển trời
Chín mươi triệu ánh mắt
Cùng nở hoa một lời

Chín mươi triệu lồng ngực
Chín mươi triệu chuông hồng
Đồng thanh cùng biển hát
Vinh hắng cho non sông.

Hồi sinh

Trong rừng sâu những chiếc lá lia cành
Cứ lặng lẽ trải mình qua năm tháng
Chẳng kêu ca chẳng đau đớn giận hờn
Rồi một ngày bình minh trong sáng hơn
Giữa đại ngàn một mầm non trỗi dậy
Toả màu xanh che kín khoảng trống xưa
Lá ngấm mình đã hoàn thành nhiệm vụ
Hoá thân mình cho sự sống ngày mai

Hoa xuân nở

Xuân về Làn Mát nở trắng hoa
Đại cũng chen chân một sắc hoa
Núi xanh gạo đỏ như tranh vẽ
Sài Sơn thực là bức gấm hoa
Chút hồn quê
Hè về nhớ bát canh chua
Nhớ canh rau bợ nấu cua, mẹ làm
Cơm ăn no bụng còn ham
Canh rau muống luộc chứa chan bao tình
Cà ngâm muối mặn trắng tinh
Gợi cho ta nhớ bóng hình của ai
Dù cho cách vạn đường dài
Xa quê vẫn nhớ bóng ai âm thầm
Hồn quê giữ trọn trong tâm
Xa quê mới thấy tình thâm quê nhà

Như chúng tôi đã đề dẫn: Chùa Thầy là một vùng trấm tích văn hoá rất phong phú và đa dạng cần được các nhà chuyên môn nghiên cứu, bảo tồn, khai thác sử dụng. Người viết bài này kiến văn nông cạn, dẫu chỉ mới đi vào một khía cạnh nhỏ đã cảm thấy khó khăn, bất lực. Mặc dù đã dựa trên nhiều tài liệu để tổng hợp và khảo cứu, xác minh song gặp nhiều vấn đề trở ngại, bất khả kháng. Chùa Thầy đã có 1000 năm nay, các thư tịch liên quan còn lại rất ít, các vị sư trụ trì từng thời kỳ ở đây không thể có tư liệu để biết hết. Dĩ nhiên những vị sư có đóng góp văn chương và học thuật càng không thể thống kê tìm hiểu. Với ý thức biết đến đâu nói đến đấy, lại dựa vào những tài liệu và thực tiễn để khảo cứu, chắc chắn bài viết không khỏi thiếu khoa học, rất có thể có chỗ cần được điều chỉnh, xin được lượng thứ. Hy vọng bài viết là một gợi ý nhu cầu cho những khảo cứu chuyên sâu và đầy đủ hơn của các tác giả khác. Trân trọng cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- "Chùa Thầy và Thiền Sư Từ Đạo Hạnh qua di văn Hán Nôm thời Lý Trần"- Nguyễn Thị Dung- Trường Phong
- "Tài liệu Hán Nôm về Chùa Thầy"- PGS TS Đinh Khắc Thuân. Viện nghiên cứu Hán Nôm.
- "Chùa Thầy Vi diệu"- Hoà thượng Thích Giác Toàn.
- "Thánh tổ Từ Đạo Hạnh trong bối cảnh Phật giáo triều Lý xứ Đoài"-PGS TS Nguyễn Hữu Sơn.Viện văn học
- "Chùa Thầy và thiền sư Từ Đạo Hạnh"- Hoà thượng Thích Gia Quang,Phó tổng thư ký hội đồng trị sự trung ương hội Phật Giáo Việt Nam
- "thiền sư Từ Đạo Hạnh và văn khắc chuông chùa Thiên Phúc"- Nguyễn Hữu Vinh dịch và giới thiệu, Thích Thiện Niệm đính chính.
- "Thuyền môn thi ký"- HT Thích Viên Thành
- "Danh thắng chùa Thầy"- Thích Viên Thành.
- "Tiểu sử Hoà Thượng Thích Viên Thành"- Thích Minh Hiến
- "Kỷ ức về Hoà Thượng viện chủ Chùa Hương với thiện nguyện giáo dục tăng ni phật tử"- HT Thích Thanh Ân



Ảnh: Thích Giác Thông



Toàn cảnh chùa Thấy - Quốc Oai - Hà Nội
Ảnh: Sơn Nam

Nhà sư Như Tùng và bài văn Phổ khuyến xây dựng Chùa Cao ở Sài Sơn

● Lưu Đình Tăng
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Chùa Cao là một ngôi chùa có danh tiếng nằm trên núi Sài thuộc khu vực chùa Thấy ở xã Sài Sơn huyện Quốc Oai tỉnh Hà Tây. Tương truyền chùa được xây dựng từ thời Lý, trong khu vực chùa còn có am thánh hóa, nơi thánh tổ Từ Đạo Hạnh thoát xác để có điều kiện quay lại trần thế ở ngôi Hoàng đế nhà Lý.

Phá tích và các tư liệu thành văn có ở chùa ghi nhận, chùa luôn có sư tổ kế đăng nên cảnh chùa thực sự trang nghiêm. Đến đầu thế kỷ XX này Hòa thượng Như Tùng là vị sư trụ trì ở đây. Pháp danh của Hòa thượng Thích Thanh Thi còn Như Tùng chỉ là tên hiệu, song dân địa phương vẫn quen gọi Hòa thượng là sư Như Tùng. Hòa thượng sinh và mất năm nào không rõ, chỉ biết năm 1906 khi sư tổ Minh Tâm viên tịch, thì Hòa thượng Như Tùng chính thức trở thành sư trụ trì

ở chùa Cao, cho đến năm 1940 Hòa thượng còn đứng ra hưng công san khắc bộ sách Sài Sơn thánh tích thực lục ghi chép sự tích Thánh tổ Từ Đạo Hạnh. Các tư liệu đó cho thấy Hòa thượng đã trụ trì ở đây suốt nửa đầu thế kỷ XX. Trong năm mươi năm đó Hòa thượng đã mang hết tâm sức lo liệu công việc của chùa, nào là xây tòa tam bảo, nào là tu sửa đường núi lên động, nào xây nhà thiêu hương, nào sửa am Thánh hóa... đặc biệt là việc in kinh sách. Có hàng chục bộ kinh sách viết về chùa Thầy hoặc có liên

quan đến chùa Thầy đã được in ở thời kỳ này như Sài Sơn Thánh tổ đại thừa chân kinh, Sài Sơn Thánh tích thực lục, Sài Sơn thi lục, Thánh tổ linh sám v.v... Kết quả của các việc làm đó đã khiến cho cảnh chùa ngày càng thu hút sự mến mộ của khách thập phương. Nhiều người đã ca tụng công đức ấy, chẳng hạn như Cử nhân Nguyễn Sư Hoàng khi được đọc tập Sài Sơn thi lục đã viết:

"Đáng khen thay nhà sư Như Tùng đã có chí có học lại có tâm với bảo tồn vốn cổ, thực đáng là hào kiệt ít thấy trong hàng Sa môn vậy".

Thật vậy Hòa thượng Như Tùng là một người có tâm với đạo với đời, chính Hòa thượng đã tự bộc bạch lòng mình trong bài văn phổ khuyến xây dựng chùa:

"Chùa Sài Sơn, là một cảnh danh thắng của nước Nam ta, ngàn năm về trước có đức thánh Từ tu luyện ở đó, tới nay dấu hóa vẫn còn, đâu đâu cũng đã biết tiếng. Nói cảnh thiên nhiên là một cảnh đẹp trong nước, vậy thì tô điểm non sông trong tổ quốc cũng là chức trách của quốc dân ta. Nay tôi theo cảnh thiên nhiên thêm công tu bổ để muốn công đức chung cùng thiên hạ, há phải bán danh cầu phúc mượn tôn giáo mà lấy sự lợi riêng đâu?"

Nguyên văn bài Phổ khuyến viết bằng chữ Nôm giới thiệu khái quát về những công việc mà Hòa thượng dự định sẽ làm trong tương lai, lời lẽ thực sự khẩn thiết thấm vào lòng người. Đọc đi đọc lại nhiều lần tuy đôi chỗ còn hạn chế về mặt tư tưởng, song chúng tôi nhận thấy rằng đây có thể coi là tư liệu Hán Nôm đáng trân trọng, không chỉ để nghiên cứu về một danh thắng chùa Thầy, mà còn có ích cho việc nghiên cứu Phật học đầu thế kỷ này. Do vậy xin được phiên âm, chú giải và giới thiệu toàn văn bài phổ khuyến đó.

Sơn tăng Như Tùng có lời kính khải⁽¹⁾ như sau này. Chùa Sài Sơn tôi nay có hưng công sửa sang việc phúc quả tương cũng là công trình lớn lắm. San khắc một bộ kinh mục⁽²⁾ là Sài Sơn thánh tổ đại thừa chân kinh; một bộ Linh sám; một tập thơ của các vị danh hiền để vịnh Sài Sơn xưa nay, mục là Sài Sơn thi lục, và tân chế hương án, cửa võng, hoành biển, đối liên các hạng, trụ tạo⁽³⁾ một tòa nhà tổ cùng sửa sang nội tự các sở, sửa một con đường từ chân núi cho lên đến chùa, phí tổn nhiều lắm mà hiện nay chùa có không được là bao, mong sao được hoàn toàn việc phúc. Đã vậy có câu rằng: *"Hợp mây nên mưa, tích đa thành áo"*. Lời đó là nhẽ thường, nhưng đương thời đại văn minh tiến hóa này, mà đem nói đến việc tôn giáo thần quyền, chẳng cũng què lắm, cổ lắm mà khó nói lắm ư? Song thiết nghĩ tự khai thiên lập địa tới nay, văn minh như Âu Mỹ cũng vẫn có thần quyền để duy trì nhân tâm. Cường thịnh như Nhật Bản ở Á Đông cũng vẫn suy diễn Phật đạo để mở rộng đường bác ái. Nước Nam ta bốn nghìn năm nay bao giờ cũng vẫn có thần quyền, tôn giáo. Đã có tôn giáo, thần quyền thì phải trọng âm chất⁽⁴⁾. Càng văn minh càng nên trọng thần quyền, có âm chất thì phải trọng tôn giáo, thế thì việc phật - thần chung, kính thờ chung tức là nghĩa vụ chung vậy. Phương chi chùa Sài Sơn là một cảnh danh thắng của nước Nam ta. Nghìn năm về trước có đức thánh Từ tu luyện ở đó, tới nay

dấu hóa vẫn còn, đâu đâu cũng đã biết tiếng. Nói cảnh thiên nhiên là một cảnh đẹp trong nước, vậy thì tô điểm non sông trong tổ quốc cũng là chức trách của quốc dân ta. Nay tôi theo cảnh thiên nhiên thêm công tu bổ, muốn công đức chung cùng thiên hạ, há phải bán danh cầu phúc, mượn tôn giáo mà lấy sự lợi riêng đâu? Xin đem việc phúc quả để kính đạt mấy các vị danh hiền, các nhà thiện tín, đã đăng lâm⁽⁵⁾, biết cảnh biết chùa, lại sẵn có hàng tâm hàng sản cùng phát tâm trợ cúng, thì may việc phúc quả cũng có thể viên thành được, nên dám có mấy lời kính tự. Còn như làm phúc được, báo ứng nhẽ thường thì tôi không phải nói. Nay kính khải.

Hải nội danh hiền thập phương thiện tín nhĩ giám⁽⁶⁾.

CHÚ THÍCH:

1. Khải: Trình bày, bẩm báo.
2. Mục: Đề mục, đề bài. Ở đây chỉ vào các bộ sách kinh được in.
3. Trụ tạo: Quy hoạch xây dựng.
4. Âm chất: Chỉ việc làm thiện ở cõi nhân gian thì bản thân và con cháu mai sau sẽ được hưởng nhiều phúc quả.
5. Đăng lâm: Tức là lên rừng, xuống biển, ý chỉ các cuộc du thường thắng cảnh non nước của các tao nhân mặc khách thời xưa.
6. Hải nội danh hiền thập phương thiện tín nhĩ giám: Kính xin các bậc danh hiền trong cả nước và thiện tín mười phương chứng giám cho.

Thông báo Hán Nôm học 1998 (tr.385-388)





Gốm sứ Việt Nam là những sản phẩm gia dụng phổ biến và đặc trưng của người xưa, đến nay các sản phẩm gốm sứ đã trở thành những tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao nhờ tính thời đại, tính hữu dụng, và tính thẩm mỹ tinh tế. Gốm sứ gắn liền với đời sống và phong tục của một xã hội lấy đạo Phật đi dưỡng tinh thần từ ngàn đời nay.

TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO qua nghệ thuật gốm sứ

● Diệu Hoà

Cuộc sống hướng về các giá trị chân - thiện - mỹ của thế hệ người Việt từ xưa đến nay trở nên lịch thiệp quý phái, tinh tế mà giản dị, họ cầm cái bát cái đĩa trên tay mà như hứng một đóa hoa đang nở. Những sản phẩm gốm sứ gia dụng xinh xắn, tinh xảo có niên đại nghìn năm đã thể hiện một phong cách sống nho nhã, không có chỗ cho sự phàm ăn tục uống trong xã hội Việt từ thời Lý - Trần, đó là thời điểm Phật giáo là Quốc giáo, và những giáo lý Phật Pháp giúp con người tiết chế sự ham thích trong năm điều: ăn uống, ngủ nghỉ, danh lợi, tiền bạc.

Ngày nay, những sản phẩm sứ mỹ nghệ, những cổ vật bằng gốm sứ đã trở thành những món quà ngoại giao lan tỏa tâm hồn cốt cách Việt đến bạn bè năm châu quốc tế, gốm sứ Việt Nam đang có giá trị tương xứng với tài năng và tâm hồn nhiều thế hệ nghệ nhân Việt Nam.

Sống trong xã hội từng ngày đô thị hóa, hiện đại hóa, với tâm nguyện được giữ lại cái đẹp tinh tế bình dị của văn hóa dân tộc, nhiều nghệ nhân làm gốm đã lặng lẽ phục hồi những giá trị ấy trên những sản phẩm gốm sứ bằng tất cả tài hoa, tâm hồn và tình cảm của người Việt Nam.

Để có thể cho ra một sản phẩm gốm hoàn mỹ, công đoạn vẽ đã khó, nung gốm càng khó khăn hơn. Các sản phẩm gốm được nung trong nồi gang với nhiệt độ từ 800 - 850

độ C, trong vòng 5 - 6 giờ đồng hồ. Tuy nhiên, trong quá trình nung phải điều chỉnh nhiệt độ thay đổi sao cho phù hợp với từng thời điểm. Có thể giá trị vật chất của các sản phẩm này không cao nhưng giá trị lao động nghệ thuật thì rất lớn. Sản phẩm gốm đất hay rẻ là phụ thuộc vào các họa tiết trên sản phẩm ấy kinh tế đến đâu chứ không phải lượng vàng hóa lỏng được dùng để vẽ nhiều hay ít.

Bởi vậy, những tuyệt tác nghệ thuật có niên đại hàng ngàn năm ấy đến nay vẫn có khả năng đánh thức giác quan của con người, không chỉ bằng những hình dáng hoa văn độc đáo tinh xảo, mà còn với những nền văn hóa văn minh nổi tiếng trên thế giới được thổi hồn vào tác phẩm. Một trong những nền văn hóa đó là Phật giáo - một nền giáo dục trí tuệ đã đồng hành cùng giá trị nhân văn trong đời sống tinh thần người Việt từ lâu đời.

Mọi chân lý của đạo Phật được thể hiện qua từng đường nét của bức tượng Quán Âm Sái Thủy thuộc thương hiệu Hải Đồ Cổ. Qua đây, ta thấy được Quán Thế Âm Bồ tát thường hiện diện trong tâm trí mọi thế hệ người Việt với những biểu tượng phong phú: nhánh sen trắng trên tay biểu tượng cho tâm từ sáng trong thanh khiết, một nhánh liễu mềm mại để Ngài ban trái giọt cam lộ xoa dịu nỗi đau khổ của nhân sinh tượng trưng cho hạnh nhãn nhục, vì giọt cam lộ đã biểu lộ của sự từ bi, còn

bình đựng trên tay người tượng trưng cho giới luật thanh tịnh nghiêm minh, cũng giống như một chiếc bình sạch mới đựng được nước cam lộ mát ngọt, thì người tu Phật cần giữ được giới luật thanh tịnh mới có thể nuôi dưỡng được tình thương yêu.

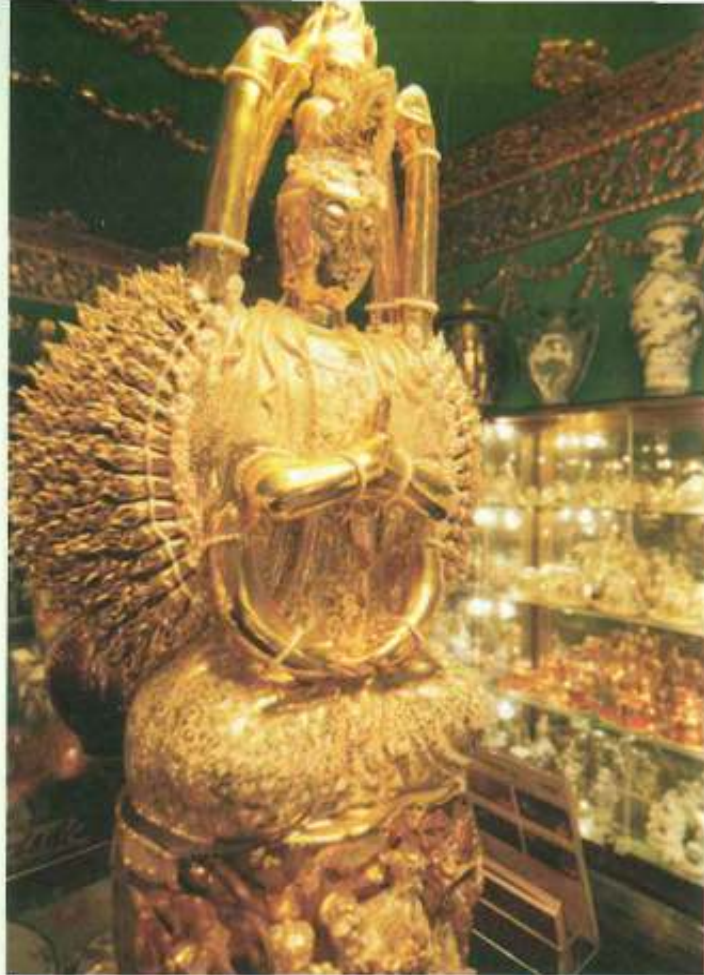
Bởi vậy Đức Phật mới dạy Giới luật là người Thầy thứ hai của Phật tử sau khi Ngài nhập Niết Bàn. Giới luật như hàng rào ngăn chặn con người không tự hủy hoại bản thân, cũng như không làm tổn hại đến cuộc sống vật chất và tinh thần của người khác.

Với những người bước đầu học Phật, chỉ cần họ giữ cho ý nghĩ, lời nói, việc làm của mình không làm tổn thương đến mọi người, đó đã là biểu hiện đầu tiên của sự từ bi. Bởi tâm từ là giúp người thêm vui, tâm bi là giúp người bớt khổ.

Con người vẫn còn luân hồi tái sinh ở cõi người mới cần hướng đến Tam Bảo để lãnh hội mưa Pháp từ bi và trí tuệ. Cũng tương tự hình tượng ba con rồng đang vật lộn quần thảo dưới chân Đức Quán Âm chính là tượng trưng cho những tầng lớp mọi thời đại trong nhân sinh đang đấu đá lẫn nhau để giành vị thế tốt nhất, mà vẫn chưa thể vượt qua được khổ đau và luân hồi. Nhưng khi giọt nước Pháp vị từ bình sai tịnh của Bồ tát chảy xuống đầu con rồng trên cùng và lọt xuống con rồng ở giữa rồi con ở dưới cùng, thì chúng lại sống hòa hợp và yêu thương nhất.

Có thể nói, điểm nhấn ấn tượng nhất của bức tượng chính là sự sáng tạo nghệ thuật bên dưới chân Đức Quán Âm Bồ tát để tạo ra tam long hỗn chiến, thay cho đài sen theo truyền thống. Nét thú vị ở đây là cấu trúc bên trong ba đầu rồng thông suốt nhau, để giọt nước tí tách bên trong tạo nên âm hưởng mang lại sự yên bình cho giác quan.

Một tác phẩm tâm linh tiêu biểu khác là LIÊN HOA HIỆP CHUỖNG: Theo tinh thần Phật giáo, hai bàn tay chắp lại trước ngực biểu thị lòng tôn kính, sự tập trung tư tưởng, thiền định, nhất tâm, tán dương và ca ngợi. Chắp tay có



Ảnh: Diệu Hoà



Ảnh: Diệu Hoà

ý nghĩa dung hợp các phạm trù đối lập, biểu tượng thật tướng của vũ trụ vạn pháp, tìm về với bản nguyên chân diện mục của pháp giới.

Nếu chắp tay mà tâm tịnh tại, không tán loạn, thiền định, dẹp bỏ mọi tạp niệm, quán tưởng Như Lai, thấy được vạn pháp dung thông, bất nhị ấy đã là chứng nhập vào cảnh giới Niết Bàn.

Như vậy, có thể thấy, khi bạn có thể cảm nhận thấy cái đẹp, cuộc sống của bạn sẽ không còn sự nhàm chán, buồn tẻ, hay bức mình nữa. Đạo Phật ra đời để mang lại an lạc, hạnh phúc cho nhân sinh. Vậy nên vẻ đẹp của Phật giáo được lưu giữ trong nghệ thuật gốm sứ của dân tộc Việt Nam quả thật là sự kết hợp hài hòa và bền lâu, chừng nào người Việt Nam vẫn còn trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống.



Ảnh: Diệu Hoà

Ảnh: Thích Giác Thông



Tuy Nam rất nghịch ngợm ở lớp nhưng là cái nghịch ngợm tuổi thơ “*Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò*” có thể chấp nhận được. Khi về nhà thì Nam vẫn là đứa trẻ đáng hoàng trong xóm, biết kính trên nhường dưới trong cái tình làng nghĩa xóm, nên mọi người rất quý mến Nam.

Lầm lúc tôi suy nghĩ, tại sao khi sinh hoạt trong đoàn thể GDPT thì Nam tỏ ra là một đoàn sinh Phật tử thông minh lanh lẹ và tháo vát, nhưng khi đến trường thì ngược lại, như có điều gì làm cản trở khiến sức học của Nam trở nên như vậy, ắt hẳn cũng phải có lý do? Nhưng cho dù là lý do gì đi nữa thì Nam cũng cần phải siêng năng hơn nữa mới có thể vươn tới đỉnh cao, chí ít cũng phải tốt nghiệp một trường đại học hay cao đẳng nào đó để kiếm việc làm tự nuôi sống bản thân. Nhiều khi tôi muốn đưa ra một vài câu hỏi xem Nam có ước mơ gì cho tương lai: “*Lớn lên Nam thích làm nghề gì?*” Nam ngập ngừng rất lâu mới có câu trả lời: “*Chưa biết trước chuyện ngày mai...hihihi!*”

Nam cười một cách thoải mái với câu trả lời lấp lửng, tôi không dám tiếp tục xoáy sâu vào câu hỏi như thế vì sợ bạn không vui.

Thời gian thấm thoát trôi qua, tôi và Nam lớn lên trong cái xóm nhỏ này và trở thành một cặp bạn thân thiết như

Người bạn ấy vị bọt tương lai

● Diệu Hiếu

Người bạn ấy có cái tên rất kêu: Võ Thiếu Nam.

Nam là đứa bạn thân thời thơ ấu của tôi. Ở cùng xóm, cách nhau vài nhà nên ngày nào Nam và tôi cũng gặp nhau kể cả ngày nghỉ học để cùng trao đổi bài vở.

Tuy chúng tôi chơi thân với nhau trong tình cảm bạn bè nhưng tính nết của hai đứa đối nghịch với nhau theo lời phê trong học bạ của giáo viên chủ nhiệm: Tôi, chăm ngoan, hiền lành; còn Nam thì ngược lại, học ở mức trung bình nhưng rất hiếu động. Tôi không quan tâm đến việc học yếu kém của bạn, đối với tôi, Nam vẫn là người bạn tốt, biết bảo vệ giúp đỡ bạn bè, luôn đứng về phía phải yếu để bênh vực mỗi khi bị bạn trẻ trong xóm bắt nạt.

hình với bóng, có chuyện gì Nam đều tâm sự với tôi, tôi bỗng nhiên trở thành vị quân sư của Nam trong mọi việc. Nam rất tin tưởng tôi, và ngược lại, tôi cũng thế, rất tin tưởng Nam vì Nam chưa bao giờ nói dối và nói xấu ai cả.

Rồi một ngày mùa đông đến, chúng tôi mới thi học thì lớp 11 xong, trên đường đi học về tôi thấy Nam có vẻ mặt buồn khác lạ, tôi tưởng Nam không làm được bài nên tôi hỏi: “*Nam có chuyện gì buồn hả? Làm bài không được hay sao?*” “*Không phải, Nam... muốn đi tu.*”

Rất ngạc nhiên khi nghe Nam nói câu này. Chủ nhật hàng tuần, chúng tôi đi chùa sinh hoạt GDPT đều đặn là chỉ để tu tập thành người tốt, chưa khi nào nghe Nam nói

đến việc đi tu, bỗng nhiên người bạn thân thiết của tôi làm cho tôi hết sức bất ngờ: “Sao! Muốn đi tu thiệt hả? Từ hồi đến giờ đâu nghe nói gì? Bạn nói giỡn hả?”

“Nói thiệt luôn đó! Nam đã suy nghĩ kĩ rồi. Tự nhiên Nam thấy chán cuộc sống này lắm! Quá vô vị, không có ý nghĩa gì cả, cho nên Nam muốn tìm kiếm con đường giải thoát bản thân.”

Cả hai đứa im lặng trên quảng đường về.

Vài ngày sau Nam tâm sự:

“Khi nghe Nam nói đến ý nguyện đi xuất gia thì mẹ Nam khóc quá trời bởi Nam là con trai độc nhất trong nhà, mẹ quyết liệt từ chối...”

Đúng như vậy, nhà chỉ có ba mẹ con, Nam có một đứa em gái, Nam đi rồi để mẹ ở nhà với đứa em gái bé nhỏ, không đành lòng cho lắm! Nam vốn là một cậu bé rất thương mẹ, nhưng ý nguyện xuất gia quá mãnh liệt không thể cưỡng nổi, cho nên Nam đã cố gắng thuyết phục được mẹ. Nam hơn hờ thông báo với tôi:

“Mẹ Nam đã đồng ý, ngày mai Nam đi rồi.”

Té ra, việc liên hệ với ngôi chùa mà Nam muốn đến tu học, Nam đã bí mật lo trước đầu vào đấy cả rồi. Tôi cảm thấy hụt hẫng và hơi buồn một chút vì từ nay trên đường đi học không có ai để trò chuyện. Không sao! Đó là thiện duyên của Nam, tôi đâu có dám ngăn cản, chỉ biết cầu mong cho Nam thực hiện được chí nguyện cao cả của mình. Hóa ra những gì tôi đã từng nghĩ đều không đúng, một người nghịch ngợm như Nam tưởng như không thể đi tu được, cũng có thể biến thành một chú tiểu như thường.

Một ngày cuối đông, trời mưa lất phất, tôi và gia đình tiễn Nam lên tàu vào một ngôi chùa ở thành phố Nha Trang để bắt đầu tu học. Mẹ và em gái Nam không thể ngăn được giọt lệ dâng trào, còn tôi mặc dù rất buồn nhưng cố làm vui bằng nụ cười chia tay, cầu chúc Nam gặp được duyên lành tu hành tinh tấn, theo con đường ánh sáng huyền diệu của Đạo vàng.

Trên sân ga bỗng xuất hiện người bố dượng của Nam với lời lẽ thô lỗ:

“Sao bà lại để cho thằng Nam đi tu, lấy ai chăm sóc bà khi đêm hôm trở trời hơi gió?”

Ông bố dượng chỉ vào Nam mà mắng: “Mày là đứa con bất hiếu!...Mày là thằng con trai không ra gì...”. Mùi men rượu trong ông đã ngấm khiến ông mắng mẹ con Nam đập dồn...

Cuối cùng Nam cũng lên tàu ra đi.

Tôi chợt hiểu được nỗi buồn sâu kín của Nam trong lúc này, bố dề của Nam đã mất lâu rồi, mẹ Nam đi thêm bước nữa và có cô em gái, nhưng người bố dượng sống với bà vợ chính của ông, lâu lâu ông mới sang nhà Nam, hầu hết đều trong tình trạng say như say nay tiễn Nam lên tàu. Nam đã lớn lên trong hoàn cảnh như vậy đó. Thật buồn! Có lẽ đó là một trong những lý do mà Nam chán chường nhất trong thời gian gần đây.

Thời gian đầu làm tiểu, Nam viết bức thư đầu tiên cho tôi:

“Nha Trang chiều đông! Bạn thân mến! Cuộc sống nơi

đây còn nhiều mới lạ nhưng dần rồi cũng quen, Nam có một gia đình mới là gia đình Đạo, có một nhà mới là ngôi chùa đẹp, nằm giữa lòng thành phố, có Sư thầy và Sư huynh luôn giúp đỡ và dạy bảo cho Nam. Nếu như bây giờ bạn có gặp Nam trên đường với cái đầu cạo nhẵn chỉ chừa một chòm tóc đằng trước và cái áo nhật bình màu lam rộng thùng thình, thì bạn sẽ không tài nào nhận ra Nam trong bộ dạng này đâu.”

Chúng tôi cứ thư đi tin lại để động viên nhau. Nam bình an trên con đường Đạo, còn tôi bình an trên con đường Đời. Thời gian cứ thế trôi qua, những bức thư thưa dần, bằng đi 8 năm tưởng chừng như chúng tôi đã quên nhau vì đạo đời cách trở; bỗng dưng một ngày nọ, có một số máy lạ gọi cho tôi, khi cầm máy mới biết đó là Nam. Giọng nói thân quen và ấm áp của Nam ngày nào vọng về, không thể lẫn vào ai được:

“Bạn đó à! Có nhận ra ai đây không?”

Cái giọng thân quen ấy dù có lai tiếng Nha Trang chút đỉnh, nhưng không khó để nhận ra người bạn thân thiết của tôi thời ấu thơ. Nam được sư phụ cho về thăm nhà. Vậy là chúng tôi gặp nhau sau nhiều năm xa cách. Bộ dạng của Nam bây giờ, làm cho tôi suýt nữa tôi không thể nhận ra người bạn học trò bé bỏng ngày xưa của mình. Vóc dáng cao to, chững chạc, nói năng điềm đạm ra dáng một sư thầy trẻ. Nam không còn cái vẻ lì lợm ngày xưa mà thay vào đó là cái uy nghi, ung dung và hiền từ.

Tôi lúng túng không biết phải xưng hô như thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh hiện tại giữa tôi và “Thầy Nam”. Như thói quen thường lệ hằng gặp một vị thầy hay sư cô là chấp tay vái chào “Mô Phật”, tôi cũng chào Nam như vậy.

Nam kể chuyện rất dài, chặng đường tu học tuy gặp nhiều chướng ngại, nhưng Nam đã vượt qua được; và cái chướng ngại vẫn còn ở phía trước con đường Đạo mà Nam đang tiến bước độ sanh. Có ai ngờ, Nam đã tốt nghiệp cử nhân Học Viện Phật Giáo, Chuyển về thăm nhà gần gũi lần này, khi vào Nam sẽ nhận chức Trụ Trì một ngôi chùa ở ngoại ô thành phố.

Những tia nắng ấm áp, dịu nhẹ của ngày mới, những nụ hoa khoe sắc thắm, những chú chim non đang hót líu lo, chuyển cảnh trên cao báo hiệu một ngày tươi đẹp đang tới, lòng tôi rộn vui với một tâm trạng phấn chấn lạ kỳ khi đến chùa lễ Phật cùng người bạn học trò đã trở thành tu sĩ. Tôi hỏi Nam một câu mà tôi đã ấp ủ từ lâu:

“Tại sao Nam đi tu?”

Nam đáp ngay mà không cần suy nghĩ:

“Mình đầu thai xuống kiếp này là để đi tu! Hìhì!!!!... Vậy thôi!”

Tôi nhìn Nam, với ánh mắt kính phục:

“Nam giỏi lắm! Nam hơn mình nhiều lắm!”

Hai chúng tôi một người xuất gia và một người tại gia chừng như đã hiểu nhau, nhìn nhau mỉm cười. Bên ngoài lấp lánh nụ hồng lá non tơ, dịu dàng một nỗi vui hội ngộ. Trong đầu tôi như vẫn còn vang vọng câu trả lời của Nam:

“Mình đầu thai xuống kiếp này là để đi tu!”

Người bạn ấy sẽ là một vị Bụt tương lai!

ĐẠO TRÀNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO PHẬT



Ảnh: HK

Trong Phật giáo, đạo tràng có nguyên nghĩa phát sinh từ thời đức Phật tại thế. Nguyên tự trong Phạn ngữ là Bo-dhi-manda, Hán ngữ dịch là đạo tràng, với ý nghĩa chỉ nơi đức Phật thành đạo, tức tòa Kim Cương dưới gốc Bồ đề bên dòng sông Ni Liên Thiển, miền Trung Ấn Độ. Vì vậy, đạo tràng còn có tên gọi khác là pháp tọa.

Về ý nghĩa theo nghĩa sự tương trực quan, thì đạo tràng là nơi hành đạo, thuyết pháp, truyền giới, thọ bát, cúng dường... của các nhà sư. Nói chung là những gì mang tính cách hình thức trong việc làm Phật sự đều gọi chung là đạo tràng. Như vậy, ở nghĩa này, đạo tràng mang tính địa lý, không gian gắn với sự hành đạo của các tu sĩ Phật giáo.

Theo tìm hiểu trên các trang mạng về Phật giáo, hiện nay có các đạo tràng có đông thành viên như: đạo tràng Pháp Hoa miền Bắc, đạo tràng Quang Minh, đạo tràng Bát quan trai, đạo tràng Phật Quang...

Hình thức và mục đích thành lập đạo tràng cũng rất đa dạng. Có đạo tràng chuyên đi làm từ thiện, có đạo tràng niệm Phật, có đạo tràng để tham gia khóa thiền, đạo tràng chuyên đi làm phóng sinh; có cả đạo tràng trên các trang mạng xã hội với các tiêu chí khác nhau... Trong sinh hoạt hiện nay của đạo tràng trong Phật giáo thường do một hoặc nhiều vị sư chỉ dạy, thường được diễn ra trong phạm vi một ngôi chùa.

Các hoạt động sinh hoạt của đạo tràng nhằm giúp cho các thành viên nâng cao trình độ hiểu biết về Đạo pháp, gây dựng lòng tin vững chắc đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có ý thức tôn trọng và kính ngưỡng Chư tôn

đức tăng ni.

Tổ chức và hoạt động của đạo tràng được thực hiện trên cơ sở tuân thủ Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và quy chế sinh hoạt của cơ sở thờ tự tại nơi đạo tràng sinh hoạt

Các hoạt động sinh hoạt của đạo tràng phải được tổ chức định kỳ, thường xuyên vào ngày nhất định hàng tuần, hàng tháng... Nội dung sinh hoạt cụ thể gồm có học nghi lễ, tụng kinh, niệm Phật, trao đổi chia sẻ Giáo lý, tập văn nghệ, sinh hoạt tập thể, thăm quan di tích danh lam thắng cảnh... với các hình thức sinh hoạt phong phú, phù hợp với từng thời kỳ và đối tượng.

Đạo tràng phải có Tôn chỉ và nguyên tắc hoạt động, các thành viên khi tham gia đạo tràng phải đầy đủ tiêu chuẩn quy định; phải có cơ cấu tổ chức; bên cạnh đó, đạo tràng



Ảnh: HK

phải có chức năng nhiệm vụ rõ ràng được ghi trong Nội quy; minh bạch trong tài chính; có hình thức kỷ luật cũng như khen thưởng các thành viên, tổ chức có các thành tích trong hoạt động...

Giáo hội nên tạo điều kiện, xây dựng khung pháp lý để hướng dẫn việc xây dựng và thành lập tổ chức đạo tràng quy mô toàn quốc.

Bên cạnh đó, công tác quản lý sẽ nảy sinh những khó khăn, phức tạp, đòi hỏi khâu tổ chức, nội quy, quy định phải cụ thể, rõ ràng.

Hy vọng trong tương lai không xa, ở Việt Nam sẽ có những đạo tràng quy tụ được hàng trăm ngàn, hàng triệu thành viên tham gia sinh hoạt Phật sự theo đúng Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

An Nga

HÀNH TRÌNH VỀ ĐẤT PHẬT



Ảnh: NHK

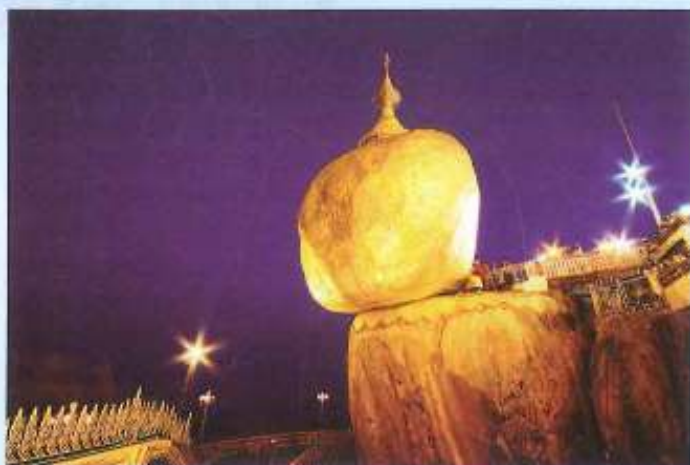
Công ty Alsimexco với những tour hành hương và tham quan các thánh địa Phật tích tại Ấn Độ, Sri Lanka, Myanmar... sẽ đưa Quý khách về vùng đất Phật linh thiêng, huyền bí...

Hành trình chiêm bái Phật tích Tứ Động Tâm tại Ấn Độ - Nepal: Ý tưởng một chuyến hành hương về xứ Phật cũng xuất phát do chính đức Phật nói ra trong kinh Đại Bát Niết Bàn, khuyên răn những đệ tử thành kính nên một lần thăm viếng bốn nơi quan trọng nhất liên quan đến cuộc đời Ngài đó là: vườn Lâm Tỳ Ni - Nơi đức Phật Đản sinh; Bồ Đề Đạo Tràng - Nơi đức Phật thành Đạo; vườn Lộc Uyển - Nơi đức Phật chuyển Pháp Luân; Câu Thi Na - Nơi đức Phật nhập Niết Bàn.

Hành hương xứ Ấn Độ - Nepal cũng là dịp để chúng ta tìm hiểu và chiêm nghiệm sâu hơn về cuộc đời đức Phật và những giá trị cao cả Ngài để lại.

Hành trình chiêm bái đất nước Myanmar: Nơi đây với những công trình chùa Tháp Vàng rực rỡ; với hình ảnh Tăng đoàn các vị sư áo đỏ; nơi Phật giáo mang lại giá trị tinh thần vô giá.

Ảnh: MP



Ảnh: AP

Mỗi bước chân trên đất nước Myanmar đều là những giây phút đáng giá và đáng nhớ, bạn có thể chạm tay vào những ngôi chùa vàng linh thiêng, quỳ trước tượng Phật và chiêm bái, chiêm nghiệm những triết lý sâu sắc khi đến với đất nước Myanmar.

Hành trình chiêm bái Quốc bảo của đất nước Sri Lanka: Chiêm bái chùa Dalada Maligawa (*Negombo - cổ đô Kandy*) - Di sản Văn hoá của Thế giới hiện đang thờ Xá lợi Răng của đức Phật - ngôi chùa mà bất cứ người con Phật nào cũng muốn một lần được đến thăm. Nơi đây chính là cung điện của các triều đại, sau này khi chuyển kinh đô về Colombo, mới quyết định dùng cung điện chính nơi đức Vua ở để tôn trí Xá lợi Răng đức Phật. Đây là một trong hai bảo vật quốc gia của đất nước Sri Lanka, bảo vật thứ hai chính là cây Bồ đề có nguồn gốc từ chính cây Bồ đề nơi đức Phật Thành đạo ở Bodhgaya, Ấn Độ.

Hãy cùng Alsimexco đến với đất nước của những thánh tích Phật giáo để lang thang trên những dấu tích ngả màu thời gian, cảm nhận sự yên bình, tĩnh lặng tại vùng đất thiêng, và để một lần đắm mình trong buổi hoàng hôn rực rỡ ánh vàng huy hoàng, lộng lẫy trên nền trời xanh. Đó chắc chắn là vẻ đẹp mà nếu chưa chứng kiến một lần, bạn không thể nào hình dung và cảm nhận được.

Khánh An

Mọi chi tiết liên hệ:

Trung tâm Thương mại Du lịch và Dịch vụ Hàng không - Alsimexco Flight Centre

Địa chỉ: Số 01 ngõ 200/10, Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (844) 38224468 / 69

Fax: (844) 38224467

Email: dulichtamlinh@alsimexco.com

Website: www.alsimexco.com



Đại đức Thích Thanh Cường phát quà cho các cháu nhân ngày Tết trung thu

ĐẠI ĐỨC THÍCH THANH CƯỜNG TẮM LÒNG TỪ BI NƠI CỬA PHẬT

Đại đức Thích Thanh Cường - Chánh Văn phòng BTS GHPGVN tỉnh Hải Dương, Trưởng BTS GHPGVN huyện Tứ Kỳ, trụ trì chùa Cương Xá (xã Tân Hưng, Tp. Hải Dương) là một tấm gương tiêu biểu của Phật giáo Hải Dương trong các công tác từ thiện và xã hội.

Trong những năm gần đây với tinh thần từ bi cứu khổ, hành Bồ tát đạo với lòng nhiệt huyết của một tu sĩ trẻ, Đại đức luôn đã tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội như: thăm tặng quà các gia đình chính sách; trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó; ủng hộ quỹ khuyến học; tặng giếng nước hợp vệ sinh cho cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn... với tổng số tiền mỗi năm lên đến hàng trăm triệu đồng.

Bên cạnh đó Đại đức cũng tích cực ủng hộ các hoạt động từ thiện nhân đạo do UBMTTQ các cấp phát động cũng như công tác từ thiện nhân đạo khắp nơi trên đất nước. Đại đức tham gia các tổ chức xã hội: Ủy ban MTTQ cấp huyện, cấp xã; Đại biểu HĐND 2 cấp; Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ huyện Tứ Kỳ; Ban Chấp hành Hội Liên hiệp thanh niên tỉnh Hải Dương.

Nhiều năm qua, với những đóng góp, cống hiến cho công tác xã hội và hoạt động nhân đạo, từ thiện tại địa phương cũng như các nơi Đại đức Thích Thanh Cường đã được nhận nhiều Bằng khen, Giấy khen, và Huy chương của UB MTTQ T.Ư, cấp tỉnh, cấp huyện trao tặng.

An Hùng



Bà Trương Thị Nở, Phó ban từ thiện TWGHPG Việt Nam
Ảnh: Khánh Ly

Ngay từ lần đầu gặp người phụ nữ ấy, tôi đã không khỏi thán phục trước sự dẻo dai và vẻ đẹp phúc hậu hiếm có ở độ tuổi gần thất thập, ở cô toát lên khí phách của một Doanh nhân thành đạt nhưng lại vô cùng gần gũi và đáng kính. Không quá khi tôi phải thốt lên rằng: “Dường như dấu chân thời gian chưa bao giờ đi ngang cuộc đời cô vậy”. Mọi người tán dương nét phúc hậu của cô, tuy nhiên họ lại khâm phục tấm lòng thiện nguyện của cô nhiều hơn nữa

CÔ BẢO NỞ TÂM BỒ ĐỀ DÂNG PHẬT

Là một Phật tử thuần thành, luôn áp dụng lời Phật dạy: “Phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”, cô đã cống hiến gần như cả đời người vì niềm vui và nụ cười của những mảnh đời bất hạnh, đặc biệt là các nạn nhân chất độc da cam/dioxin. Không ai xa lạ, cô chính là Trương Thị Nở - Phó ban từ thiện TƯ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội cứu trợ trẻ em tàn tật TP. HCM, Ủy viên BCH TƯ Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin Việt Nam, Phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh Thái Bình, kiêm luôn Giám đốc Trung tâm dạy nghề và Giám đốc Quỹ của Hội.

Sinh ra tại vùng đất Thái Bình giàu truyền thống anh hùng nhưng cũng lắm đau thương vì ảnh hưởng của chất

độc màu da cam để lại cho thế hệ sau quá lớn, cô Trương Thị Nở từ lâu luôn canh cánh trong lòng nỗi đau về những cuộc đời không trọn vẹn. Khi thấy cô bỏ ra hàng tỷ đồng để làm từ thiện, nhiều người thấy lạ, thậm chí còn... nghi ngờ, nhưng trên hết là một sự thán phục tột cùng. Thực ra, những việc làm của cô xuất phát từ cái tâm, cái đức trong sáng, giúp đỡ những người bất hạnh, người già neo đơn, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, nạn nhân chất độc da cam... với một nỗi buồn đau để họ thấy mình không đơn độc. Đã đi qua gần hết cuộc đời, với cô, tình thương và tấm lòng từ thiện đã trở vượt trên muôn ngàn danh hiệu và địa vị, nó gần như trở thành phương châm sống duy nhất của mình. Tấm lòng và bước chân từ thiện



Ảnh: Khánh Ly

của cô đã in dấu trên mọi nẻo đường của đất nước Việt Nam, chưa nơi nào có người nghèo và nạn nhân chất độc da cam đang chờ đợi mà chưa có cô hiện diện. Từ mũi Cà Mau xa xôi, vùng rừng núi Tây Nguyên heo hút, đến miền Trung nắng gió, thiên tai hay Trường Sa, Côn Đảo, Phú Quốc... bất chấp thời tiết, chỉ cần có người cần mình là cô lại đi.

Suốt 25 năm trần trở cùng nỗi đau của những nạn nhân chất độc da cam và người nghèo trên khắp đất nước, khoan nói về những đóng góp vật chất, chính tấm lòng thiện nguyện của cô xứng đáng được muôn người tôn vinh, thán phục. Thế nhưng, chưa bao giờ cô muốn được tung hô hay ca ngợi, cô cứ lặng lẽ và cần mẫn chia sẻ, giúp đỡ cho hết thảy mọi người. Hàng năm, cô cùng Hội cứu trợ trẻ em tàn tật TP. HCM vận động tài trợ và tài trợ cho các chương trình từ thiện để thăm khám, phát quà, mổ miễn phí cho trẻ em tàn tật, đặc biệt là mẹ Việt Nam anh hùng, thương bệnh binh và các gia đình chính sách tại vùng sâu, vùng xa trên cả nước. Cô đứng ra kêu gọi và kết hợp với các bác sĩ có tâm tài trợ cho những chương trình từ thiện do Hội cứu trợ trẻ em tàn tật TP.HCM tổ chức, cá nhân cô đóng góp 10% - 15% chi phí cho mỗi chuyến đi. Bên cạnh đó, với vai trò là Phó Ban từ thiện TƯ GHPGVN, cô còn kết hợp với các nhà tài trợ, các tổ chức Phật giáo (tiêu biểu là Tổ đình chùa Vĩnh Nghiêm - Q.3, TP. HCM) cùng cầu siêu vong hồn những liệt sỹ tại khắp các nghĩa trang cả nước, hỗ trợ cúng dường các Đại lễ của GHPGVN. Ngoài ra, cô cùng Ban Từ thiện GHPGVN còn tổ chức tặng quà, tặng trâu bò, quần áo cho đồng bào vùng sâu, vùng xa và tham gia vận động mấy chục ngàn phần quà trị giá 1 triệu - 1.5 triệu đồng để cứu trợ đồng bào miền Trung bị bão lụt. Đặc biệt, với cương vị Ủy viên BCH TƯ Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin - Phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh Thái Bình, cô trăn trở và thương cảm nhất đối với những nạn nhân Dioxin. Nhiều năm qua, cô đã vận động tài trợ và tài trợ tặng sổ tiết kiệm cho Mẹ Việt Nam anh hùng (trị giá 5 triệu đồng mỗi sổ) và tặng quà cho hàng chục ngàn nạn nhân chất

độc da cam trên cả nước với số tiền rất lớn. Không kể mưa gió, đường xa cách trở, bất chấp gian nan, cô luôn tự mình đến tận nơi để chia sẻ và thăm hỏi từng người, từng hoàn cảnh. Tháng 7 vừa qua, cô đã đồng hành cùng "Hành trình về với mẹ" trao 1.000 phần quà trị giá hơn 1 tỷ đồng do các Doanh nghiệp đóng góp đến từng gia đình Mẹ Việt Nam anh hùng, mẹ liệt sỹ, các mẹ đang sống tại các cơ sở nuôi dưỡng, gia đình có trẻ em khuyết tật để tìm hiểu tình hình, tặng quà và lập danh sách với mục đích tổ chức hỗ trợ lâu dài. Bên cạnh đó, cô cũng tham gia Quỹ Vũ A Dính dưới sự điều hành của bà Trương Mỹ Hoa - Nguyên Phó chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao học bổng cho học sinh sinh viên dân tộc thiểu số nghèo, học giỏi, phấn đấu rèn luyện tốt trong cả nước.

Bản thân cô là bộ đội, chồng cô là cựu chiến binh, anh và em trai lại là liệt sỹ nên cô hiểu và cảm thông sâu sắc nỗi đau tinh thần và cả thể xác của nạn nhân chất độc da cam. Phải đến tận nơi và nhìn tận mắt những số phận đáng thương do ảnh hưởng từ chiến tranh như cô thì chúng ta mới có thể cảm nhận sâu sắc những đau đớn mà các nạn nhân Dioxin đang gánh chịu. Trong lòng cô luôn đau đáu về những mảnh đời bất hạnh, khi ăn cũng như lúc ngủ, trong đầu cô luôn nhớ về họ để dặn lòng bớt sân si và kêu gọi mọi người chung tay giúp đỡ. Cô chia sẻ: *"Những người tàn tật bẩm sinh, ít ra thì họ không chịu nhiều đau đớn về thân xác, còn những nạn nhân chất độc da cam thì họ phải gánh chịu những nỗi đau da thịt quá lớn. Có gia đình, cả 3 thế hệ đều tật nguyền, hình hài không trọn vẹn. Có em bị lở loét toàn thân, da thịt bị bong tróc từng mảng. Cũng có em cơ thể bị co rút, suốt đời mang hình hài của một đứa trẻ. Phải chi họ khỏe khạo, không biết suy nghĩ thì còn đỡ khổ, đằng này họ vô cùng mình mẫn, mà càng mình mẫn lại càng đau, càng cay đắng cho số kiếp của mình. Cô chịu không nổi con ơi!"*. Nói đoạn, cô bèn buông một tiếng thở dài thương xót đầy trắc ẩn. Nói không ngoa, tôi cảm nhận dường như cô đang đau cùng nỗi đau của họ. Mỗi năm, cô ở nhà chỉ hơn 1 tháng, quỹ thời gian còn lại của cô dành toàn bộ cho công việc thiện nguyện và cúng dường, cầu siêu. Trời Phật thương, may mắn là sức khỏe cô rất tốt, càng đi nhiều, cô càng thương nhiều và chia sẻ nhiều hơn nữa. Ấu, đó chính là cái "nghiep" mà Đức Thế Tôn đã ban cho cô vậy!

Đức Phật có dạy: *"Hạnh phúc lớn nhất của đời người là bố thí"*. Sự san sẻ yêu thương mà Ngài đã dạy chính là con đường ngắn nhất để xóa tan mọi đổ vỡ, nỗi phiền những khoảng cách và xoa dịu những đau thương, mất mát. Sống theo cách sống yêu thương của Ngài và sẽ chia hết những gì mình đang có, với tấm lòng thiện nguyện cao cả của mình, cô Nữ xứng đáng được mọi người tôn vinh và thán phục. Thế nhưng, người Phật tử tốt lành ấy chưa bao giờ muốn được ca ngợi, cô làm việc thiện bởi vì tự cô thấy mình cần phải làm thế, thiết nghĩ đó chính là món quà tốt đẹp nhất, cao cả nhất cô dâng tặng Ngôi Tam Bảo của mình. Thế gian này, thử hỏi, có được mấy người đã yêu thương hết thảy được như cô?

Khánh Ly

CHÙA LINH ỨNG - NAM ĐỊNH

NƠI NƯỞNG TỰA CỦA NHỮNG MẢNH ĐỜI



“Cứu một mạng người hơn xây bảy tòa tháp”, hiểu thấu lời dạy đó của đức Phật, hơn 25 năm qua, thầy Thích Đàm Bích đã cứu mang hơn 120 con người, mang lại mái nhà bình yên cho hàng chục cụ già bất hạnh. Ngôi chùa Linh Ứng tọa lạc ngay giữa thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu (Nam Định).

“Trong cuộc đời con người luôn tuân theo luật nhân quả, khi mất đi sẽ trở về với cát bụi, chỉ còn tấm lòng thiện nguyện là còn mãi với đời”, Thầy Thích Đàm Bích - trụ trì chùa Linh Ứng tâm niệm. Nhờ vậy mà hiện nay, hàng chục mảnh đời cơ nhỡ, bất hạnh đã có chốn lui về.

Thầy Bích, quê ở Hải Dương, tục trần gọi là Lê Thị Hồng sinh năm 1955, mồ côi cha mẹ từ sớm. Bà lưu lạc tới mảnh đất Thịnh Long, huyện Hải Hậu (Nam Định) vào năm 1968 với nhiều duyên nợ và quyết định xuất gia từ năm 13 tuổi.

Nhớ lại 25 năm về trước, trong một đêm rét mướt khi đang niệm Phật, bỗng nghe thấy tiếng khóc vọng tới từ ngoài cổng chùa. Thấy ra cổng thấy một cháu bé mới lọt lòng được quấn tã trong chiếc tã mỏng đang nằm khóc cùng với dòng chữ nguệch ngoạc *“nhờ thầy cứu mang cháu”*. Từ ngày đó cháu bé ở lại chùa với cái tên Phạm Văn Tiến. Ngày ngày, dưới bàn tay chăm sóc của các sư mẫu, đến nay Tiến đã có trong tay tấm bằng đại học. Mỗi khi có thời gian rảnh rỗi, anh lại trở về chùa thăm và phụ giúp các sư chăm lo cho đàn em cùng cảnh ngộ.

Gần đây nhất, trong một buổi trưa hè oi ả, đột nhiên có tiếng chuông điện thoại: *“Nhà sư nhanh ra cổng mà nhận*

quà, nếu không sẽ có người đến lấy mất”. Trước cổng chùa, một bé trai đang ngằn ngặt khóc với cái nhau thai chưa được cắt bỏ. Ngay lúc đó, các sư mẫu đã đưa bé tới bệnh viện huyện để các bác sĩ chăm sóc. Cháu bé đau ốm liên miên, mọi người trong chùa phải cắt cử nhau ra Hà Nội chăm sóc. Nhưng đến nay, bé đã lớn và đúng là *“trời Phật phù hộ”*, cậu bé đã chập chững bước những bước chân đầu tiên trên nền gạch sân chùa. Lòng thầy Bích như ấm lại.

Hằng ngày, các sư trong chùa vẫn động viên nhau, có rau ăn rau, có cháo ăn cháo, nhưng vẫn phải lo đủ bữa cho các em. Không thể để các cháu thất học, thầy Bích đã mạnh dạn đề nghị được mở lớp dạy tình thương cho các em nhỏ ngay trong chùa và được chính quyền địa phương đồng ý vào năm 2006. Vậy là, các em không chỉ được ăn mà còn được học và theo đuổi con đường tri thức của mình.

Từ 4 tuổi, các em được cho đi học mẫu giáo rồi lên tiểu học, trung học, đại học... Vất vả là thế nhưng đến nay có không ít các em đã tốt nghiệp đại học với tấm bằng loại khá, giỏi như em Phạm Văn Tiến tốt nghiệp ngành Du lịch, em Trần Thị Hương với ngành học Tài nguyên môi trường... và hiện vẫn còn hàng chục em đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng. Thấm nhuần được nỗi vất vả của thầy Bích nên các em đều tự bảo ban nhau học hành, anh đi trước thì bảo em đi sau, cứ thế nối tiếp truyền thống hiếu học trong ngôi chùa này từ nhiều năm nay.

Mặc dù vẫn biết còn nhiều khó khăn, nhưng thầy Bích vẫn mời giáo viên của Trường THPT Thịnh Long vào giảng dạy lớp học thêm tiếng Anh trong chùa (*học vào buổi sáng và chiều chủ nhật hằng tuần*) nhằm nâng cao kiến thức cho hơn 20 em nhỏ. Hiện nay, chùa đang có hơn 30 người đang theo học ở Hội Phật giáo.

Ngày ngày, các sư thầy trong chùa vẫn làm hương thơm, cấy lúa, trồng lạc, trồng rau... làm phí sinh hoạt hằng ngày. Cụ Trần Thị Dung năm nay 70 tuổi tâm sự trong nước mắt: *“Tôi vào chùa sống đã được hơn 20 năm nay và chưa thấy ai tốt như sư thầy Bích. Hằng ngày bận rộn như vậy nhưng thầy vẫn ân cần thăm hỏi chúng tôi. Chưa khi nào thấy thầy to tiếng quát mắng ai. Cả đời này tôi mãi biết ơn thầy”*.

Mỗi buổi chiều đến, ở ngôi chùa Linh Ứng lại rộn rã tiếng cười nói của các em gọi nhau đi ăn cơm, tiếng bi bô tập nói của các em nhỏ. Tất cả tạo nên khung cảnh của một mái ấm tình thương hơn là một ngôi chùa bình thường và đó chính là chốn lui về của những số phận bất hạnh được chở che và nâng niu.

Thành Đông

A group of children and adults are sitting on the floor in a room with bookshelves, engaged in a community activity. The room has bookshelves filled with books and framed pictures on the wall. The children are sitting in a circle, and an adult is sitting on the right side of the circle, possibly leading the activity. The room appears to be a library or a community center.

Nơi đây tính đến nay đã gần 20 năm, nó qua đi cùng với những khó khăn vất vả, song hành với đó là những mảnh đời bất hạnh mà thầy Thích Diệu Nhân đã gần bỏ cả cuộc đời mình. Công việc ấy mang một cái tên rất thánh thiện đó là *"Sống hướng thiện"*, với một cái tâm bao dung, độ lượng lớn lao.

Tôi không biết là phải bắt đầu từ đâu để có thể chia sẻ với các em, tạo cho các em một sân chơi bổ ích, tràn ngập tiếng cười. Và rồi, cái ngày Trung thu ấy, tôi cùng nhà chùa,

Hiện tại các em cũng đã trưởng thành hơn, chỉ còn lại 30 em đang là học sinh từ độ tuổi lớp 1 cho đến độ tuổi học cấp 3 là đang ở chùa, và trong số đó có một số em bé còn nhỏ tuổi, đang ở độ tuổi là mẫu giáo, mầm non. Thời kỳ cao điểm chùa có bốn, năm mươi cháu đang độ tuổi ăn học các cấp. Tiến ăn, tiền học đổ dồn xuống đôi vai thầy. Toát mồ hôi với những khoản đóng góp mỗi đầu năm học. Rồi tiền ăn, học hàng tháng, mua sắm quần áo, giấy bút, rồi học thêm... Gánh nặng nhà chùa nhiều khi tưởng chừng khó vượt qua nổi. Vậy mà, với sự lao động siêng năng của thầy và trò Yên Ninh Tự, cùng sự phát tâm giúp đỡ của Phật tử thập phương, trải qua hơn 10 năm nhiều em thi đỗ đại học, cao đẳng, trở thành cô giáo, công an, bộ đội.... Các em như: Dương Tuấn Anh, Tạ Thị Ái, Tạ Thị Diệp hiện đang học lớp nhạc đồng quê tại Học viện Âm nhạc tại Hà Nội, cứ kỳ nghỉ em lại về dạy đàn sáo cho các em nhỏ, em Đào Thị Lâm hiện đang là sinh viên năm thứ 2 của Học viện Ngoại Giao...

Thế rồi, cái tâm tôi đã định hướng ra được, cái nơi mà mình cần đến chính là nơi đây. Hàng tuần tôi thường bố trí thời gian về thăm thầy và các em tôi. Mỗi lần đặt chân về mảnh đất ấy lại là một cảm xúc khác nhau. Có một cái gì đó vừa khâm phục bởi tấm lòng cao thượng của người thầy, sự bao dung độ lượng được ẩn chứa trong con người thầy mà khiến tôi thấy mình còn rất nhỏ bé, tôi muốn làm được nhiều điều hơn nữa để giúp thầy, giúp các cụ già ấy và các em tôi.

Cuộc sống còn rất nhiều điều khó khăn ở phía trước, tôi rất mong cộng đồng hãy chung tay giúp đỡ những con người có hoàn cảnh khó khăn để chia sẻ phần nào với họ. *"Lá lành đùm lá rách"* rất mong nhận được sự giúp đỡ của mọi người.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
Số 5 ra ngày 15/08/2014

SƯU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Nếu bạn muốn sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin vui lòng liên hệ với tòa soạn. Đặc biệt chỉ với 165.000đ bạn đã có trọn bộ cả năm được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để **TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ** năm 2012 - 2013 trên giá sách nhà bạn: vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đọc đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2012 - 2013

sẽ được tặng 01 phần quà của Tạp chí. Bạn đọc Hà Nội xin mời đến mua tại tòa soạn, bạn đọc ngoài Hà Nội vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 04 - 3. 9.423 887 để biết thêm chi tiết về cước phí bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2014

Kính mời: Quý chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2013

- | | |
|---|--------------|
| ☐ Số 1 Xuân 2014 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2014 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2014 | Giá 25.000đ |
| ☐ Số 3 Mừng Phật đản (tháng 5+6), phát hành ngày 15/5/2014 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2014 | Giá 25.000đ |
| ☐ Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2014 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2014 | Giá 25.000đ |
| ☐ Tạp chí cả năm (6 số) | Giá 165.000đ |
| ☐ Cước gửi tạp chí về tận nhà (theo nhu cầu) | Giá 50.000đ |

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt **Tạp chí Nghiên cứu Phật học** qua bưu điện (Công ty Phát hành Báo chí Trung ương) là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội * Điện thoại: 04 - 3 9 423 887

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sở giao dịch 1 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam * Số tài khoản: 102010000032825

THƯ KẾT NỐI

Đón đọc và ủng hộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Kính bạch các bậc chư tôn thiên đức, quý tăng, ni, phật tử!

Kính gửi quý bạn đọc gần xa, các đạo hữu và những người yêu mến đạo Phật!

Tạp chí Nghiên cứu Phật học (NCPH) ra đời tính đến nay đã tròn 24 năm. Tạp chí là ấn phẩm báo chí của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, và là một trong những cơ quan báo chí chính thức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được Bộ VH - TT (nay là Bộ TT & TT) cấp Giấy phép báo chí.

Hơn 10 năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã giao cho Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội thực hiện việc xuất bản định kỳ Tạp chí. Tổng biên tập Tạp chí là Hòa thượng Thích Gia Quang - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, kiêm Trưởng Ban Thông tin Truyền thông T.Ư GHPGVN, Viện trưởng Phân viện NCPHVN tại Hà Nội.

Tính đến nay, sau 24 năm xuất bản, Tạp chí đã phát hành được 124 số Tạp chí. Tạp chí NCPH hiện tại phát hành 2 tháng/1 số, trong năm 2013 Tạp chí đã phát hành được 06 số, in giấy couche, 4 màu, kích thước 20 x 28 cm, 84 trang.

Tạp chí có các chuyên mục, chuyên trang như: Giáo lý, Lịch sử và Triết học, Trao đổi... là những chuyên đề chuyên sâu nhằm giúp các quý tăng ni, học giả nghiên cứu, trao đổi và cùng nhau phổ biến tri thức Phật pháp.

Bên cạnh đó, những trang mục Phật giáo với đời sống, Văn hóa nghệ thuật Phật giáo, Suy ngẫm, Pháp thoại... là nhịp cầu nối giữa Phật giáo với đời sống, chú trọng truyền tải các thông tin Phật học ứng dụng.

Để Tạp chí NCPH ngày một phát triển, Tạp chí rất mong nhận được sự cổ vũ, động viên, ủng hộ của quý tăng ni phật tử, quý học giả, bạn đọc xa gần bằng các hình thức sau:

- Tham gia gửi tin, bài, ảnh cộng tác
 - Đặt mua Tạp chí và cùng chung tay quảng bá Tạp chí tới đông đảo bạn đọc
 - Ủng hộ phát hành và công đức phát hành Tạp chí
 - Tham gia Quảng cáo
 - Ủng hộ tinh tài giúp Tạp chí ổn định về Tài chính.
- Hiện tại mỗi số phát hành, Tạp chí còn lỗ khoảng 50

triệu đồng, mỗi năm 6 số. Do vậy, nguồn kinh phí để in ấn và phát hành Tạp chí hết sức khó khăn.

Tạp chí NCPH thực hành giáo lý theo tinh thần hộ trì và xiển dương Phật Pháp, đăng tải các thông tin nghiên cứu chuyên sâu theo các chuyên đề cụ thể; đem lại lợi lạc quần sinh sẽ trân trọng ghi dấu thiện tâm của tất cả những người con Phật.

Dù một chút tịnh tài, một chút công sức nhưng với tâm thế nguyện rộng lớn, công đức của tất cả sẽ hòa chung trong đại nguyện cùng hướng tới ngôi nhà chung Phật Pháp thường hằng.

Các khoản ủng hộ sẽ được cập nhật và đăng chi tiết trên các số báo và trên mạng Internet, mọi chi phí đều dành cho việc in ấn và phát hành Tạp chí.

1. Mọi sự ủng hộ tinh tài của quý vị xin gửi về Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 73 chùa Quán Sứ, Quán sứ, Hà Nội. Số Tài khoản: 102010000032825; Sở giao dịch 1, Ngân hàng công thương Việt Nam

Trưởng ban Biên tập: Cư sĩ Giới Minh,
email: tapchincph@gmail.com, ĐT: 0913317752

2. Sự cộng tác bài vở xin liên hệ: Biên tập viên Chân Như

Địa chỉ email: phathocvietnam@gmail.com,
Điện thoại: 0977693286.

3. Liên hệ quảng cáo: Phật tử Phùng Anh Tuấn - pháp danh: Đạo Quang

Địa chỉ email: phunganhtuan18@gmail.com,
Điện thoại : 0962278617

4. Liên hệ ấn tống kinh: Phật tử Trần Thị Thanh Hà - Pháp danh Bảo Ngọc

Địa chỉ Email: thanhha@tuebichuaquansu.com
Điện thoại: 0919881641

5. Liên hệ phát hành: Phật tử Phạm Hồng Lựu - pháp danh Bảo Hồng Liên

ĐT: 0975.568.649

Xin trân trọng cảm tạ và sự động viên, đồng hành của tất cả quý vị!

Nguyện ánh sáng Chư Phật mười phương gia hộ cho quý vị thân tâm an lạc, phật sự viên thành.

Nam mô Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

**HÀ NỘI: VTC1 HD, VTC2, THAY
TRUYỀN HÌNH TRỰC TIẾP
CHƯƠNG TRÌNH "ĐẠI LỄ VU LAN
VỚI PHẬT TỬ & DOANH NHÂN"**



Ảnh: NHK

Nhân kỷ niệm 33 năm ngày thành lập GHPGVN, Kỷ niệm 67 năm Ngày Thương binh liệt sỹ, và chào mừng thành công Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc - Vesak 2014; Được sự đồng ý của Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban TTTT T.Ư GHPGVN tổ chức Chương trình Giao lưu Nghệ thuật về chủ đề "Đại lễ Vu Lan với Phật tử & Doanh nhân" vào hồi 20h00, ngày 04/08/2014 (09/07/Giáp Ngọ) tại Nhà hát lớn Hà Nội, số 1 phố Tràng Tiền, Hà Nội. Chương trình là hoạt động xã hội cộng đồng mang tính nhân văn sâu sắc với mục đích truyền bức thông điệp gìn giữ phát huy những giá trị đạo đức cao đẹp của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là đạo hiếu trong xã hội hiện đại.

Thông qua chương trình, Ban tổ chức đã và sẽ có những đợt đi tặng quà tại một số ngôi chùa đang nuôi dưỡng các cụ già cô đơn, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa và nhiều hoàn cảnh khó khăn trong cả nước.

**ÔNG NGUYỄN THIỆN NHÂN TIẾP
CHỦ TỊCH LIÊN MINH GIÁO HỘI
PHẬT GIÁO LÀO**

Chiều 5/9, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Nguyễn Thiện Nhân đã tiếp Đại lão Hòa thượng Ma Ha Phong Sa Ma Rơc - Pháp chủ, Chủ tịch Trung ương Liên minh Giáo hội Phật giáo Lào. Tại buổi tiếp, ông Nguyễn Thiện Nhân khẳng định, MTTQ Việt Nam coi chuyến thăm của đức Pháp chủ là sự kiện có ý nghĩa sâu sắc và thể hiện sinh động truyền thống, hữu nghị, quan hệ hợp tác

toàn diện giữa hai dân tộc anh em Việt Nam - Lào.

Đặc biệt, đầu tháng 5/2014 vừa qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức thành công Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc tại chùa Bái Đính, Ninh Bình, trong đó có sự tham gia phối hợp, giúp đỡ của Liên minh Giáo hội Phật giáo Lào và cá nhân Đức Pháp chủ. Đại lão Hòa thượng Ma Ha Phong Sa Ma Rơc tin tưởng, trên tinh thần đoàn kết giữa 2 dân tộc Việt Nam - Lào, mối quan hệ giữa Giáo hội Phật giáo hai nước ngày càng phát triển tốt đẹp hơn.



Ảnh: AP

**VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA
TRAO TẶNG HUÂN CHƯƠNG CHO
TT. THÍCH ĐỨC THIỆN**

Chiều 05/09/2014 (12/08/Giáp Ngọ) tại Hà Nội, Thượng tọa Thích Đức Thiện, Phó Tổng Thư ký GHPG Việt Nam đón nhận Huân chương Vương quốc Campuchia cấp Đại tướng quân của Nhà nước Campuchia.

Đón nhận Huân chương lần này do Nhà nước Campuchia trao tặng có sự tham dự trang trọng của Thượng tọa Thích Đức Thiện, Phó Tổng Thư ký Giáo hội Phật giáo Việt Nam; ông Vũ Xuân Hồng, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; ông Vũ Mão, Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia; ông Lý Quang Bích, Phó Tổng Thư ký Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia...

Phát biểu tại buổi lễ, thay mặt Chính phủ Vương quốc Campuchia, Chủ tịch Hội hữu nghị Campuchia-Việt Nam, Đại sứ Hul Phany bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị cũng như Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia đã góp phần khôi phục, xây dựng, phát triển Vương quốc Campuchia ngày



Ảnh: AP

một bền vững. Việc đón nhận Huân chương do Vương quốc Campuchia trao tặng là thành tích hết sức xứng đáng vì tất cả những hoạt động đó đã góp phần to lớn cả về chính trị, kinh tế - xã hội và nhân đạo phù hợp với mục tiêu của Chính phủ và nhân dân hai nước.

**HỘI NGHỊ MỞ RỘNG BAN
THƯỜNG TRỰC HĐTS GHPGVN
BỔ SUNG CÁC CHỨC DANH BỊ
KHUYẾT CỦA BAN THƯỜNG TRỰC
HĐTS GHPGVN NHIỆM KỶ VII.**

Sáng 11/9/2014. Tại Văn phòng 2 TWGH - TV Quảng Đức, Q.3 - TP.HCM, đã diễn ra Quang lâm chứng minh và tham dự hội nghị có: HT. Thích Đức Nghiệp, HT. Thích Hiền Pháp - đồng Phó Pháp chủ HĐCM, HT. Thích Hiền Tu, HT. Thích Thanh Dũng, Phó Thư ký HĐCM, HT. Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS HT. Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký HĐTS, cùng chư tôn đức giáo phẩm Phó Chủ tịch HĐTS, chư tôn đức Ban Thường trực HĐTS, các ban ngành viện TƯ GH, BTS PG các tỉnh thành phố.

Các ông Bùi Thanh Hà - Phó trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, Hà Ngọc Anh - Phó trưởng Ban Dân vận TƯ, Nguyễn Văn Thanh - Phó Trưởng ban Dân tộc - Tôn giáo UBTƯ MTTQVN, ông Bùi Hữu Dực - Vụ trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ, cùng đại diện các ban, ngành các cấp TW và TP. HCM cũng đồng thanh dự. Với tinh thần đoàn kết, hòa hợp và quyết tâm của chư Tôn đức, công việc suy cử bổ sung các thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự giữa nhiệm kỳ VII (2012 - 2017) toàn thể Đại biểu tham dự đã nhất trí thông qua:

Nhất trí suy cử Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Quyền Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Hòa thượng Thích Thiện Pháp



Ảnh: NHK

- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Hòa thượng Thích Thiện Tấn, Thượng tọa Thích Quảng Hà, Thượng tọa Thích Thanh Quyết - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Thượng tọa Thích Đức Thiện - Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự; Thượng tọa Thích Thiện Thống, Thượng tọa Thích Thanh Điện - Phó Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự

Tại Hội nghị lần này, Ban thường trực HĐTS cũng đã trao con dấu mới cho các Ban, Viện Trung ương và Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố.

LỄ HỘI VU-LAN CHO NGƯỜI VIỆT TẠI HÀN QUỐC



Trên tinh thần chia sẻ nỗi niềm của những người con xa quê hương mùa Vu-lan, ngày 8/9/2014 (nhằm 15/8 âm lịch) đoàn hoằng pháp Viện Chuyên Tu đã tổ chức lễ Vu-lan báo hiếu với chủ đề "Vu-lan tha hương" cho toàn thể người Việt Nam đang sống và làm việc tại Hàn Quốc.

Chương trình được hỗ trợ rất lớn của phương trụ trì và chư Tăng cùng Phật tử chùa Quan Âm (1301-20, Bongdeok 1-dong, Nam-gu, Daegu - Hàn Quốc) với tấm lòng đoàn kết của tất cả anh chị em Phật tử tại Daegu Hàn Quốc cùng chung tay tổ chức.

AN GIANG: KHAI MẠC HỘI NGHỊ CHUYÊN ĐỀ PG NAM TÔNG KHMER, LẦN THỨ VI

Sáng ngày 14/09/2014, tại chùa Huỳnh Đạo, phường Núi Sam, TP. Châu Đốc đã long trọng Khai mạc Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer Lần thứ VI. Các bậc chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS: HT. Dương Nhơn - Phó Pháp chủ HĐCM; HT. Châu Ty- UVTT HĐCM; HT. Châu Sùng; HT. Lý Sân- đồng thành viên HĐCM; HT. Thích Thiện Nhơn- Q. Chủ tịch HĐTS; HT. Thích Thiện Pháp-Q. Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Trưởng Ban Tăng sự T.Ư; HT. Thích Thiện Tâm, HT. Thích Giác Toàn, HT. Thạch Sok Xane - Phó Chủ tịch HĐTS... cùng chư tôn đức các tỉnh, thành, chư Tôn đức PG Nam Tông Khmer các tỉnh đã về tham dự.

Lãnh đạo chính quyền, ông Bùi



Ảnh: NHK

Thanh Hà - Phó ban Ban; ông Bùi Hữu Dực - Vụ Trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ; ông Nguyễn Thanh Bình - Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang; ông Hà Hữu Liên - Vụ trưởng Vụ Tôn giáo - Dân tộc Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, đại diện các cơ quan, ban ngành Chính phủ, đại diện Ban Tôn giáo các tỉnh thành có Phật giáo Nam tông Khmer hiện diện tại hội nghị

Hội nghị tổng kết 10 năm công tác hỗ trợ Phật giáo Nam tông Khmer, cũng như tiếp tục nghiên cứu một cách căn cơ trong công tác hỗ trợ này để đảm bảo sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, của các cấp Giáo hội đi vào thực chất, đảm bảo các hoạt động của Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer vừa theo đúng các quy định của GHPGVN và Pháp luật Nhà nước. Đối với các mặt công tác trọng tâm như Giáo dục, Văn hóa, tổ chức quản lý, sinh hoạt của chư Tăng, Tự viện Phật giáo Nam tông Khmer ở tầm ngắn hạn và lâu dài để các hoạt động này được phát triển một cách đồng bộ, về chiều rộng lẫn chiều sâu trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo

Việt Nam, đồng thời vừa mang tính đặc thù của Hệ phái, vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Khmer

TỔNG THỐNG ẤN ĐỘ THĂM CHÙA TRẦN QUỐC



Ảnh: AP

Sáng 16/9 (tức ngày 23/8 ÂL), ngài Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee và phái đoàn đã đến thăm và làm lễ dâng hương tại chánh điện chùa Trần Quốc (Hà Nội).

HT. Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS; HT. Thích Thanh Nhã, UVTT HĐTS, Phó ban Thường trực Ban Nghi lễ T.Ư, trụ trì chùa Trần Quốc; TT. Thích Đức Thiện, Tổng Thư ký HĐTS đón tiếp đoàn. Phái đoàn ngài Tổng thống Ấn Độ đã được chư tôn đức hướng dẫn làm lễ dâng hương tại chánh điện và đi thăm lại cây bồ-đề được tách từ cội cây nơi Đức Phật Thích Ca thành đạo, do đích thân Tổng thống Ấn Độ Prasat trao tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1959. Nhân dịp này, ngài Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee đã có lưu bút tại chùa Trần Quốc, đồng thời đón nhận món quà do HT. Thích Thanh Nhã trao tặng.

Phát biểu tại cuộc gặp mặt, Hòa thượng gửi lời chúc sức khỏe tới Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee cùng toàn thể các thành viên trong đoàn và mong muốn quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam - Ấn Độ ngày một thắt chặt, Phật giáo hai nước sẽ luôn được trao đổi hợp tác và phát triển. Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với chư tôn đức lãnh đạo T.Ư GHPGVN đã đón tiếp phái đoàn và hy vọng Ấn Độ - Việt Nam sẽ luôn tăng cường giao lưu, hợp tác trong tình hữu nghị giữa hai nước, vì hòa bình thịnh vượng và sự hòa hợp phát triển trên toàn thế giới.

BTV Tổng hợp



HÀN QUỐC: CÁC SƠN TỰ PHẬT GIÁO HÀN QUỐC ĐƯỢC ĐĂNG KÝ LÀ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI UNESCO



Seoul, Hàn quốc - Với việc thành lập một hiệp hội mới để tạo điều kiện và giám sát quá trình ghi danh cho đến năm 2018, Hàn quốc đang đẩy mạnh những nỗ lực để ghi danh các sơn tự Phật giáo truyền thống của quốc gia như là các Di sản Văn hóa Thế giới UNESCO.

Qua việc ký một biên bản ghi nhớ vào ngày 6/8/2014, Tổng phái Tào Khê của Phật giáo Hàn quốc sẽ chung tay với các tổ chức khác nhau, bao gồm Cục Quản lý Di sản Văn hóa Hàn quốc và 12 tổ chức khu vực, để lập nên một ủy ban hỗn hợp cho dự án ghi danh. Các ngôi chùa Phật giáo truyền thống Hàn quốc hiện đang được đăng ký trên danh sách dự kiến của các Di sản Thế giới UNESCO là chùa Magoksa ở Gongju, chùa Beopjusa ở Boeun, Tongdosa ở Yangsan, Buseoksa ở Yeongju, Bongjeongsa ở Andong, Daeheungsa ở Haenam và Seonamsa ở Suncheon.

TÂY TẠNG: HÀNG NGHÌN NGƯỜI MỪNG LỄ ĐĂNG QUANG CỦA PHÁP SƯ PENOR MỚI

Lhasa, Tây Tạng - Hàng nghìn nhà sư và tín đồ Phật giáo Tây Tạng đã hội tụ tại tu viện Palyul, hạt Dege (khu Kham) vào ngày 4/8/2014 để mừng lễ đăng quang của sự tái sinh cuối cùng của Pháp sư Penor - người đứng đầu dòng Phật giáo địa phương cổ nhất.

Cậu bé Pema Dorjee, được công nhận là một sự tái sinh của người đứng đầu dòng Nyingma, đã sở hữu



tu viện Palyul tại Tây Tạng. Vào năm 2009, lúc 1 tuổi, Pema Dorjee đã được một số lão tăng công nhận sau khi Pháp sư Kyabje Drubwang Pema Norbu viên tịch. Dòng Nyingma là một trong 4 trụ cột của Phật giáo Tây Tạng và là truyền thống cổ xưa nhất của tôn giáo này, với phần nghi lễ và tụng niệm rất gắn gũi với nền văn hóa Tây Tạng cổ đại.

MIẾN ĐIỆN - THÁI LAN; TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO VÀ HỒI GIÁO CÙNG THAM GIA VÌ SỰ HÒA HỢP LIÊN TÔN GIÁO



Tại Miến Điện và Thái Lan, đã có những nỗ lực chung của tín đồ Phật giáo và Hồi giáo để vượt qua sự chia rẽ giữa 2 tôn giáo này và chống lại những nhận thức sai lầm và hiểu lầm giữa họ. Tại thành phố Mandalay của Miến Điện, nơi đã chịu những xung đột nghiêm trọng giữa Phật giáo và Hồi giáo vào tháng 7, Nhóm phúc lợi Xã hội Hồi giáo đã cúng dường thực phẩm và áo cà sa cho các tăng sĩ tại Tu viện Masoe Yein vào ngày 3/8 để thúc đẩy sự hòa hợp liên tôn giáo. Nhóm này đã tặng quà cho các tu sĩ Phật giáo hàng năm kể từ năm

2012. Tuy nhiên, năm nay việc này rất có ý nghĩa vì trong những vụ đụng độ gần đây, chư tăng địa phương đã khiển trách các cư dân, bảo họ không được tham gia mà phải giữ bình tĩnh.

Còn tại Thái Lan, một diễn đàn có tên "Phá vỡ Bức tường Im lặng: Hãy ngừng Cướp đi Mạng sống của Phụ nữ và Trẻ em" do một hội phụ nữ ở Bangkok và một số hội phụ nữ từ miền nam tổ chức vào ngày 22/7. Các bà mẹ, con gái và chị em Phật giáo và Hồi giáo mô tả cách họ đã chịu đựng trong bạo lực, và nói về những người thân yêu đã mất.

Vào lúc kết thúc diễn đàn, các hội phụ nữ và thân nhân đã đưa ra một tuyên bố kêu gọi các bên vũ trang "dừng bất cứ hoạt động nào gây tổn hại cho dân thường".

THÁI LAN: PHẬT TỬ ĐẾN CHÙA VÀO NGÀY CỦA MẸ

Đồng đạo Phật tử đã đến các chùa trên khắp đất nước vào sáng ngày 12/8/2014 để cúng dường vật phẩm cho chư tăng, vì đây là ngày kỷ niệm sinh nhật thứ 83 của Hoàng hậu và là quốc lễ Ngày của Mẹ.

Theo truyền thống, trước khi đến chùa để nghe những bài pháp giảng Phật giáo, nhiều người đã dậy rất sớm để cúng dường vật phẩm cho các nhà sư. Thông điệp của ngày này là vai trò của người mẹ như là những người ban tặng vĩ đại, những người sinh và nuôi dưỡng con cái.



Truyền thống Ngày của Mẹ sẽ tiếp tục vào buổi tối trên khắp quốc gia, khi mọi người tập trung tại các địa điểm quan trọng hoặc trong nhà họ để thắp nến và cùng hát bài ngợi ca hoàng gia, trước khi kết thúc các lễ mừng ngày lễ với pháo hoa rực rỡ để tôn vinh Hoàng hậu.

HÀ LAN: BUỔI LỄ PHẬT GIÁO DÀNH CHO 5 NẠN NHÂN CỦA THẢM KỊCH MH17



The Hague, Hà Lan - Sáng 19/8/2014 tại nhà tang lễ ở thành phố The Hague (La Haye), một nghi lễ Phật giáo đã được tổ chức dành cho di hài của 5 nạn nhân người Mã Lai trong vụ rơi chiếc máy bay MH17 của Hãng không Mã Lai.

Buổi lễ bắt đầu lúc 8a.m và được hướng dẫn bởi các tu sĩ Phật giáo, trong sự hiện diện của 100 thành viên gia đình của các nạn nhân và hội viên của một số hội Phật giáo địa phương.

Sau đó, lễ hỏa táng các di hài đã diễn ra tại thị trấn Zoetermeer, cách nhà tang lễ 26 km.

Tiến sĩ Wee Ka Siong, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mã Lai, nói rằng nghi lễ đã tiến hành như dự định. "Các gia đình không cần phải lo lắng, vì nó đã được thực hiện theo thỏa thuận trước đây. Chúng tôi luôn luôn nỗ lực để đem lại điều tốt nhất và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của họ", ông nói với báo chí Mã Lai sau buổi lễ.

ÚC ĐẠI LỢI: PHẬT GIÁO TRONG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH "TIẾNG NÓI CỦA TÍN NGƯỠNG"

Melbourne, Úc Đại Lợi - Tháng 8 này, chương trình phát thanh đa



tôn giáo có tên là "Tiếng nói của Tín ngưỡng" kỷ niệm 3 năm thành lập.

Các tôn giáo tham gia vào chương trình là Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, đạo Sikh và Hồi giáo.

Chương trình Phật giáo phát thanh vào ngày Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng, gồm giáo lý và những bài bình luận về các chủ đề khác nhau như Đức Phật đã dạy, hướng dẫn thiền định, giới thiệu các nhạc phẩm phù hợp, thông báo về các sự kiện Phật giáo quan trọng, và mời các diễn giả thảo luận về nhiều chủ đề được quan tâm.

Âm nhạc của chương trình là một sự hòa trộn của nhạc Phật giáo truyền thống và nhạc Tây phương đương đại với ca từ Phật giáo phù hợp, bao gồm những bài hát cầu nguyện, những bài hát với phần giải thích và diễn dịch khác nhau về lời Phật dạy và về những câu chuyện của cuộc đời Đức Phật.

(Buddhist Door - August 25, 2014)

ẤN ĐỘ: VIỆN GIÁC NGỘ ẤN ĐỘ SẼ ĐƯỢC THÀNH LẬP TẠI TABO, BANG HIMACHAL PRADESH

Tu viện Tabo sẽ có Viện Giác ngộ Ấn Độ, là học viện sẽ nổi lên như trung tâm cải cách Phật học. Tọa lạc tại tiểu khu Spiti của huyện Lahaul-Spiti ở bang Himachal Pradesh, tu viện Tabo là một trung tâm nghiên cứu triết học và văn hóa bộ tộc Phật giáo kể từ khi thành lập vào năm 996



Photo: AP

sau công nguyên.

Ngày 1/9/2014, thống đốc bang Himachal Pradesh nói rằng để bảo vệ khu nghiên cứu Phật giáo cổ xưa tại Tabo, Bộ Văn hóa Liên bang đã đồng ý về nguyên tắc việc thành lập Viện Giác ngộ Ấn Độ (IIBD) tại Tabo. Chính quyền Liên bang sẽ tài trợ hoàn toàn cho dự án 450 triệu Rupee này.

Khi hoàn thành, dự án sẽ đưa Tabo và bang Himachal lên Bản đồ Quốc tế cho việc theo đuổi về Nghiên cứu Phật giáo.

Được Ban Khảo sát Khảo cổ học Ấn Độ công bố là di tích được bảo vệ, tu viện Tabo có một số bích họa và tranh cổ Phật giáo, hầu hết thuộc thế kỷ thứ XI - tinh xảo nhất thế giới.

NGA: THỦ ĐO MẠC TƯ KHOA SẼ CÓ 2 CHÙA PHẬT GIÁO

Mạc Tư Khoa, Nga - Việc xây dựng 2 ngôi chùa Phật giáo sẽ bắt đầu tại Mạc Tư Khoa vào mùa thu năm nay, và một trong 2 ngôi chùa này sẽ được dành riêng cho những Phật tử thiệt mạng trong Đệ nhị Thế chiến.

Tatyana Odushpayak, nữ chủ tịch trung tâm Phật giáo Tam Bảo của Mạc Tư Khoa, cho biết một bản thiết kế sẽ được chọn trong tháng 9 dành cho một ngôi chùa tại công viên tưởng niệm chiến tranh Poklonnaya, nơi đã có một nhà thờ Hồi giáo, một nhà thờ Chính thống giáo và một giáo đường Do Thái.

Sự hiện diện của những nơi thờ phượng khác nhau trong công viên phản ánh sự chiến đấu kể vai sát cánh bởi các tín hữu của các tôn giáo khác nhau trong Thế chiến thứ II. Theo Odushpayak, ngôi chùa này sẽ được xây dựng bằng việc cúng dường. Các đại biểu thành phố đã phê duyệt việc xây dựng, và đất đã được phân bổ cho dự án.

Ngôi chùa thứ hai, sẽ được xây tại quận Otradnoye, cũng sẽ tọa lạc gần một nhà thờ của Chính thống giáo, một đền thờ Hồi giáo và một giáo đường Do Thái giáo. Tổng số kinh phí để xây ngôi chùa 2 tầng này là khoảng 200 - 250 triệu rúp (5,4 đến 6,8 triệu USD).

PHƯƠNG DANH CÚNG DÀNG

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	TỊNH TÀI
1	Hà Văn Thắng	P406 Chung cư 2F Quang Trung số 39c Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.000.000
2	Phật tử Phạm Hoàng Dũng - Phúc Hoàng	Số 86 ngõ 401 đường Xuân Đình, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội	2.000.000
3	Vũ Thị Thu Hương	Số nhà 127 xóm Dinh, P.Đống Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	500.000
4	Trần Giang Hà	Tổ Thiện Chính chùa Quán Sứ, Hà Nội	100.000
5	Hoàng Thị Bấy	Thôn An Lập, xã An Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	100.000
6	Lê Mạnh Thắng	Số nhà 15 ngõ 169 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	2.000.000đ

Tạp chí xin chân thành cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý vị Phật tử đã hảo tâm ủng hộ hoạt động của Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội. Hoằng pháp lợi sinh là Phật sự trọng đại và lâu dài.

Kính mong được sự giúp đỡ thường xuyên của Quý vị để Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội hoàn thành Phật sự.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh.

PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI





VINCOM CITY TOWERS

"Where all the famous brands meet"



ADD:
191 Ba Trieu Str.,
Hai Ba Trung Dist., Hanoi
Tel: (84-4) 974 2899
Fax: (84-4) 974 2868
<http://www.vincomjsc.com>

VINCOM CITY TOWERS

Hanoi's most modern
prestigious shopping
complex with up to date
fashion excellent food
and great entertainment

GREAT SHOPPING

International & famous Brands
Good warranties and services
Cool and fresh environment
with fully air conditioning system

FOOD COMPLEX

Great restaurants Variety
of Asian and Western food

MODERN CINEMA COMPLEX (Opening 26th April 2006)

8 most modern cinemas

GAMES WORLD A SAFE PLACE TO LEAVE YOUR KIDS

(Legend Garden)
Fun and relaxing choice of games

AVG

TRUYỀN HÌNH
AN VIÊN

NATIONAL
GEOGRAPHIC
CHANNEL

Cùng **NGC** và **AVG**

An toàn trên mọi nẻo đường



Tặng
1.000
mũ bảo hiểm

cho khách hàng
sử dụng dịch vụ
Truyền hình An Viên

Tặng mũ bảo hiểm cho khách hàng
kích hoạt dịch vụ trong thời gian khuyến mại:

Từ 20/09/2014-31/10/2014
hoặc đến khi hết sản phẩm khuyến mại

Điểm phát quà khuyến mại:

Tại Hà Nội: Phòng giao dịch Yên Hòa-Số 2 Lô 11 Yên Hòa-Cầu Giấy
Tại TP Hồ Chí Minh: Văn phòng 10A Nguyễn Thị Minh Khai-P. Đa Kao-Quận 1
Khách hàng cần mang theo hợp đồng gốc, phiếu thu tiền
và CMND của chủ thuê bao khi đến nhận quà



Tổng đài chăm sóc khách hàng:

Gọi ngay 1900 1900 để đăng ký sử dụng dịch vụ Truyền hình An Viên
Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.truyenhinhanvien.vn

Khuyến mại có thời hạn trong vòng 01 tuần kể từ khi lần đầu tiên thu AVG